



CHÁNH PHÁP

PHÁT HÀNH MỖI ĐẦU THÁNG

HOÀNG PHÁP — TIN TỨC PHẬT SỰ — VĂN HỌC PHẬT GIÁO

SỐ 15 - THÁNG 7.2010

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- **KINH GIÀ LAM** (Tuệ Sỹ dịch), trang 1
- **GIÁO LÝ XÃ HỘI và CHÍNH TRỊ CỦA PHẬT GIÁO** (HT. Thích Trí Chơn), trang 2
- **CUỘC XUẤT LY VĨ ĐẠI** (thơ Thích Đồng Trí), trang 2
- **NGHĨA LÝ TỤNG NIỆM** (HT. Thích Thắng Hoan), trang 4
- **VẮNG MẶT, LAN MAN** (thơ Vũ Tiến Lập), trang 7
- **NHÂN NÀO QUẢ ẤY** (Mỹ Đức - Phạm Kim Dzung), trang 8
- **CÓ HƯƠNG** (thơ Phù Du), tr. 9
- **TÂM RỘNG RANG THANH TỊNH, ẮT AN ĐỊNH NỘI TÂM** (Tịnh Minh soạn dịch), trang 10
- **TÍNH LẶNG** (thơ Dương Kiều Nhi), trang 10
- **NHÂN MÙA PHẬT ĐẢN BÀN VỀ TÍCH PHẬT ĐẢN SINH** (Tâm Diệu), trang 11
- **TẠI SAO KHÔNG, NGẠC NHIÊN** (thơ Nguyễn thị Khánh Minh), trang 11
- **NẮNG LẺNG NGHIÊM THẮNG SÁU** (Thích nữ Giới Hương), trang 12
- **THIỆN HÀNH MÙA HẠ** (thơ Tường Vân), **HƯƠNG BAY...** (thơ Huyền Vũ), trang 14
- **TÁM CÁI BIẾT** (Tâm Minh - Vương Thúy Nga), trang 14
- **MỘT NGÀY, VIẾT CHO GIÒNG SỐNG TUỔI THƠ** (thơ Diêu Linh), trang 15
- **BỒ ĐỀ TÂM** (Chiêu Hoàng), trang 16
- **CHỢT THẤY BÓNG ĐÊM SỪNG SỪNG** (Uyên Nguyên), trang 16
- **CÂY VÀ LÁ, CÓ?** (thơ Mỹ Huyền), trang 16
- **LỊCH TRÌNH TRIỂN LÃM PHẬT NGỌC NĂM 2010 & 2011**, tr. 17
- **CÁC CÂU CHUYỆN ÁM HAI ĐỨC PHẬT** (Hoàng Phong), trang 18
- **ĐI TÌM NGUỒN THƠ** (Võ Quỳnh Uyển), trang 20
- **ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN TẠI CHÙA PHẬT BẢO, PHILADELPHIA** (Phật tử chùa Phật Bảo), tr. 21
- **VÀI GÓP Ý VỀ VIỆC TRANG NGHIÊM TẮNG ĐOÀN** (Thích Viên Giáo), trang 22
- **NGƯỜI VỀ TỪ PHƯƠNG XA** (truyện ngắn Huyền Nữ Dương Chi), trang 23
- **SINH HOẠT AN CƯ tại PHV QUỐC TẾ** (Huỳnh Tấn Lê), tr. 24
- **TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI** (Diệu Âm lược dịch), tr. 25

KINH GIÀ-LAM

(Trung A-hàm, Phẩm 2: Tương Ứng Nghiệp)

Tuệ Sỹ dịch chú



Tôi nghe như vậy:
 Một thời Đức Phật trú tại Già-lam viên (1), cùng đại chúng Tỳ-kheo, đến Ki-xá Tử (2), trụ trong vườn Thi-nhiếp-hòa (3), phía Bắc thôn Ki-xá Tử.

Bấy giờ những người Già-lam ở Ki-xá Tử nghe đồn Sa-môn Cù-đàm thuộc dòng họ Thích, đã từ bỏ dòng họ Thích, xuất gia học đạo, đang trú tại Già-lam viên, và cùng đại chúng Tỳ-kheo đến Ki-xá Tử này, trụ trong rừng Thi-nhiếp-hòa ở phía Bắc thôn Ki-xá Tử. Vị Sa-môn Cù-đàm ấy có tiếng tăm lớn, truyền khắp mười phương rằng: 'Sa-môn Cù-đàm là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Vị ấy ở trong thế gian này giữa Chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, từ loài người cho đến loài trời, tự tri tự giác, tự tác chứng, thành tựu và an trụ. Pháp mà vị ấy thuyết, khoảng đầu thiện, khoảng giữa thiện, cứu cánh cũng thiện, có nghĩa, có văn, hiển hiện phạm hạnh thanh tịnh trọn đủ'. Nếu gặp được Đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác để tôn trọng, lễ bái cúng dường, thừa sự, thì sẽ được nhiều thiện lợi. Chúng ta hãy cùng nhau đến gặp Sa-môn Cù-đàm để lễ bái, cúng dường".

Những người Già-lam ở Ki-xá Tử, nghe như vậy rồi, mỗi người cùng với quyến thuộc của mình kéo nhau ra khỏi Ki-xá Tử, đi về phía Bắc, tới rừng Thi-nhiếp-hòa. Họ muốn gặp Đức Thế Tôn để lễ bái cúng dường.

Đi đến chỗ Phật ngụ, những người Già-lam ấy hoặc có người lễ bái cúi đầu dưới chân Phật rồi ngồi sang một bên, hoặc có người chào hỏi Đức Phật rồi ngồi sang một bên, hoặc có người chấp tay hướng đến Phật rồi ngồi sang một bên, hoặc có người từ đàng xa thấy Đức Phật rồi im lặng ngồi xuống.

Lúc đó, những người Già-lam đều ngồi yên. Đức Phật thuyết pháp cho họ, khai thị, giáo giới, khiến cho hoan hỷ, được lợi ích. Sau khi bằng vô lượng phương tiện thuyết pháp, khai thị, giáo giới, khiến cho hoan hỷ, được lợi ích, Ngài ngồi im lặng.

Bấy giờ những người Già-lam sau khi được Đức Phật thuyết pháp, khai thị, giáo giới, khiến cho hoan hỷ, được lợi ích, họ đều từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa áo trịch vai bên hữu, chấp tay đến hướng Đức Phật, rồi bạch Đức Thế Tôn rằng:

"Thưa Cù-đàm, có một vị Sa-môn,

Bà-la-môn đi đến Già-lam chỉ tự khen ngợi tri kiến của mình mà chê bai tri kiến của người khác. Thưa Cù-đàm, lại có một vị Sa-môn, Bà-la-môn đi đến Già-lam cũng chỉ tự khen ngợi tri kiến của mình mà chê bai tri kiến của kẻ khác. Thưa Cù-đàm, chúng tôi nghe vậy liền sanh nghi hoặc: Những vị Sa-môn, Bà-la-môn ấy, vị nào thật? Vị nào hư?" (4)

Đức Thế Tôn nói rằng:
 "Này các người Già-lam, các người chớ sanh nghi hoặc. (5) Vì sao vậy? Vì nhân có nghi hoặc liền sanh ra do dự. (6) Này các người Già-lam, các người tự mình không có tịnh trí để biết có đời sau hay không có đời sau. Này các người Già-lam, các người cũng không có tịnh trí để biết điều đã làm có tội hay không có tội. Này các người Già-lam, nên biết các nghiệp có ba cái là nguyên nhân, là sự tập khởi, là căn bản là duyên của nó (7). Những gì là ba? Này các người Già-lam, tham là nhân, là tập, là bản, là duyên của các nghiệp. Này các người Già-lam, nhuế và si là nhân, là tập, là bản, là duyên của các nghiệp.

"Này các người Già-lam, người có tham bị tham che lấp, (8) tâm không nhàm đủ, hoặc sát sanh, hoặc lấy của không cho, hoặc hành tà dâm, hoặc biết mà nói dối, hoặc lại uống rượu. Này các người Già-lam, người có nhuế bị nhuế che lấp, tâm không nhàm đủ, hoặc sát sanh, hoặc lấy của không cho, hoặc hành tà dâm, hoặc biết mà nói dối, hoặc lại uống rượu. Này các người Già-lam, người có si bị si che lấp, tâm không nhàm đủ, hoặc sát sanh, hoặc lấy của không cho, hoặc hành tà dâm, hoặc biết mà nói dối, hoặc lại uống rượu.

"Này các người Già-lam, Đa văn Thánh đệ tử xa lìa việc giết hại, dứt bỏ sự giết hại, dẹp bỏ dao gậy; có tâm, có quý, có tâm từ bi, làm lợi ích cho tất cả, cho đến côn trùng. Vị ấy đối với sự sát sanh, tâm đã trừ sạch.

"Này các người Già-lam, Đa văn Thánh đệ tử xa lìa việc lấy của không cho; đoạn trừ việc lấy của không cho; vui vẻ trong việc nhận của được cho, thường ưa sự bố thí, vui vẻ không keo kiệt, không mong người kia đền trả. Vị ấy đối với việc lấy của không cho, tâm đã trừ sạch.

"Này các người Già-lam, Đa văn Thánh đệ tử xa lìa việc phi phạm hạnh; đoạn trừ việc phi phạm hạnh; siêng tu phạm hạnh, siêng tu điều hành, thanh tịnh, không uế, ly dục, đoạn dâm. Vị ấy đối với việc việc phi phạm hạnh, tâm

đã trừ sạch.

"Này các người Già-lam, Đa văn Thánh đệ tử xa lìa việc nói dối, đoạn trừ sự nói dối; nói lời chân thật, ưa thích sự chân thật, an trụ nơi chân thật không di động, tất cả những điều vị ấy nói đều đáng tin, không lừa gạt thế gian. Vị ấy đối với việc nói dối, tâm đã trừ sạch.

"Này các người Già-lam, Đa văn Thánh đệ tử xa lìa sự nói hai lưỡi, đoạn trừ việc nói hai lưỡi, không phá hoại kẻ khác, không nghe nơi người này nói lại người kia muốn phá hoại người này, không nghe nơi người kia nói lại với người này muốn phá hoại người kia; những người xa lìa nhau thì muốn kết hợp lại, thấy người kết hợp lại thì vui vẻ, không kết bè đảng, không khen việc kết bè đảng. Vị ấy đối với việc việc nói hai lưỡi, tâm đã trừ sạch.

"Này các người Già-lam, Đa văn Thánh đệ tử xa lìa việc nói thô ác, đoạn trừ việc nói thô ác. Nếu có những lời mà từ khí thô bạo, âm thanh hung dữ trái tai, mọi người không vui, mọi người không ưa, làm cho người khác khổ não, làm cho họ không được an ổn, vị ấy đoạn trừ những lời nói như vậy. Nếu có những lời hòa nhã dịu dàng, xuôi tai, đi sâu vào lòng người, đáng thích, đáng yêu, làm cho người kia an lạc, âm thanh vừa đủ rõ ràng, không làm cho người kia sợ sệt, làm cho người kia được an ổn, vị ấy nói những lời như vậy. Vị ấy đối với việc nói lời thô ác, tâm đã tịnh trừ.

"Này các người Già-lam, Đa văn Thánh đệ tử xa lìa lời nói phù phiếm, đoạn trừ lời nói phù phiếm; nói đúng lúc, đúng sự thật, nói đúng pháp, nói đúng nghĩa, nói về tịch tịnh, ưa nói về tịch tịnh, hợp việc, hợp thời, thích nghi, khéo dạy dỗ, khéo quở rầy. Vị ấy đối với việc nói phù phiếm, tâm đã tịnh trừ.

"Này các người Già-lam, Đa văn Thánh đệ tử xa lìa tham lam, đoạn trừ tham lam, không ôm lòng náo hại, thấy của cải và các nhu cầu sinh sống của người khác không mong lòng tham lam, muốn cho được trở về mình. Vị ấy đối với việc tham lam tâm đã tịnh trừ.

(xem tiếp trang 11)

CUỘC XUẤT LY VĨ ĐẠI

Vào đêm ấy, canh ba, giờ đã tới
Bao nhiêu người đang ngon giấc mê man
Tất Đạt Đa đang ưu tư chờ đợi
Thoát ra giường, Ngài khẽ vén bức màn.
Nghe ngân vang âm thanh trong hoàn vũ
"Giờ đến rồi, Người hỡi ! Hãy ra đi !"
Ngoái nhìn lại, vợ con đang say ngủ
Bao xuyên xao trong giờ phút phân ly...
"Gia Du hỡi, tình yêu đang nồng thắm
Vi tình chung đành gác lại tình riêng
Ta không thể hưởng thú vui say đắm
Bao chúng sanh đang đau khổ, xích xiềng.
La Hầu La, cha con đành cách biệt
Trong lòng cha ấp ủ mãi tình thương
Theo tiếng gọi thiêng liêng và tha thiết
Của chúng sinh, cha phải bước lên đường.
Phụ-Mẫu Hoàng, con cúi đầu bái tạ
Con chưa tròn hiếu hạnh với song thân
Không hầu cận khi ốm đau già cả
Hạnh xuất gia, con quyết chí dấn thân.
Hỡi thần dân, hãy cùng Ta chịu đựng
Cuộc chia tay thắm lặng buổi hôm nay
Ta đi tìm hạnh phúc nào bền vững
Đạo nhiệm màu giải khổ thế gian này."
Chợt Gia Du xoay nghiêng người nhè nhẹ:
"Thái Tử ơi ! Đừng bỏ thiếp ra đi !"
Trong cơn mơ, giọng của nàng khe khẽ
Cảnh tình thêm lưu luyến lúc phân ly.
Nhưng tất cả không sao ngăn cản nổi
Một tâm hồn không ích kỷ cho mình
Người đồng mãnh tháo ra bao dây trói
Để lên đường tìm lối độ nhơn sinh.
Rời phòng loan, Ngài đi tìm Xa Nặc :
"Giờ đến rồi, Ta phải vượt ngoài thành
Mang cho Ta con ngựa yêu Kiền Trắc
Nội canh ba phi nước đại cho nhanh"
A Nô Ma vẫn sóng xô rào rạt
Như hùng ca đưa tiễn, khúc quân hành
Với lời chúc cho Người mau thành đạt
Tìm ra đường giải thoát, độ quần sanh.
Đến mé rừng, Ngài gò cương dừng lại.
Hai thầy trò phải tạm biệt nơi này.
Cắt tóc xanh, Ngài giao cho Xa Nặc
Hãy mang về gửi nhẵn Gia Du hay:
"Gia Du hỡi ! Hãy vì Ta chăm sóc
La Hầu La được khôn lớn, thành nhân
Bao ân tình, Ta gửi vào mái tóc
Chớ héo sầu trong cô quạnh, tủi thân.
Và này đây gươm vàng xin trao gởi
Phụ Mẫu Hoàng hãy bảo trọng thân mình
Thưa song thân hãy vững lòng chờ đợi
Ngày trùng phùng, vui sum họp, đoàn viên.
Hãy cho Ta được giã từ tất cả
Ta ra đi vì nhân loại, chúng sinh.
Hẹn đến khi Ta đắc thành Chánh Quả
Ta trở về xin báo đáp ân tình."
Rồi từ đó bóng du tăng khất sỹ
Đi tìm Sư học Đạo khắp nơi nơi
Bao hiểm trở chông gai, không ngừng nghỉ
Tìm cho ra chân lý cứu độ đời.
Ngài để lại gương xuất ly vĩ đại
Ngài giã từ ngôi Thái Tử cao sang
Không tiếc nuôi, không còn gì giữ lại
Để trở thành người hành khất lang thang.
Tắm gương đó vẫn mãi luôn tỏ rạng
Thời gian không làm dấu tích phôi phai
Trầm hương đốt kính dâng mùa Phật Đản
Con dấn thân nguyện theo bước chân Ngài.

Mùa Phật Đản, PL. 2554
Chùa Viên Quang, Cleveland, Ohio, USA

Thích Đồng Trí

GIÁO LÝ XÃ HỘI VÀ CHÍNH TRỊ CỦA PHẬT GIÁO

Nguyên tác Đức ngữ: **Ernst Benz**

Dịch ra Anh văn: **Richard & Clara Winston**

Chuyển ngữ: **HT. Thích Trí Chơn**

(tiếp theo kỳ trước)

Ý tưởng xã hội của Phật Giáo nhằm chống lại trật tự của một xã hội thần quyền Bà La Môn giáo được thiết lập xem như tồn tại mãi mãi trong đó vị trí của mỗi cá nhân không bao giờ thay đổi. Trên thực tế, ý tưởng này nhằm duy trì các đặc quyền xã hội, chính trị và kinh tế của giai cấp tu sĩ Bà La Môn. Đức Phật hẳn nhiên đã không huỷ diệt giai cấp bằng cuộc cách mạng xã hội, nhưng Ngài đánh đổ toàn bộ quan niệm về giai cấp bằng cách bảo rằng sự phân chia đó là do ý tưởng độc đoán và lợi danh của con người bày ra chứ không phải bởi thần linh sắp đặt. Phủ nhận mọi yêu sách đặc quyền của hàng tăng lữ Bà La Môn, đức Phật đã trình bày một lý tưởng cách mạng cho thế giới và xã hội.

Theo Wijesekera, động cơ thúc đẩy mạnh nhất nằm đằng sau ý tưởng đạo đức xã hội Phật Giáo là đức hạnh căn bản mà đức Phật khuyên các đệ tử của Ngài cố gắng thực hành, đó là lòng từ bi đối với mọi chúng sanh. Kinh tạng Pali ghi chép rất nhiều lời giáo huấn của đức Thế Tôn khuyên các nhà vua thời xưa nên cấp phát ruộng đất cho những người nghèo và bảo đảm, giúp đỡ cho họ có cơm ăn mỗi ngày, vì đó là "điều cần thiết để tạo dựng một xã hội an lạc". Nói khác, nhờ hành động từ bi của chính quyền, hạnh phúc sẽ đến với toàn dân trong các nước theo Phật Giáo.

Nếu nghèo đói gây ra tội ác, Wijesekera bảo rằng, chính phủ có trách nhiệm tìm cách ngăn chặn để tội ác không lan rộng khắp quốc gia. Mỗi cá nhân nên làm ăn lương thiện để có được sự giàu sang, nhưng họ có bổn phận chia xẻ tài sản dư thừa của mình cho kẻ khác. Tích lũy quá nhiều của cải, tiền bạc cũng là điều đáng trách và tội lỗi chẳng khác gì chúng ta đã phạm chúng.

Ý tưởng đạo đức trên đây cũng khuyên những người nghèo cần nên tu tập thiền định. Trong cuộc sống con người phải cố gắng diệt trừ lòng tham và tính vị kỷ. Giáo sư Wijesekera đã trình bày cho thấy các quốc gia theo Phật Giáo thời xưa đã thành công ra sao khi họ biết áp dụng nguyên tắc này. Chẳng hạn chính quyền đã đưa ra nhiều luật lệ về thuế má. Trong trường hợp bị mất mùa và thiên tai, nhà vua đã hết lòng cứu giúp các nạn nhân bằng cách chi thị cho giảm bớt hoặc trả lại thuế và cung cấp tiền bạc cho dân chúng để họ có thể khởi sự cấy trồng vụ lúa mới. Hành động bố thí, giúp đỡ như thế, Wijesekera cho chúng ta biết rằng, đó là những chủ trương tài chánh, kinh tế của các vị vua Phật tử ngày trước; và giáo sư phát biểu thêm là chính sách tạo phúc lợi cho dân chúng của các quốc gia theo Phật Giáo xưa kia chẳng khác gì tinh thần đạo đức đã hướng dẫn những nước Tây Phương ngày nay mang lại sự giàu sang hạnh phúc cho mọi người theo đường hướng xã hội chủ nghĩa.

Các nhà lãnh đạo Miến Điện ngày nay đã tiến xa hơn nhà cầm quyền Tích Lan khi họ

biết áp dụng tinh thần đạo đức Phật Giáo trong hiến pháp và quyền lập pháp của quốc gia. U Chan Htoon, thẩm phán toà án tối cao Miến Điện, kiêm chủ tịch Viện Hoàng Đạo đã tuyên bố qua bài thuyết trình của ông tại Đại Hội Tôn Giáo ở Chicago (Hoa Kỳ) năm 1958 như sau:

"Vấn đề người bóc lột người sẽ được chấm dứt nhờ áp dụng Phật Giáo vì đạo Phật chủ trương đoạn dứt mọi hình thức của tham lam như tham đắm của cải, quyền lực và các thú vui dục lạc. Người làm công sẽ hết lòng làm việc phục vụ cho chủ nhân và bổn phận của chủ nhân là trả lương xứng đáng cũng như tận tình chăm sóc, bảo vệ cho họ như đối với con cái của chính mình... Người Phật tử hiểu biết rằng khi qua đời gia tài mà họ có thể mang theo được ở kiếp sau là những của cải tiền bạc mà họ đã làm phước bố thí trong đời này. Và đây chính là nguồn gốc thực sự và lâu dài của mọi điều hạnh phúc thế gian.

"Cho nên Phật Giáo đã cung cấp cho chúng ta cảm nang của một lý tưởng xã hội, không phải là điều không tưởng nhằm quay lưng không quan tâm đến bản chất sự sống của con người mà là một đường hướng thực tế và có thể thành tựu được cho sự thăng hoa, tiến bộ của nhân loại Hành động tự lợi cao cả nhất của người Phật tử là hy sinh quyền lợi cá nhân để phục vụ cho hạnh phúc của người khác. Do sự tu tập hạnh từ bi bố thí, hành giả dần dần làm suy giảm lòng tham đắm dục vọng nơi tự thân cho đến khi ý niệm vô minh ngã chấp không còn nữa".

Tất cả những ý tưởng đạo đức của Phật Giáo nêu trên đã trực tiếp hay gián tiếp ảnh hưởng mạnh mẽ đến quan niệm chính trị của các quốc gia theo đường hướng Phật Giáo mới tại đông nam Á Châu. Thế giới Tây Phương hiểu biết rất ít về thành quả mà những vị sáng lập các quốc gia mới này đã đạt được khi chủ trương quay trở về theo đường hướng Phật Giáo sau khi thực dân Anh rút lui. Các nhà lãnh đạo Miến Điện hiện đại, ông U Nu đã nhiều năm làm thủ tướng Miến và ông U Ba Swe, bộ trưởng quốc phòng, đã thành lập Miến Điện như một quốc gia theo chủ nghĩa xã hội Phật Giáo.

U Ba Swe trong tác phẩm của ông nhan đề "Cuộc cách mạng Miến Điện" (The Burmese Revolution) xuất bản tại Rangoon năm 1952 đã viết rằng lòng tham muốn, thoả mãn các nhu cầu vật chất của con người không bao giờ kết thúc. Sự lo nghĩ mong cầu các đòi hỏi vật chất hằng ngày đã khiến con người không thấy được sự tạm bợ vô thường của kiếp sống nhân sinh. Nhưng khi nhu cầu vật chất của con người được thoả mãn, họ có thể tự tin rằng khổ đau là một phần không thể tách rời khỏi cuộc sống, và nhờ khổ đau con người có thể đạt được giải thoát trong đời hiện tại.

Ông U Nu lại chủ trương điều quan trọng là cần quốc hữu hoá ruộng đất theo nguyên tắc Phật Giáo. Trong bài diễn văn đọc trước quốc hội ngày 10 - 9 - 1948, ông tuyên bố rằng giá trị của tài sản nằm trong việc sử



dụng này trong quốc gia theo Phật Giáo có thể giúp dân chúng đạt được mục tiêu tinh thần của họ cũng như chỉ bảo đảm được bằng đường lối quốc hữu hoá sẽ có kết quả tốt hơn là để cho người dân làm chủ đất đai của mình. Hơn nữa, khi con người nhận thức được sự vô nghĩa của tài sản vật chất, điều ấy sẽ giúp họ từng bước tiến trên con đường dẫn tới Niết Bàn.

Như chúng ta thấy ở trên niềm tin vào thời kỳ hoại diệt của thế giới và một vị Phật tương lai sẽ ra đời đã góp phần trong việc thiết lập các chương trình cải cách của tân quốc gia Miến Điện. Nhưng chúng ta hơi ngạc nhiên khi nghe nói đến luận thuyết mật thể (eschatology) trong Phật Giáo. Đây là danh từ bắt nguồn từ đạo Thiên Chúa, tin tưởng đại khái vào lý thuyết cho rằng thế giới này sẽ có ngày kết thúc hay thời kỳ tận thế của trái đất, phần lớn được diễn tả trong bộ sách Khải Huyền (Apocalypse) của Thánh John là: sự chiến đấu giữa nước Chúa và những người chống Thiên Chúa vào thời kỳ kết thúc của lịch sử, sự xuất hiện lần thứ hai của Chúa Cứu Thế, sự phán quyết cuối cùng cũng như sự tạo dựng một thiên đàng mới và một tân thế giới. Căn bản tình cảm của thuyết Tận Thế theo Thiên Chúa Giáo là hy vọng rằng một nước Chúa sẽ sấm đến với nhân loại.

Phật Giáo cũng hứa hẹn sự ra đời của một vị Phật tương lai sẽ mang lại một tân thời đại cho thế giới. Thời kỳ đức Phật Di Lạc xuất hiện sẽ giúp cho chánh pháp phục hồi, phát triển và hưng thịnh. Tuy nhiên, có những khác biệt về sự mong chờ giữa các Phật tử và tín đồ Thiên Chúa. Thiên Chúa Giáo quan niệm rằng ngày Tận Thế sẽ là một biến cố duy nhất. Trong khi Phật Giáo bảo rằng đó là sự kiện xuất hiện theo chu kỳ, nghĩa là đức Phật sẽ giáng trần trở đi trở lại nhiều lần cũng như giáo pháp của Ngài sẽ trải qua hết thời kỳ suy đến thịnh và rồi hết giai đoạn thành trụ (thịnh đạt) sẽ đến hoại không (mạt tận). Khi giáo pháp của Như Lai tiến đến thời kỳ hoại kiếp không còn gì nữa thì một vị Phật khác sẽ ra đời để bắt đầu một thời đại chuyển pháp luân mới.

Quan niệm về ngày Tận Thế của Thiên Chúa giáo thực ra không thể luân chuyển theo chu kỳ vũ trụ luận thần thoại như thế. Niềm tin cho rằng một ngày nào đó đến giai đoạn thế giới này kết thúc, đức Phật Di Lạc sẽ ra đời hoàn toàn không giống như điều dự đoán trước của Thiên Chúa là Chúa Cứu Thế sẽ trở lại vào ngày Tận Thế như "kẻ trộm đến trong đêm tối" (as a thief in the night).

Ý tưởng chính trị xã hội về mạt thế luận này có thể tìm thấy trong những bài diễn văn của cựu thủ tướng U Nu (Miến Điện), mặc dù ông không nói rõ đến việc giáng trần của một đức Phật tương lai nhưng ông trình bày câu chuyện thần thoại về sự tái xuất hiện của một thiên đàng thế giới. Một bài diễn văn chính trị của U Nu đăng trong tập "Hướng về Hoà Bình và Dân Chủ" (Towards Peace and Democracy) ấn hành năm 1949, ông viết như sau:

"Theo một câu chuyện thần thoại của chúng ta, xưa kia trên thế giới có

một cái cây thần diệu với nhiều trái tạo thành đủ loại thức ăn và đồ vật cho loài người sử dụng. Những người đầu tiên trên trái đất không biết làm ăn buôn bán cho nên tất cả đã hái trái của những cây này để dùng cho nhu cầu của họ. Rồi lòng tham bắt đầu xuất hiện trên thế giới và con người đã bẻ quá nhiều trái cây hơn số lượng họ cần dùng. Do đó, cây mầu nhiệm này đã biến mất. Dĩ nhiên đây chỉ là một câu chuyện hoang đường nhưng ý nghĩa nội dung muốn nói rằng khi lòng tham lam, ích kỷ xuất hiện trên thế gian thì số đông người đã trở nên nghèo túng, phiền muộn và khổ đau..... Tư tưởng mới của những người thiên tả là mong tìm cách giúp thế giới từ cuộc sống bóc lột lẫn nhau, con người nên quay trở về tân thời đại của cây thần diệu nói trên".

Giống như quan niệm thiên đường của Rousseau (nhà tư tưởng Pháp), hình ảnh cây mầu nhiệm này của U Nu nhằm nói đến tư tưởng của một cuộc cách mạng hoàn toàn. Ông sử dụng nó như một hành động biện minh chính đáng cho những đòi hỏi cấp tiến đi theo chủ nghĩa xã hội Phật Giáo của ông, đặc biệt là chủ trương quốc hữu hoá những tài sản tư hữu. U Nu đã trình bày cho các đồng chí của ông hiểu rõ về chủ trương Phật Giáo thiên tả này. Trong bài diễn văn đọc nhân ngày lễ tưởng niệm các anh hùng chiến sĩ trận vong Miến Điện 19 tháng 7 năm 1950, ông tuyên bố:

"Chủ nghĩa xã hội không có gì khiến chúng ta phải lo sợ, đáng kính hay ghét bỏ. Đó là chủ thuyết có thể hướng dẫn dân tộc chúng ta trở về thời đại của cây Padaytha thần diệu. Tôi hy vọng đã trình bày rõ ràng tại sao tôi muốn xây dựng một quốc gia theo xã hội chủ nghĩa".

Trong bài diễn văn đọc vào ngày 11 tháng 10 năm 1948 ban hành luật quốc hữu hoá, U Nu đã phát biểu: "Nếu chúng ta điều chỉnh hợp lý việc sử dụng các tài sản, không những chúng ta chấm dứt được cuộc tranh đấu đẫm máu giữa hai giai cấp nghèo và giàu trong xã hội mà còn tiến đến cuộc sống hoàn toàn hạnh phúc không còn phân biệt giai cấp giữa chủ và tớ".

Điều mà chúng tôi muốn áp dụng ở đây không phải là phương pháp quyền xảo nhằm tô điểm cho các chương trình cách mạng chính trị theo đường lối cũ mà là một ý thức hệ Phật Giáo xác thực. Ngay trong bộ Dhammathat Manukyi, kết hợp những cổ luật của Miến Điện chịu ảnh hưởng giáo lý của đức Phật, chúng ta có thể đọc thấy rằng ý tưởng phân mọi người thành nhiều giai cấp đã tạo nên xấu xa trong nhân loại và làm suy đồi những xã hội toàn hảo. "Hạng người không may mắn bị đàn áp bóc lột bởi những người khác đã sống cuộc đời không có hạnh phúc được gọi là giai cấp nghèo khổ".

Ý tưởng mong chờ sự xuất hiện của một vị Phật tương lai hình như cũng đã gây ảnh hưởng đến nền Phật Giáo Nhật Bản. Năm 1957 bài xã luận đăng ở tạp chí "Đông Phương Trẻ Trung" (The Young East) đã viết: "Sự tin tưởng vào những ngày sau cùng của thế giới nói lên ý tưởng cho rằng thời đại hiện nay đã quá suy đồi hơn bất cứ giai đoạn nào khác và tình trạng đó đã kéo dài qua nhiều thế kỷ.

Thời đại của chúng ta hôm nay có thể gọi là như vậy vì bản chất huỷ diệt của nó. Nhưng khi nghĩ đến những ngày tốt đẹp hơn sau này, điều ấy có nghĩa là con người hy vọng giáo pháp chân chính sẽ được phục hồi ngay chính trong thời kỳ suy thoái hiện nay. Chúng ta tin rằng giáo lý của đức Phật sẽ là giáo pháp duy nhất có thể đóng góp hữu ích cho thế giới ngày nay trong đó chúng ta đang sống khổ đau".

Tuy nhiên có thể sai lầm khi chúng ta nghĩ rằng tình trạng Phật Giáo tại Nhật Bản và các quốc gia đông nam Á Châu đều giống nhau. Thực ra có nhiều sự khác biệt giữa các nước Miến Điện, Thái Lan, Tích Lan và Lào quốc, cũng như giữa Trung Hoa và Nhật Bản, nhất là trong các vấn đề liên quan đến đạo đức xã hội Phật Giáo. Như chúng ta thấy tại Miến Điện, đạo đức Phật Giáo đã làm nền tảng cho hiến pháp cũng như hướng dẫn đường hướng văn hoá và xã hội cho quốc gia mới này. Trong khi ở Tích Lan những ảnh hưởng của Phật Giáo không tiến xa như vậy. Còn Phật Giáo tại Nhật Bản nhất là các tông phái Phật Giáo truyền thống cũng đã không sử dụng năng lực của mình tham gia vào các sinh hoạt thế gian.

Sự khác biệt sâu xa giữa hai phái Nam Tông (tiểu thừa) và Bắc Tông (đại thừa) Phật Giáo trong sinh hoạt xã hội đạo đức như thế nào? Trước hết có một vài khác biệt căn bản giữa tiểu và đại thừa Phật Giáo (như chúng tôi đã trình bày ở các chương trước). Nhưng quan trọng hơn hết là sự sai khác trong lịch sử văn học và chính trị. Tại Miến Điện cũng như Tích Lan, các chính quyền quốc gia đã bị lật đổ bởi thực dân Anh. Nhà cầm quyền thực dân Anh đã bãi bỏ đặc quyền xem Phật Giáo như quốc giáo trước kia tại cả hai quốc gia với những hậu quả là Phật Giáo đã bị thế tục hoá và suy đồi.

Tại các nước đông nam Á Châu, Phật Giáo đã phải đương đầu với chủ nghĩa Mác Xít mà nó trở thành nền tảng ý thức hệ cho sự phát triển chính trị lẫn kinh tế của nước cường quốc láng giềng Trung Cộng. Do sự đấu tranh với Cộng Sản chủ nghĩa đã khiến các Phật tử nghĩ tưởng đến di sản đạo đức xã hội của họ. Đặc biệt dân tộc Miến Điện và Tích Lan đã không phục hồi nền quân chủ sau khi đất nước được thực dân Anh trao trả độc lập, trái lại Thái Lan vẫn tiếp tục duy trì một vương quốc Phật Giáo như thời xưa.

Tại Nhật Bản, sự phát triển hoàn toàn khác hẳn. Nhờ sự phục hưng quyền lực của hoàng gia dưới thời vua Minh Trị nên Nhật Bản may mắn hơn các quốc gia khác. Họ đã không bị thực dân Tây Phương xâm chiếm. Nhật Bản đã vươn lên nhờ sự giúp đỡ của Thần Đạo (Shintoism) chứ không phải Phật Giáo. Dưới triều đại vua Minh Trị, Phật Giáo đã bị mất hết ảnh hưởng. Hành động đầu tiên của tân chính quyền bảo hoàng sau khi phục hồi quyền lực của vua chúa vào năm 1868 là phá huỷ sự liên kết lâu đời nhiều thế kỷ giữa Thần Đạo và Phật Giáo. Thần Đạo bấy giờ đã tuyên bố là tôn giáo duy nhất của quốc gia. Tượng Phật phải dời khỏi các đền thờ trong cung điện hoàng gia và nhà sư Phật Giáo bị cấm không được vào những nơi thờ phượng của thần đạo, trừ phi họ cởi bỏ những y phục của Tăng sĩ.

Những người ủng hộ nhà vua giờ đây nhìn các Phật tử một cách ngờ vực. Họ chú tâm nghĩ đến sự trung thành với triều đại vua chúa và trật tự xã hội. Cho

nên Phật Giáo đã không dự phần vào các phong trào xã hội hiện đại. Ý tưởng xã hội được truyền bá tại Nhật không do Phật Giáo như ở Miến Điện và Tích Lan nhưng từ ảnh hưởng bên ngoài bởi những người theo Mác Xít và các giáo đoàn Thiên Chúa.

Điều này cũng đúng trong sự nổi dậy của phong trào lao động Nhật Bản mà nó trở thành môi trường cho những tranh chấp gay gắt về ý thức hệ. Những ý tưởng như Thiên Chúa và dân chủ hay vô chính phủ và chủ nghĩa công đoàn đã tranh chấp nhau để giành chiếm ưu thế. Các ý thức hệ này đã không phát sanh từ đất nước Nhật Bản và cũng không một ý thức hệ nào trong đó có thể giải quyết được các vấn đề của nhân công Nhật Bản. Những người Phật tử đã giữ thái độ đứng ngoài mọi sự tranh chấp đó.

Năm 1926 khi tổng giáo hội Thiên Chúa tại Nhật Bản đưa ra chương trình cần có đồng lương tối thiểu cho công nhân cũng như mọi tiện nghi khác thì giới Phật tử lại tán thành chủ trương "ổn định xã hội" hay nói khác là muốn duy trì tình trạng cũ. Khi sinh viên các trường đại học Phật Giáo Nhật Bản bắt đầu tham gia công tác xã hội thì trước tiên họ từ bỏ Phật Giáo. Điển hình như trường hợp của hai ông Agamazus và Takazu Seido, những người đã góp phần to lớn trong lịch sử xây dựng chủ nghĩa xã hội tại Nhật Bản.

Lãnh tụ Agamazus và Takazu Seido đều xuất thân trong các gia đình Tăng sĩ Phật Giáo nhưng họ lại cắt đứt với truyền thống Phật Giáo. Ông Takazu Seido vào cuối năm 20 và trước năm 30 tuổi đã phỉ báng Phật Giáo từ quan điểm xã hội thiên tả của ông. Năm 1922, Sano Manabu, một trong những lý thuyết gia nòng cốt của cộng sản chủ nghĩa Nhật Bản đã kêu gọi những đảng viên của ông từ chối không nhận sự giúp đỡ từ thiện của các Phật tử chùa Higashi - Hongashi và hô hào đấu tranh cho giai cấp vô sản. Năm 1933 Sano Manabu từ bỏ ý tưởng Mác Xít và trước khi qua đời năm 1953 ông lại quay về với Phật Giáo. Ông cũng kêu gọi giới Phật tử chống đối Cộng Sản và yêu cầu họ nên để ra một chương trình hoạt động xã hội của riêng Phật Giáo.

Sự chống đối các tôn giáo và Phật Giáo của những người Nhật theo Mác Xít vào thời gian đầu năm 1930 đã khiến các nhà trí thức Phật Giáo lần đầu tiên nghiên cứu thấu đáo chủ nghĩa Mác Xít và Lê Nin. Liên Đoàn Thanh Niên chủ trương canh tân Phật Giáo được thành lập dưới sự hướng dẫn của ông Seo Giro đã tham gia vào các công tác lao động và biểu tình chống chiến tranh. Chính quyền đã đàn áp nhóm này vào năm 1937 khi xảy ra cuộc chiến giữa Nhật Bản và Trung Hoa. Những người theo chủ nghĩa xã hội đó là các Phật tử đã hoạt động theo lý tưởng Bồ Tát hạnh của Phật Giáo.

Trong thế chiến thứ hai, Nhật Bản xâm chiếm Miến Điện đã dẫn đến sự liên lạc trực tiếp giữa Bắc và Nam Tông Phật Giáo. Năm 1943, các nhà lãnh đạo Phật Giáo Miến đã tuyên bố rằng Nhật Bản và Miến Điện đã hợp tác trong cuộc chiến tranh chống lại sự thống trị của thực dân Anh.

(xem tiếp trang 6)



NGHĨA LÝ TỤNG NIỆM

HT. Thích Thắng Hoan

LỜI NÓI ĐẦU

Vấn đề tụng niệm một số người không nắm được giá trị và nghĩa lý của nó nên có thái độ khinh thường, xem nhẹ, không quan tâm, không chú trọng cho việc làm này là thuộc về hạ cấp, tầm thường, chỉ dành riêng cho hạng bình dân mê tín tu tập. Nhưng họ không ngờ rằng việc tụng niệm cũng là một trong những pháp môn không kém trong việc tu tập đạt đạo mà chính đức Phật đã khuyến khích các đệ tử thực tập đã được ghi lại trong các kinh Đại Thừa, như Kinh Pháp Hoa, Kinh Đại Bảo Tích, Kinh A Di Đà, v.v...

Thông thường ở ngoài đời, con người muốn trở thành bác sĩ, kỹ sư thì phải chuyên cần học tập, nắm lòng những sách vở, những công thức chuyên nghiệp ngành nghề. Còn ở trong đạo, người Phật tử muốn giác ngộ thành Phật thì cũng phải học tập, phải nắm lòng những kinh Phật mà mình thọ trì. Tụng niệm cũng là cách học tập, nghĩa là học hỏi và thực tập để có kinh nghiệm, có sáng tạo. Tụng niệm ở đây vừa là học tập kinh Phật trong sự nhất tâm và vừa là thực tập (tu tập) pháp môn cho được thâm nhập (nắm lòng) kinh tạng để sáng tạo trí tuệ phát triển rộng lớn như biển cả. Một bác sĩ, một kỹ sư học tập mà không nắm lòng, không kinh nghiệm thì không thông suốt và không có khả năng sáng tạo, ngành nghề không được phát minh cập nhật theo nhu cầu tiến bộ của thời đại. Người tu tập, tụng niệm kinh Phật không được nhất tâm, không được nắm lòng, không thâm nhập kinh tạng thì đạo lực không được phát triển, trí tuệ không được mở bày và con đường đạt đạo thành Phật còn quá xa xôi.

Vấn đề tụng niệm đừng có thành kiến bảo rằng chỉ có tông phái Tịnh Độ chủ trương mà các tông phái khác không có hành trì, như Tịnh Độ Tông thì có nghi thức tụng niệm theo tông phái Tịnh Độ, Thiền Tông thì có nghi thức tụng niệm theo tông phái Thiền, Mật Tông thì có nghi thức tụng niệm theo tông phái Mật, v.v... Chỉ có khác nhau là mỗi tông phái hành trì nghi thức tụng niệm riêng theo phương cách của mình chọn lựa.

Chúng ta nên biết rằng, trên hành trình đi đến Bảo Sở (Thành Phật), có người khởi điểm khác nhau, như một số người khởi hành từ hướng đông, một số người khởi hành từ hướng nam, một số người khởi hành từ hướng tây, một số người khởi hành từ hướng bắc, v.v..., mặc dù khác nhau điểm khởi, nhưng chung qui tất cả đều gặp nhau ở điểm hẹn. Đây thì cũng vậy, mục đích cuối cùng là nhất tâm bất loạn để được thành Phật, nhưng mỗi tông phái có cách hành trì không giống nhau, có phái chuyên ngồi thiền, có phái chuyên tụng

niệm, v.v... chung quy tất cả đều gặp nhau ở điểm hẹn giác ngộ đạt đạo mà không có phái nào đúng phái nào sai trái cả.

Để làm sáng tỏ giá trị của sự tụng niệm, tôi viết bài NGHĨA LÝ TỤNG NIỆM không ngoài mục đích cống hiến quý Phật tử chưa thông suốt ý nghĩa của sự tụng niệm, khỏi bị phân tâm, khỏi xao xuyên đức tin trong việc tu tập pháp môn này. Những điều được trình bày trong tác phẩm này chỉ là những điểm nhỏ giá trị của sự tụng niệm, còn những giá trị thâm sâu khác của sự tụng niệm ở đây không thể trình bày lên giấy trắng mực đen mà những giá trị này chỉ dành cho những người tu tập mới đích thân cảm nhận được đầy thôi. Những gì tôi trình bày trong tác phẩm này, nếu quý độc giả bốn phương nhận thấy có điều chi thiếu sót, xin bổ túc thêm để tác phẩm có giá trị hơn, thành thật cảm ơn quý độc giả.

Cần bút
THÍCH THẮNG HOAN

—oOo—

NGHĨA LÝ TỤNG NIỆM

I.- ĐỊNH NGHĨA:

Chữ Nghĩa, chữ Lý, chữ Tánh, chữ Đạo trong các kinh điển Phật Giáo.

1)- NGHĨA: là ý nghĩa của những chữ, những câu văn được ghi lại trong các kinh sách. Nhờ ý nghĩa của những chữ, của những câu văn mà đọc giả nhận được tư tưởng và mục đích của tác giả đã gửi gắm trong các kinh sách.

2)- LÝ : là triết lý là tư tưởng là mục đích của tác giả được gửi gắm vào ý nghĩa của những chữ, của những câu văn trong các kinh sách. Tư tưởng của tác giả có súc tích, mục đích có cao siêu hay không là khi nào lời văn trong kinh sách có khúc chiết và ý nghĩa có thể hiện trọn vẹn hay không.

3)- TÁNH: là bản tánh của chân lý, nghĩa là chỉ cho nguồn gốc phát sanh ra chân lý mà tác giả muốn đọc giả hội nhập cảm thông một cách trọn vẹn và chân thành. Lý và Tánh thường đi đôi với nhau và không thể tách rời nhau để hội nhập cảm thông, cho nên trong Phật Giáo thường ghép hai chữ này lại thành một danh từ chung là LÝ TÁNH để cho hành giả dễ dàng thực tập tu chứng.

4)- ĐẠO: gọi cho đủ là Đạo Lực, nghĩa là đường đi của tâm lực. Chữ Đạo đây không phải chỉ cho một tôn giáo mà thế gian thường dùng. Theo Đạo Phật, Tâm lực tự nó có đường đi riêng của nó, cũng như Nghiệp Lực tự nó có đường đi riêng của nó. Thí dụ: Nghiệp lực ghiền rượu thì dẫn dắt con người đi trên đường đến quán rượu mà nó không dẫn dắt con người đi trên đường đến chỗ cờ

bạc và ngược lại nghiệp ghiền cờ bạc thì dẫn dắt con người đi trên đường đến chỗ cờ bạc mà không dẫn dắt con người đi trên đường đến quán rượu. Nghiệp ái dục thường dẫn dắt con người đi trên đường đến chỗ thanh lâu chơi bời mà nó không dẫn dắt con người đi trên đường đến những chỗ khác của nghiệp ái dục, v.v... ..

Tâm tự nó có năng lực của tâm gọi chung là tâm lực, cũng như men rượu tự nó có năng lực của rượu gọi chung là ma men, bài bạc tự nó có năng lực của bài bạc gọi chung là nghiệp cờ bạc, ái dục tự nó có năng lực của ái dục gọi chung là nghiệp ái dục.

Những tác phẩm của thế gian thường mượn chữ nghĩa văn chương diễn tả trên hai lãnh vực là Nghĩa (ý nghĩa) và Lý (triết lý) mà không có Tánh. Riêng Phật Giáo, những kinh điển đều diễn tả bao gồm ba lãnh vực Nghĩa, Lý và Tánh.

Còn về phương diện ý nghĩa ĐẠO, những kinh điển của Phật Giáo, ngoài ba lãnh vực Nghĩa, Lý và Tánh đã trình trên còn xây dựng trên Trí Đạo, thường gọi là Phật Đạo, nhưng Trí Đạo ở đây được đặt trên nền tảng Tâm Đạo để khai triển mà không phải đặt trên nền tảng Nghiệp Đạo để chỉ đạo. Nho Giáo thường gọi là Văn dĩ tải đạo, nghĩa là văn chương chuyên chở đạo lý.

Đạo lực của Tâm (Trí Đạo hay Phật Đạo), bên Mật Giáo gọi là Thần Lực, nghĩa là Đạo Lực được ẩn ký vào trong các kinh điển và mật chú của Phật Giáo xuyên suốt cả ba lãnh vực Nghĩa, Lý và Tánh trong kinh văn, thường gọi là Tâm Ấn Sắc (nghĩa là tâm ấn vào vật chất của kinh văn). Đạo lực của tâm mượn vật chất của kinh văn để ẩn vào tâm của chúng sanh nên gọi là Sắc Ấn Tâm (nghĩa là đạo lực trong sắc chất kinh văn lại ẩn vào tâm của chúng sanh). Đạo lý của Tâm Ấn Sắc và Sắc Ấn Tâm, Duy Thức gọi là Dĩ tâm duyên tâm chơn đối chất, nghĩa là đem tâm lực này duyên với với tâm lực kia qua sự chuyên chở của sắc chất kinh văn. Đạo lực của tâm nằm ẩn sâu bên trong của kinh văn, nó không phải là kinh văn và ngoài kinh văn không tìm ra nó. Đức Phật dạy rằng: Y Kinh diễn nghĩa tam thể Phật oan, ly Kinh nhứt tự tức đồng ma thuyết, nghĩa là

y cứ nơi nghĩa lý của kinh văn mà diễn giải tức là nói oan cho Phật ba đời, còn nếu như lia khỏi kinh một chữ mà diễn giải tức là đồng với học thuyết của tà ma ngoại đạo.

Đạo lý tâm ấn sắc và sắc ấn tâm hay tâm duyên tâm chơn đối chất, bên Thiền Tông gọi là Tâm Ấn. Tâm Ấn gọi cho đủ là tâm ấn tâm, nghĩa là sử dụng Phật Đạo nơi tâm lực của mình đã giác ngộ ẩn chứa vào tâm lực của đệ tử mà mình muốn thọ ký. Đạo lý này được thí dụ như sau:

Bà con mình ở Việt Nam đang bị đói khổ tuyệt vọng liền viết một lá thư gửi sang Mỹ cầu cứu. Minh đọc lá thư đó liền xúc động rơi nước mắt, lập tức vào nhà băng lấy tiền gửi về tiếp tế cho họ. Bà con mình khi được tiền của mình gửi về mừng quá. Lần sau họ cũng viết một lá thư khác kể lể mọi thứ đau khổ nơi quê nhà để xin thêm tiền, nhưng khi mình đọc lá thư đó chẳng những không xúc động rơi nước mắt mà lại còn tức giận xé nát lá thư bỏ vào vỏ rác. Theo cái nhìn của Phật Giáo, hai lá thư vừa kể trên có hai trường hợp khác nhau khiến cho tâm lý của người nhận lá thư có hai thái độ cũng khác nhau; nguyên do lá thư đầu của người gửi cầu cứu đã chuyên chở đạo lực đau khổ do tâm của người gửi ẩn vào và đạo lực đau khổ đó ẩn vào tâm của người nhận khiến tâm người nhận bị xúc động rơi nước mắt lập tức gửi tiền về cứu khổ. Còn lá thư thứ hai lại chuyên chở đạo lực tham lam do tâm của người gửi ẩn vào và đạo lực tham lam đó lại ẩn vào tâm của người nhận khiến tâm của người nhận nổi lên phiền não tức giận đã không gửi tiền về cứu giúp mà lại còn chửi mắng nguyên rửa liền xé bỏ lá thư nói trên. Những lá thư kể trên là những đối chất chuyên chở đạo lực làm gạch nối giúp cho tâm hồn người gửi duyên nhau với tâm hồn người nhận để giao cảm.

Có những tác phẩm, những cốt truyện, những án thi ca đã chuyên chở đạo lực, thường gọi là những tác phẩm, những cốt truyện, những án thi ca có hồn của những tác giả ẩn vào khiến cho những đọc giả hay khán giả bị cảm xúc theo, điều đó chứng tỏ những tác phẩm nói trên thể hiện được văn dĩ tải đạo. Nhưng những đạo lực này thuộc về Tịnh Đạo mà không



phải Trí Đạo. Tình Đạo là đạo lực của tình cảm mà không phải là đạo lực của trí tuệ. Còn Kinh văn của Phật Giáo thì thuộc về đạo lực của trí tuệ, nên gọi là Phật Đạo. Người đọc tụng Kinh Phật là đọc tụng Trí Đạo hay đọc tụng Phật Đạo đã được chuyên chở trong Kinh văn và khiến cho Trí Đạo hay Phật Đạo đó được ăn sâu vào tâm làm gạch nối giao cảm với chư Phật trong mười phương, cho nên trong ba Tự Quy Y, Tự Quy Y thứ nhì nói rằng: Tự quy y Pháp xin nguyện chúng sanh, thấu rõ Kinh tạng trí huệ như biển là nói lên ý nghĩa Trí Đạo hay Phật Đạo đã được chuyên chở trong các Kinh văn của Phật Giáo.

II.- Ý NGHĨA VÀ GIÁ TRỊ TỤNG NIỆM:

Ý nghĩa tụng niệm đã được giải thích trong lời nói đầu Nghi Thức Tụng Niệm do Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam biên soạn dành cho hàng cư sĩ sử dụng với sự chứng minh của Hòa Thượng Thích Tịnh Khiết, Hòa Thượng Thích Giác Nhiên, Hòa Thượng Thích Khánh Anh, Hòa Thượng Thích Giác Nguyên, Hoà Thượng Thích Thiện Hòa xin ghi lại như sau:

TỤNG là đọc tụng. NIỆM là suy nghĩ nhớ tưởng. TỤNG NIỆM là miệng đọc tụng tâm nhớ nghĩ, tâm và miệng hợp nhứt, chú định vào lời Kinh tiếng Pháp. Tụng niệm có nhiều ý nghĩa:

- Tụng niệm để giữ tâm hồn được trong sạch, giao cảm với các tâm niệm tối cao. Tụng niệm lại là cách huấn tập tâm thức rất tốt, rất dễ dàng.

- Tụng niệm để ôn lại những lời Phật dạy, hầu lấy đó làm phương châm cho đời sống hằng ngày và gieo giống Bồ Đề giải thoát vào tâm thức.

- Tụng niệm để kèm chế thân khẩu trong khuôn khổ thanh tịnh, trang nghiêm, chính đáng, không cho nói năng, hàng động buông lung theo tập quán để hèn tham dục.

- Tụng niệm để cầu an, để ngăn lòng tội lỗi, dứt trừ nghiệp chướng lâu đời hầu tránh khỏi tai họa do tội lỗi nghiệp chướng gây nên.

- Tụng niệm để cầu siêu, để chuyển tâm niệm của người khác, khiến họ xa lìa nghiệp nhân xấu ác, rời khỏi cảnh giới tối tăm, siêu sanh về lạc quốc.

- Tụng niệm để làm cho tiếng Pháp Âm lưu chuyển trong nhân gian, cảm hóa mọi người cải tà quy chánh.

- Tụng niệm để kích thích, nhắc nhở mình và người trên con đường làm lành, học đạo.

- Tụng niệm để hướng lòng bi nguyện đến tất cả chúng sanh, cầu cho chúng sanh an hòa vui vẻ.

- Tụng niệm để tỏ lòng sám hối tội lỗi trước ngôi Tam Bảo, là nơi hoàn toàn thanh tịnh, không chút tội lỗi nhiễm ô.

Đây là ý nghĩa và giá trị tụng niệm trong giai đoạn tu học để thâm nhập được kinh tạng giúp cho trí tuệ nơi tự tâm khai mở rộng lớn như biển cả. Ngoài ý nghĩa và giá trị tụng niệm nói trên, người tu tập cần phải áp dụng ba phương pháp sau đây để chuyển đạt tâm nguyện của mình lên

chư Phật trong mười phương và để tâm mình thể nhập tâm chư Phật trong thế giới Chân Như. Ba phương pháp tu tập gồm có Tụng Kinh, Trì Kinh và Trì Chú.

A)- TỤNG KINH:

Tụng kinh có chỗ gọi là đọc kinh. Đọc Kinh khác với Tụng Kinh. Đọc Kinh nghĩa là chúng ta cầm lấy quyển kinh nào mình muốn đọc để hiểu biết đạo lý trong kinh đó và đọc ở nơi bất cứ chỗ nào cảm thấy tiện lợi mà không cần đến hình thức nghi lễ trang nghiêm.

Ngược lại Tụng Kinh nhằm mục đích tu tập cho nên chúng ta cần phải sử dụng nghi lễ và chọn chỗ trang nghiêm nơi trước bàn Phật đầy đủ hương đèn để hành trì. Nói cho dễ hiểu Đọc Kinh là để cầu hiểu biết đạo lý và Tụng Kinh là để cầu nguyện cảm ứng đạo giao. Ý nghĩa Đọc Kinh và Tụng Kinh đã giải thích rõ trong Yếu Chỉ Kinh Pháp Hoa, trang 80 và 81 cùng một tác giả được ghi lại như sau:

1/- ĐỌC KINH: đọc kinh nghĩa là đọc cái đạo lý sâu xa của kinh chứ không phải đọc lời văn trong kinh. Lời văn trong kinh không phải là đạo lý của kinh, mặc dù không có lời văn trong kinh thì đạo lý của kinh không biết nương tựa vào đâu để biểu lộ. Cho nên trong kinh đức Phật nói rằng: Y kinh điển nghĩa tam thể Phật oan, ly kinh nhứt tự tức đồng ma thuyết, nghĩa là căn cứ nơi kinh điển để giải nghĩa thì nói oan Phật ba đời và nếu như lìa kinh điển một chữ thì giống tà thuyết của ma quỷ. và Kinh Phật thường nói: đọc kinh câu lý mà không phải đọc kinh để cầu hiểu biết. Đạo lý của chư Phật hầu hết đều chứa đựng trong các kinh văn và các kinh văn theo lời Phật dạy là ngôn tay chỉ mặt trăng và các kinh văn không phải đạo lý mà cũng không phải là mặt trăng. Người nào đọc kinh nắm được yếu chỉ của đạo lý trong các kinh thì người đó theo Phật giáo mới thật sự là kẻ biết đọc kinh.

2/- TỤNG KINH: người tụng kinh không phải là tụng văn chương trong kinh và cũng không phải là tụng theo ý nghĩa của kinh. Người tụng kinh đúng theo ý của Phật dạy là để phát huy năng lực trí tuệ màu nhiệm của kinh. Mỗi quyển kinh của đức Phật nói đều có ẩn chứa năng lực trí tuệ màu nhiệm ở trong. Năng lực trí tuệ màu nhiệm đó có công đức vô biên hóa giải tật gặc rễ tất cả phiền não của chúng sanh và khiến cho sáu căn nơi mỗi chúng sanh trở nên thanh tịnh. Người tụng kinh có căn bản thì năng lực trí tuệ màu nhiệm của kinh tự nhiên phát sanh, cũng như người tu tập năm Căn (ngũ Căn) có căn bản thì năm Lực (ngũ Lực) tự nhiên phát sanh... Người tụng kinh cũng thế, tụng đến khi nào thâm nhập kinh tạng thì năng lực trí tuệ màu nhiệm tự nhiên phát sanh và họ sẽ năng lực trí tuệ đó tẩy trừ tất cả nghiệp căn phiền não, đồng thời khiến cho thân tâm trở nên thanh tịnh sáng suốt. Như vậy, mục đích của người tụng kinh là cầu năng lực trí tuệ thể hiện mà không phải tụng kinh để thường thức ý nghĩa văn chương trong kinh điển.

Trong giáo lý Phật Giáo, những Kinh của chính đức Phật giảng dạy gồm có hai loại: một loại thuộc về hiển giáo và một loại thuộc về mật giáo. Hai loại này theo Bát Nhã Tâm Kinh

Qua Cái Nhìn Của Duy Thức, cùng một tác giả, trang 112 và 113 giải thích rằng:

Hiển Giáo là giáo lý phương tiện, trong đó đức Phật tùy theo căn cơ và trình độ cao thấp của chúng sanh, trình bày những nguyên lý Tứ Đế, Nhân Quả, Luân Hồi, Thiện Ác, Nghiệp Báo, nguồn gốc sanh tử, v.v... Đồng thời đức Phật còn đưa ra những phương pháp tu tập diệt khổ như giáo lý Bát Chánh Đạo, Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh Cần, Tứ Như Ý Túc, v.v... giúp cho chúng sanh sớm được giác ngộ và giải thoát.

Mật Giáo là những pháp môn màu nhiệm, bí mật, cũng gọi là Mật Ngôn hay Chân Ngôn, tức là Pháp Âm của Pháp Thân chư Phật. Mật Ngôn có quyền năng siêu việt, linh ứng phi phạm không thể nghĩ bàn. Mật Ngôn hay Chân Ngôn thường gọi là Thần Chú. Thần Chú của Mật Giáo không thể giải thích như giáo lý của Hiển Giáo. Thần Chú của Mật Giáo đòi hỏi nơi sự hành trì để tăng trưởng năng lực hơn là để hiểu biết.

a)- Đặc biệt trong hai loại Hiển và Mật nói trên, có những Kinh Phật chỉ tuân tuý Hiển Giáo, như Kinh Lăng Già Tâm Ấn, Kinh Kim Cang, Kinh Đại Bát Nhã, Kinh Tiểu Bồ Đề, Kinh Bi Hoa, Kinh Vô Lượng Thọ, Kinh Quán Vô Lượng Thọ, v.v... nghĩa là những Kinh này chỉ chuyên phần lý giải mà trong đó không có thiết lập những câu Thần Chú ở trong cho nên đều thuộc về loại hiển giáo cả. Mặc dù trong những kinh đó, có những loại chuyên về lý giải, có những loại sau phần lý giải dạy cách tu quán và có những loại sau khi tán dương những công đức sâu dày của chư Phật, chư Bồ Tát trong mười phương, dạy cách tu tập theo pháp môn đó.

b)- Còn một số Kinh Phật thuộc về loại Mật Viên Thông của Mật Giáo, nghĩa là những Kinh này trong đó có phần Hiển Giáo và có phần Mật Giáo. Phần Hiển Giáo nhằm giải thích ý nghĩa, giá trị và diệu dụng của Kinh và phần Thần Chú là pháp môn hành trì tu tập của Kinh này, như Kinh Lăng Nghiêm là phần Hiển Giáo và Thần Chú Lăng Nghiêm là phần Mật Giáo, Bát Nhã Tâm Kinh là phần hiển giáo và Thần Chú Yết Đế là phần Mật Giáo, Kinh Dược Sư là phần Hiển Giáo và Thần Chú Dược Sư Quán Đảnh Chơn Ngôn là phần Mật Giáo, Kinh Pháp Hoa là Hiển Giáo và Phẩm Đà La Ni thứ hai mươi sáu nói lên Thần Chú: An nhĩ, mạn nhĩ, ma nễ, mamenễ, ...là phần Mật Giáo, v.v... Những kinh này sau phần lý giải ý nghĩa, giá trị và diệu dụng của Kinh có thiết lập Thần Chú để hành trì tu tập đều thuộc về Mật Viên Thông của Mật Giáo cả.

B)- TRÌ KINH:

Trì Kinh thì khác hơn tụng kinh. Tụng kinh là tụng theo nhu cầu theo sở nguyện, như cầu an, cầu tai qua nạn khỏi, cầu bệnh, cầu sám hối nghiệp chướng tội khiên, v.v... và người tụng kinh, họ tụng rất nhiều kinh mà họ thích, tụng hết kinh này đến kinh khác, không có phát tâm chuyên tụng duy nhất vào một quyển kinh nào cho thuộc lòng nhuần nhuyễn, cho được thuần thục để đạt đạo cả.

Còn Trì Kinh là tu tập bằng cách hành trì duy nhất vào một quyển kinh cho được thuần thục, nhằm mục đích phát khởi Đạo lực (Phật lực hay Thần lực) của kinh chú, tức là Vô Tác Diệu Lực, nghĩa là năng lực màu nhiệm không tác dụng hiện đang nằm ẩn sâu phía trong kinh tụng

khiến cho nó hiển lộ để thâm nhập vào tâm người tụng, nhờ Đạo lực của kinh tụng này trước hết khai thông trí tuệ của mình mở rộng như biển cả Thâm nhập Kinh tạng trí huệ như biển và sau đó tẩy trừ cho sạch hết tất cả tội chướng từ vô lượng kiếp đến nay trong tâm của người trì tụng khiến được giải thoát thanh tịnh, sớm chứng thành Phật quả. Người trì kinh, họ tụng chỉ một quyển kinh mà họ phát nguyện hành trì, tụng ngày đêm sáu thời, tụng hết ngày này đến ngày nọ, hết năm này đến năm khác và tụng đến khi nào đạt được đạo mới thôi.

Những người trì kinh thông thường đều chọn những Kinh mà mình muốn gửi tâm hồn vào đó để nhờ Đạo lực của Kinh chuyển tâm nguyện của mình lên đức Phật mà mình tôn kính và tin tưởng nhất. Người tin tưởng và tôn kính đức Phật A Di Đà liền trì kinh Tiểu Bản A Di Đà để chuyển lời tâm nguyện của mình cầu được vắng sanh Tây Phương Tịnh Độ, người tin tưởng và tôn kính đức Phật Thích Ca liền trì tụng Kinh Pháp Hoa để chuyển lời tâm nguyện của mình cầu được vào thế giới Niết Bàn Thanh Tịnh nơi Pháp Thân Thích Ca Bồ Môn, người tin tưởng và tôn kính đức Phật Dược Sư liền trì tụng Kinh Dược Sư để chuyển lời tâm nguyện của mình cầu Phật gia hộ sớm gặp được lương y và và pháp được giải trừ tâm bệnh và thân bệnh của mình, người tin tưởng và tôn kính đức Quán Thế Âm liền trì tụng kinh Phổ Môn để chuyển lời tâm nguyện của mình cầu Bồ Tát cứu khổ cho cuộc đời sớm tai qua nạn khỏi, v.v... Còn những kinh khác tùy theo sở nguyện của người hành trì chọn theo nhu cầu, nhưng không ngoài mục đích dâng trọn niềm tin lên đức Phật.

C)- TRÌ CHÚ:

Trì Chú cũng giống như trì kinh là tu tập bằng cách hành trì duy nhất vào một câu Thần Chú cho được thuần thục nhằm mục đích phát khởi thần lực của câu chú để tiêu trừ thiên tai ách nạn, bệnh tật, ma chiêu, hoá giải nghiệp chướng oan khiên lâu đời cho chúng sanh. Thần Chú, theo Phật Học Tự Điển của Đoàn Trung Còn, trang 329, tiếng Phạn (Sanskrit) gọi Dhàrani (Đà La Ni), Trung Hoa dịch là Tổng Trì, là những mật ngữ của chư Phật có sức linh ứng gia hộ người tu hành. Những mật ngữ này có tánh cách ký hiệu, như những Mật Mã truyền tin, như những Code truyền âm do chư Phật chư Bồ Tát đặt ra để làm phương tiện nối kết tâm nguyện của chúng sanh với tâm lực của chư Phật chư Bồ Tát trong mười phương. Theo Kinh Bát Nhã, những năng lực phi phạm của Thần Chú được kể như: Linh Chú Đại Thần, Linh Chú Đại Minh, Linh Chú Vô Thượng, Linh Chú Tuyệt Đỉnh, chân lý bất vọng có năng lực phi phạm tiêu trừ tất cả khổ nạn. Có Thần Chú của Phật, của Bồ Tát, của chư Thiên, của chư Thần. Ai hành trì Thần Chú của vị nào thì được sức gia hộ của vị đó. Có một số người không thích hành trì Kinh Hiển Mật Viên Thông của Mật Giáo mà chỉ thích hành trì riêng Thần Chú của Mật Giáo mà thôi và cũng từ đó trở thành phong trào tu tập tạo thành một phái riêng gọi là Mật Tông.

(còn tiếp)



GIÁO LÝ XÃ HỘI VÀ CHÍNH TRỊ CỦA PHẬT GIÁO

Chuyên ngữ: HT. Thích Trí Chơn

(tiếp theo trang 3)

Chư Tăng Miến Điện rất ngưỡng mộ giới Phật tử Nhật Bản trong các chương trình tích cực hoạt động cho chính trị và xã hội của họ. Nhưng sự hợp tác này về sau bị thất bại khi quân đội Nhật xua quân qua xâm lăng Miến Điện.

Đặc biệt vào những năm sau khi Nhật Bản đầu hàng phe Đồng Minh, một vài giáo phái Phật Giáo Nhật Bản đã chú trọng nhiều đến công tác xã hội. Các tông phái Phật Giáo Nhật Bản đã cố gắng giải thích lý tưởng Bồ Tát qua hành động cứu giúp xã hội hơn là đạo đức cá nhân. Chẳng hạn tạp chí "Đông Phương Trẻ Trung" (The Young East) đã đề cao ông Akira Noguchi, sinh viên trường đại học y khoa tại Đông Kinh như là một vị Bồ Tát hiện đại. Khi chiến tranh kết thúc ông Akira Noguchi đã dành hết thì giờ cho việc chăm sóc các trẻ mồ côi không nhà trong thời hậu chiến. Các em này được nuôi dưỡng tại cơ nhi viện Phật Giáo thuộc chùa Honguan ở Asakusa. Với tinh thần hy sinh quên mình ông gần gũi giúp đỡ các nạn nhân đau bệnh sốt rét cho đến khi ông bị lây và chết vì bệnh này.

Giáo sư Shinko Sayaki trường đại học Tohoku tại Đông Kinh (Tokyo) đã kết thúc bài viết của ông về lý tưởng Bồ Tát với những lời như sau: "Thật là điều thiếu sót nếu giới Phật tử trẻ chúng ta ngày nay chỉ làu thông kinh điển Phật Giáo không mà thôi, và nếu chúng ta chỉ hiểu biết sâu xa triết lý Phật Giáo thì cũng chưa đủ. Mà chúng ta cần thực hiện lý tưởng Bồ Tát. Bồ Tát nghĩa là gì và ai mới là Bồ Tát thực sự? Lý tưởng Bồ Tát không chỉ cho người nào khác mà nhằm nói đến anh và tôi, giới thanh niên Phật tử Nhật Bản chúng ta".

Chia sẻ với lý tưởng lợi tha trên là cơ sở của trường đại học Từ Thiện Xã Hội ở Nagoya. Đại học này không thuộc bất cứ tông phái Phật Giáo đặc biệt nào nhưng hệ thống giáo dục của nó lấy giáo lý đức Phật làm căn bản. Viện trưởng của trường là ông Shugaku Suzuki, một nhà sư theo tông phái Nhật Liên (Nichiren) và là nhân vật hoạt động từ thiện xã hội từ năm 1927. Năm 1953 ông thành lập cơ sở Ho Onji Gakuen nhằm huấn luyện đào tạo các nhân viên công tác xã hội. Cơ sở này cũng là nguồn gốc tạo dựng nền tảng cho trường trung học Từ Thiện Xã Hội tại Chubu mà năm 1957 nó trở thành đại học chính thức đào tạo nhân viên xã hội cho các hãng xưởng kỹ nghệ và nhiều tổ chức tôn giáo khác.

Trong các tông phái Phật Giáo truyền thống tại Nhật Bản, tinh thần đạo đức thường được thực hiện qua hoạt động tổ chức các cơ quan từ thiện của họ như các vườn trẻ, viện giúp người mù và nhà thương v.v.... Nhưng các giáo phái mới Pháp Hoa phát xuất từ Nhật Liên Tông (Nichiren) chủ trương tiến xa hơn là họ đã tham gia, dự phần vào các sinh hoạt chính trị.

Đứng hàng đầu trong các giáo phái này là "Sáng Giá Học Hội" (Soka - Gakkai). Nền tảng của Hội được xây

dựng trên giáo lý Kinh Pháp Hoa và lời dạy của đại sư Nhật Liên (Nichiren). Người sáng lập là ông Toda, đã phát biểu rằng cuộc sống của toàn thể nhân loại thuộc nhiều quốc gia và xã hội đều có tương quan tương duyên với nhau. Cho nên mọi người đều có chung một lý tưởng là thực hành hạnh nguyện Bồ Tát cứu độ cho tất cả đồng bào trong nước và toàn nhân loại trên thế giới.

Ông Toda cũng nêu lên lập trường chính trị về chủ thuyết của ông là Nhật Bản đã đầu hàng Đồng Minh trong thế chiến thứ hai, nhưng sẽ chiến thắng trên mặt trận tinh thần và sứ mạng của dân tộc xứ mặt trời chúng ta là tranh đấu cho nền hoà bình cũng như hạnh phúc của nhân loại thế giới. Và cuộc chiến thắng này chỉ có thể thành tựu nhờ thể hiện tinh thần của Kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

Sáng Giá Học Hội đã phát triển thành một phong trào chính trị quan trọng. Năm 1940, dưới sự lãnh đạo của vị sáng lập, ông Makiguchi, chỉ có khoảng 500 hội viên, và năm 1960 đã tăng lên tới con số 5 triệu. Mỗi tín đồ có bốn phận cổ động thêm nhiều hội viên khác gia nhập, nhờ vậy, giáo phái này mỗi tháng tăng thêm khoảng mười ngàn hội viên mới. Tháng 5 năm 1955, Sáng Giá Học Hội trong cuộc bầu cử địa phương đã có tổng số 62.000 phiếu và chiếm được 32 ghế đại biểu tại Hội Đồng Thành Phố Đông Kinh (Tokyo). Tháng 7 năm 1956, họ đắc cử 4 ghế và mùa xuân năm 1959 được 6 ghế đại biểu vào thượng viện Quốc Hội. Một số lớn cử tri đã đi bầu khoảng 400.000 phiếu cho một ứng cử viên.

Bà Kashiwabara, một trong các nữ ứng cử viên đã nhận được số phiếu lớn nhất tại thủ đô Đông Kinh có dân số 10 triệu. Bà đã góp phần vào tinh thần tranh đấu cho phong trào này nhằm chống đối lại các giáo đoàn Thiên Chúa. Bà tuyên bố: "Chúng ta đang nỗ lực thực hành lý tưởng cao cả nhất, và đó cũng là cuộc sống tốt đẹp nhất. Việc làm thánh thiện nhất là sùng kính Kinh Diệu Pháp Liên Hoa và Ngài Nhật Liên. Một số người thường nghĩ rằng các việc làm tốt đẹp nhất chỉ tìm thấy trong Thiên Chúa Giáo. Giờ đây chúng ta hãy xem thử điều ấy có đúng không? Cuối cùng rồi chúng ta sẽ thấy rõ chân lý sẽ nằm ở đâu, bên Thiên Chúa Giáo hay Sáng Giá Học Hội".

Hiện nay Sáng Giá Học Hội có 9 ghế đại biểu trong thượng viện Quốc Hội Nhật Bản. Ngài Nhật Liên, giáo chủ Nhật Liên Tông đã phát biểu rằng ý thức về một xã hội mới là một lý tưởng quốc gia: một thế giới Phật Giáo dưới sự hướng dẫn của chính phủ xứ Mặt Trời Mọc với cơ quan điều hành đặt tại đỉnh núi thánh địa Minobu, sẽ là trung tâm phát triển, truyền bá nền hoà bình và an lạc mới cho toàn thể giới. Sáng Giá Học Hội đã chấp nhận lý tưởng này cùng phối hợp với các tư tưởng của nền triết học Tây Phương hiện đại để làm nền tảng xây dựng cho mọi sinh hoạt xã hội và chính trị của nước Nhật Bản ngày nay. Như vậy, lý tưởng tôn giáo của giáo phái trên được hình thành qua sự kết hợp giữa giáo lý đức Phật với tư tưởng của Wilhelm Windel-

band và Heinrich Richkert theo đạo đức phái Kant tây phương.

Ngoài ra, Sáng Giá Học Hội có tinh thần truyền giáo một cách cực đoan. Mỗi hội viên là một nhà truyền đạo. Họ đặt ra danh từ mới "Shakubuku" hay "Chiết Phục" (Shaku: bẻ gãy; buku: đầu hàng) để diễn đạt ý nghĩa của chữ "mission" (sứ mạng hay nhiệm vụ). Theo ngữ nguyên tiếng "Shakubuku" (Chiết Phục) có nghĩa là cái đạo bằng vũ lực. Thực vậy, Sáng Giá Học Hội đã tuyên bố rằng mục tiêu của giáo phái là biến đổi mỗi người dân Nhật Bản trở thành một tín đồ của chân lý, một đệ tử của đức Phật bất diệt. Nói khác, mỗi người đều có thể tu hành thành Phật.

Chính cuộc đời của ngài Nhật Liên (Nichiren) đã gặp nhiều hoạ dày và bị ngược đãi cho nên Sáng Giá Học Hội đã thừa hưởng từ vị giáo chủ của họ lý thuyết của sự khắc khổ, và hành hạ. Một người khi làm nhiệm vụ truyền giáo gặp nhiều gian truân khổ cực sẽ không bao giờ chết, nhưng trở thành bất tử và sống cuộc đời ngập tràn niềm vui. Với tinh thần truyền giáo cực đoan này giáo phái Sáng Giá Học Hội không giống các tông phái Phật Giáo khác ở Nhật Bản.

Một phong trào Phật tử cư sĩ khác cũng xây dựng trên tinh thần của Kinh Pháp Hoa là Linh Hữu Hội (Reiyukai). Phái này được thành lập vào năm 1925 trong tình trạng hỗn loạn của xã hội tiếp theo sau cuộc động đất khủng khiếp Kanto tại Nhật Bản. Năm 1960 họ có khoảng hơn ba triệu tín đồ. Reiyu - kai nghĩa là "Hội giúp những người quá cố". Chữ "rei" (linh hồn kẻ mất) nhằm chỉ các hương linh của những người đã qua đời. Do đó, sự thờ cúng ông bà được đặt làm nền tảng cho giáo phái này với sự kết hợp của các hoạt động đạo đức, xã hội mang màu sắc tín ngưỡng. Nguyên tắc chính của họ là "Sùng kính giáo nghĩa Kinh Pháp Hoa, thờ cúng ông bà tổ tiên, sáng suốt hướng dẫn tư tưởng quần chúng và giác ngộ cho nhân loại thế giới".

Đặc điểm của Hội Linh Hữu là có lòng từ bi giúp đỡ tất cả mọi người trong xã hội. Kinh Pháp Hoa dạy chúng ta kính trọng hàng tứ chúng đệ tử của đức Phật là Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, nam và nữ cư sĩ Phật tử trong khi Linh Hữu Hội khuyên chúng ta nên kính trọng tất cả mọi người. Ai cũng có thể nhìn thấy nơi mỗi đồng hương của mình một vị Phật tương lai và nên đối xử tốt với họ.

Để thực hiện theo tinh thần của giáo lý này, các hội viên hội phụ nữ và đoàn thể thanh niên của Linh Hữu Hội đã phát tâm làm nhiều công tác từ thiện xã hội mà không nhận lãnh một đồng lương nào. Hội không chủ trương xây cất nhà thương và viện dưỡng lão cho các thành viên trong Hội mà họ đã kiến lập nhiều cơ sở rồi hiến tặng cho những cơ quan từ thiện. Chẳng hạn năm 1958 bà Kotani Kimi, đồng sáng lập và đương kim chủ tịch Hội Linh Hữu đã dâng cúng một ngôi nhà mới xây nhiều tầng trị giá 200 triệu Yen (tiền Nhật) cho Trường Hoạt Động Xã Hội tại Đông Kinh (Tokyo).

Giáo phái Pháp Hoa thứ ba, Lập Chánh Giao Thành Hội (Rissho Kosei - Kai) cũng đã phát triển trong 20 năm qua từ một nhóm nhỏ ba mươi người đến hai triệu rưỡi tín đồ, và mỗi tháng tăng thêm ít nhất khoảng 10.000 hội viên tích cực hoạt động. Đây cũng là một phong trào bành trướng của cư sĩ Phật tử. Các nhóm Phật tử này thường xuyên nhóm họp để thảo luận học tập, mỗi cá nhân được xem như một thành viên liên lạc nối liền với tập thể

của toàn phong trào. Tại các buổi họp, nhiều vấn đề của Hội cũng như từng cá nhân được đem ra bàn cãi. Trong khi thảo luận, mỗi hội viên can đảm tự kiểm thảo, phê bình xây dựng lẫn nhau. Mục tiêu của Hội nhằm thực hiện một xã hội công bằng, bác ái, tương thân tương trợ và giao hảo tốt với mọi người.

Khác hẳn với Hội Linh Hữu, Lập Chánh Giao Thành Hội chú trọng đến sự xây dựng, giúp con người trở nên toàn hảo hơn là hành động thờ cúng ông bà tổ tiên. Ngoài ra những tín đồ của Hội được xem như các Bồ Tát và sự thành tựu quả vị Phật của mỗi hội viên là mục đích cùng tột trong đề án phát triển Phật Giáo của Hội.

Năm 1950, Hội thiết lập một ngôi trường rất lớn tại Đông Kinh (Tokyo) làm nơi quy tụ cho hàng trăm nhóm Phật tử hằng ngày đến học tập và thảo luận. Hai năm sau, Hội đã hoàn tất công trình xây cất một bệnh viện tân tiến, và cũng năm đó, một cơ sở vĩ đại khác cũng được thiết lập nhằm đáp ứng cho nhu cầu phát triển nhanh chóng trong việc quản lý, điều hành mọi Phật sự của Hội. Năm kế tiếp Hội khánh thành một giảng đường trong đó đặt toà soạn nơi xuất bản tạp chí Phật Giáo "Dharma World" (Pháp Giới) của Hội với số lượng ấn hành 200.000 bản mỗi kỳ. Đài phát thanh, phòng chiếu phim, nơi làm lễ cưới, hội trường và thư viện cũng đã được xây dựng. Năm 1954, Hội thiết lập các trường tiểu học, trung học đệ nhất, đệ nhị cấp, và năm 1957 một thánh đường vĩ đại có thể chứa 50.000 người.

Hằng ngày, khoảng 10.000 Phật tử tại gia đã tổ chức các buổi học tập và thảo luận nhiều vấn đề liên quan đến đời sống tinh thần. Những hoạt động này được điều hành, hướng dẫn bởi một hội đồng quản trị, quy tụ đồng đạo các thành viên có khả năng và hoạt động rất tích cực. Điều đáng ngạc nhiên khi chúng ta được biết người khởi xướng phong trào cư sĩ rộng lớn này là một cô gái bệnh hoạn, sinh trong một gia đình thấp kém, và nghèo khổ. Cô ta tên Naganuma Myoko, có gia đình nhưng thiếu hạnh phúc và làm công cho một xưởng máy. Lời cô phát biểu sau đây đã đặt làm nền tảng căn bản tinh thần cho phong trào.

"Bao lâu con người còn bị khống chế bởi cái ta ích kỷ thì họ không thể nào phát triển lớn mạnh. Cho nên chúng ta là những nhân vật tầm thường, không có gì quan trọng. Nền giáo dục, mọi sự hiểu biết của chúng ta thực ra chẳng đáng gì cả trong cái nhìn tuệ giác của đức Phật. Tất cả chúng ta đều trở thành vô nghĩa, là con số không".

Đức tánh khiêm tốn đã làm khuôn vàng thước ngọc cho giáo lý của bà Naganuma Myoko. Theo bà, chỉ có sự nhẫn nhục, hạ mình khiêm cung mới giúp chúng ta chiến thắng được lòng vị kỷ nhỏ nhen và nhờ tinh thần hy sinh vị tha này, Lập Chánh Giao Thành Hội đã thành công gây được ảnh hưởng to lớn trong đời sống chính trị và xã hội của Nhật Bản ngày nay.

Thực vậy, các tôn giáo mới tại Nhật Bản bắt nguồn từ những hình thức Phật Giáo cổ truyền đã phục hồi làm sống lại tinh thần đạo đức xã hội của Phật Giáo mà nó đã bị phai mờ qua nhiều thế kỷ.

(Trích tác phẩm "Buddhism or Communism Which Holds The Future of Asia")



KINH GIÀ-LAM

(Trung A-hàm, PhNm 2: Tương Ưng Nghiệp)

Tuệ Sĩ dịch chú

(tiếp theo trang 1)

"Này các người Già-lam, Đa văn Thánh đệ tử xa lìa sân nhuế, đoạn trừ sân nhuế, có tâm, có quý, có tâm từ bi, làm lợi ích cho tất cả, cho đến loài côn trùng. Vị ấy đối với sân nhuế tâm đã tịnh trừ.

"Này các người Già-lam, Đa văn Thánh đệ tử xa lìa tà kiến, đoạn trừ tà kiến, thực hành chánh kiến, không điên đảo; thấy như vậy, nói như vậy: 'Có sự bố thí, có sự trai phước, và cũng có chú thuyết, có nghiệp thiện ác, có nghiệp báo thiện ác. Có đời này và đời sau. Có cha, có mẹ, trên đời có những bậc chân nhân đi đến thiện xứ, khéo vượt qua, khéo hướng đến, trong đời này và đời sau mà tự tri tự giác, tự tác chứng thành tựu và an trụ. Vị ấy đối với việc tà kiến, tâm đã tịnh trừ.

"Này các người Già-lam, Đa văn Thánh đệ tử thành tựu tịnh nghiệp nơi thân, thành tựu tịnh nghiệp nơi khẩu và ý. Xa lìa nhuế, xa lìa não hại, trừ bỏ thù miên, không trạo cử, cống cao, đoạn trừ nghi, vượt qua mạn, chánh niệm, chánh trí, không có ngu si; tâm vị ấy tương ứng với từ, biến mãn một phương, thành tựu và an trụ. Cũng vậy, trong hai, ba, bốn phương, tứ duy, thượng hạ, cùng khắp tất cả, tâm tương ứng với từ, không thù, không oán, không sân nhuế, không não hại, rất rộng lớn, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ. Cũng vậy, tâm vị ấy tương ứng với xả, không thù, không oán, không sân nhuế, không não hại, rộng lớn vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ. Cũng vậy, này các người Già-lam, Đa văn Thánh đệ tử tâm không thù, không oán, không sân nhuế, không não hại, liền được bốn trụ xứ an ổn (9). Những gì là bốn?

"Nếu có đời này đời sau, có quả báo của nghiệp thiện và ác. (10) Khi ta đã được nghiệp tương ứng với chánh kiến này rồi, ta thọ trì đầy đủ, thân hoại mạng chung chắc chắn sanh đến thiện xứ, cho đến sanh lên các cõi trời'. Như vậy, này các người Già-lam, Đa văn Thánh đệ tử tâm không kết, không oán, không sân nhuế, không não hại; đó là trụ xứ an ổn thứ nhất.

"Lại nữa, này các người Già-lam, 'Nếu không có đời này và đời sau, không có quả báo của nghiệp thiện và ác.' (11) Như vậy, ta ở ngay trong đời này không phải do cố ấy mà bị người khác bài bác; nhưng lại được bậc chánh trí khen ngợi, người tinh tấn, người có chánh kiến nói là có'. Như vậy, này các người Già-lam, Đa văn Thánh đệ tử tâm không kết, không oán, không sân nhuế, không não hại; đó là được trụ xứ an ổn thứ hai.

"Lại nữa, này các người Già-lam, 'Nếu có tạo tác gì, chắc chắn ta không có tạo ác, (12) ta không niệm quý. Vì sao vậy? Vì tự mình không tạo ác, khổ do đâu mà sanh?' Như vậy,

này các người Già-lam, Đa văn Thánh đệ tử tâm không kết, không oán, không não hại; đó là trụ xứ an ổn thứ ba.

"Lại nữa, này các người Già-lam, 'Nếu có tạo tác, chắc chắn ta không tạo ác, nhưng ta không phạm đời, dù kẻ sợ hay kẻ không sợ, (13) luôn luôn nên thương xót tất cả thế gian, tâm ta không tranh chấp với tất cả thế gian, không vẫn đục, nhưng hân hoan'. Như vậy, này các người Già-lam, Đa văn Thánh đệ tử tâm không kết, không oán, không não hại; đó là trụ xứ an ổn thứ tư.

"Như vậy, này các người Già-lam, Đa văn Thánh đệ tử tâm không kết, không oán, không sân hận, không não hại; đó là được bốn trụ xứ an ổn".

Những người Già-lam bạch Phật:

"Thưa Cù-đàm, đúng vậy, Đa văn Thánh đệ tử tâm không thù, không oán, không sân nhuế, không não hại, liền được bốn trụ xứ an ổn. Những gì là bốn?

"Nếu có đời này đời sau, có quả báo của nghiệp thiện và ác. Khi ta đã được nghiệp tương ứng với chánh kiến này rồi, ta thọ trì đầy đủ, thân hoại mạng chung chắc chắn sanh đến thiện xứ cho đến sanh lên các cõi trời'. Như vậy, thưa Cù-đàm, Đa văn Thánh đệ tử tâm không kết, không oán, không sân nhuế, không não hại; đó là trụ xứ an ổn thứ nhất.

"Lại nữa, thưa Cù-đàm, 'Nếu không có đời này và đời sau, không có quả báo của nghiệp thiện và ác. Như vậy, ta ở ngay trong đời này không phải do cố ấy mà bị người khác bài bác; nhưng lại được bậc chánh trí khen ngợi, người tinh tấn, người có chánh kiến nói là có'. Như vậy, thưa Cù-đàm, Đa văn Thánh đệ tử tâm không kết, không oán, không não hại; đó là được trụ xứ an ổn thứ hai.

"Lại nữa, thưa Cù-đàm, 'Nếu có tạo tác gì, chắc chắn ta không có tạo ác, ta không niệm quý. Vì sao vậy? Vì tự mình không tạo ác, khổ do đâu mà sanh?' Như vậy, thưa Cù-đàm, Đa văn Thánh đệ tử tâm không kết, không oán, không não hại; đó là được trụ xứ an ổn thứ ba.

"Lại nữa, thưa Cù-đàm, 'Nếu có tạo tác, chắc chắn ta không tạo ác, ta không phạm đời sợ hay không sợ, luôn luôn nên thương xót tất cả thế gian, tâm ta không tranh chấp với tất cả thế gian, không vẫn đục, nhưng hân hoan'. Như vậy, thưa Cù-đàm, Đa văn Thánh đệ tử tâm không kết, không oán, không não hại; đó là trụ xứ an ổn thứ tư.

"Như vậy, thưa Cù-đàm, Đa văn Thánh đệ tử tâm không kết, không oán, không sân hận, không não hại; đó là được bốn trụ xứ an ổn.

"Thưa Cù-đàm, chúng con đã biết. Bạch Thiện Thệ, chúng con đã hiểu. Bạch Thế Tôn, chúng con trọn đời tự quy y với Phật, Pháp và Chúng Tỳ-kheo. Duy nguyện Thế Tôn chấp

nhận cho chúng con làm Ưu-bà-tắc, bắt đầu từ hôm nay, trọn đời tự quy y, cho đến lúc mạng chung".

Phật thuyết như vậy. Tất cả những người Già-lam và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

Cước chú:

(1) Già-lam viên 伽藍園. Pāli, A. i. 189: tại thị trấn của những người Kālāma tên là Kesaputta, ở Kosala.

(2) Ki-xá tử 羈舍子; Pāli: Kesaputta, xem cht. trên.

(3) Thi-nhiếp-hòa lâm 尸攝憇林. Pāli: Simsapā.

(4) Pl.: ahudeva kaṅkhā, ahudeva vicikicchā, "(chúng tôi) hoài nghi và phân vân!"

(5) Hán: mạc sanh nghi hoặc 莫生疑惑. Cf. Pāli, A. i. 188: alaṅhi vo, kālāmā, kaṅkhitum alam vicikicchium. Bất biến từ alam ở đây thường hiểu theo nghĩa khẳng định: "Thích hợp thay cho các người, những người Kālāmā, để mà hoài nghi!" Nhưng bản Hán hiểu theo nghĩa tiêu cực, trong câu cảm chỉ: "Thôi đủ rồi để mà nghi hoặc!" Nghĩa là, chớ có hoài nghi! Đoạn trả lời của Phật tiếp theo trong bản Pāli là đoạn kinh nổi tiếng, rất nổi tiếng, về sự không chấp nhận giáo điều, cho nên, ở đây Phật chấp nhận thái độ hoài nghi đối với những giáo thuyết mà mình được nghe. Bản Hán như vậy đã làm mất ý nghĩa thâm thúy của đoạn kinh, cho nên lược qua không nhấn mạnh như sẽ thấy.

(6) Pl.: kaṅkhanīyeva... vicchikicchā uppannā.

(7) Hán: tập nhân bản hữu 因習本有; tức nhân, tập, duyên, sanh: bốn hành tướng của những cái làm nguyên nhân. Pāli, thành cú: esva hetu etaṃ nidānaṃ esa samudayo esa paccayo, đó là nhân, là (bản) duyên, là tập (khởi), là duyên (sinh).

(8) Pl. ibid.: luddho purisapuggalo lobhena abhibhūto, người xan tham bị tham lam khống chế.

(9) Hán: an ổn trú xứ 安穩住處: tô tức xứ. Pāli: assāsa, sự nghỉ ngơi (lấy lại hơi thở quân bình), sự bình an.

(10) Pl.: sace kho pana atthi paraloka, giả sử có thế giới khác (đời sau).

(11) Pl.: sace kho pana natthi paraloko, natthi sukata dukatānaṃ kammānaṃ phalaṃ vipāko, giả sử không có thế giới khác, không có quả dị thực của những nghiệp thiện hay bất thiện.

(12) Pl.: sace kho pana karoto kariyati pāpaṃ, na kho panāhaṃ kassaci pāpaṃ cetemi, "giả sử có làm điều gì ác, nhưng ta không có ý ác đối với bất cứ ai."

(13) Hán: bố dữ bất bố 怖與不怖, chỉ người run sợ tức kẻ yếu, và người vững vàng tức kẻ mạnh. Pāli: yvāhaṃ na kiñci vyābādhemi tasmaṃ vā thāvaram vā, ta không làm hại cái gì cả, dù đồng vật hay bất động vật.

thơ

Vũ Tiến Lập

VẮNG MẶT

*ý chừng như thấu hiểu một điều gì
thành đô rúc ran tiếng cười
trong long đêm
em nói với tôi
về màu nhiệm
sự cô đơn
cùng cực của con người
không một chỗ nương thân*

*này em
trên muôn vàn lẽ sống
có một ngọn đèn không bao giờ tắt
giữ lấy
để thấp sáng đường về
khi không thể vay mượn đất trời
sui vào hố thẳm
em sẽ bước qua rất yên
thấp bóng mình
đứa con thạch nữ
khó có thể có được
nhưng rừng hương đã thờ
mùi hương độc đáo
sẽ không bao giờ thiếu thốn
khi ngọn đèn chẳng thể tắt
vi em là chốn ngụ*



LAN MAN

*phổ ảo dưới sương khuya
khơi dậy đôi cánh ẩn mình
gầy gió lao xao
một đời vay mượn
bản hoài rất thực hiển nhiên
hay bí ẩn của lòng đang mê sáng
đôi tay sát thủ
treo ngược nổi buồn
trên môi bé tắc
tùy nghi chiêm ngưỡng
bến cũ
mây thuận điều nhớ
lất phất hạt mưa đông
con cá tích lợi ngược giòng
ôi những ai sương rào chắn ngăn
đôi khi muốn ngủ vùi như loài sâu
đợi chờ mùa xuân trở lại*



NHÂN NÀO, QUẢ ẤY

Mỹ Đức - Phạm Kim Dzung

Khi nói đến nhân quả trong đời sống hằng ngày, nhiều người dễ dàng chấp nhận. Nhưng đồng thời cũng rất nhiều người khó chấp nhận hay không công nhận. Điều này có thể lý giải được. Người cư xử tử tế, ân cần với mọi người thì được mọi người thích và quý mến. Người lọc lừa, gian xảo, giả dối thì sau một thời gian ai cũng biết và ai cũng e ngại, xa lánh. Ai biết giữ gìn sức khỏe, ăn uống điều độ, tập thể dục hằng ngày, giữ tâm hồn vui tươi trong sáng thường có một sức khỏe tốt. Ai hay rượu chè bữa bãi, thiếu thận trọng khi ăn uống, ít tập thể dục, tâm hồn đầy những mưu toan bất chính thì sớm hay muộn sẽ là bệnh nhân của nhiều bác sĩ khác nhau. Một thời gian sau khi ổn định đời sống ở Mỹ, tùy theo hoàn cảnh, việc làm, cách sống, bất cứ người thuộc sắc dân nào cũng có nhiều tiền hơn khi mới đến Mỹ, có người trở thành giàu sụ, có người rình tiền bạc, có người sống thong dong thoải mái. Vào tiệm ăn cắp đồ mà bị phát hiện thì phải bị tội tiểu hình, có khi bị tội đại hình. Lương gạt thì phải bồi thường, giết người thì có thể bị tử hình. Đó là những nhân và quả nhìn thấy ngay trước mắt nên dễ được đồng ý, chấp thuận.

Thế nhưng nông dân ở Việt Nam, đặc biệt là nông dân ở miền trung và miền bắc, cần cù làm việc khó nhọc, một nắng hai sương cả đời nhưng lúc nào cũng nghèo khó và luôn là nạn nhân hàng đầu của thiên tai trong nước. Có những cán bộ ở đó mà ai cũng biết chắc là xuất thân từ giai cấp nghèo hèn nhất, chỉ sau một thời gian trở nên giàu sụ, sống xa hoa, sang trọng và phung phí, gây tạo nhiều tội ác và ai cũng biết đó là những cán bộ có liên hệ đến tham nhũng nhưng họ vẫn sống nhơn nhỡ, bình chân như vại. Chúng ta cũng thấy rai rác ở tất cả các nước các thần đồng toán học, âm nhạc, văn chương, khoa học. Những em bé này chưa đi học, hoặc chỉ đi học vài năm nhưng đã biết chơi nhạc, viết nhạc, làm toán đến cấp đại học hoặc viết văn làm thơ dù chưa bao giờ học tập viết. Và hãy nhìn các anh chị em trong một gia đình. Dù cùng một cha mẹ, cùng sống trong một gia đình với điều kiện tinh thần, vật chất như nhau nhưng không ai giống ai hoàn toàn, từ tính chất cá nhân, thể lực, năng lực, học vấn, quan điểm sống cho đến cuộc đời khi trưởng thành. Tương tự như vậy, nhiều trẻ em sinh đôi giống nhau như hai giọt nước, cùng từ một tế bào do một cha một mẹ sinh ra trong cùng một lúc, cùng được nuôi dưỡng trong một môi trường và được giáo dục như nhau; nhưng phần nhiều các em có cá tính khác nhau, khả năng tinh thần và trí tuệ khác nhau và còn có đời sống khác biệt nhau rất xa sau này. Làm sao có thể giải thích nguyên nhân của những sự việc như thế? Có thể dùng nguyên lý nhân quả để cắt nghĩa được chăng?

Nhân quả là một quá trình rất riêng tư, đặc thù, tích lũy từ việc làm

và hành động, tư tưởng và lời nói của mỗi người từ quá khứ, gần hay rất xa, đến hiện tại và tương lai. Nhân tựa như một hạt giống đã gieo xuống đất. Hạt giống này đòi hỏi những duyên, tức là những điều kiện thuận lợi để hạt giống nảy mầm, thành cây và sinh trái tựa như hạt cam cần ánh sáng, sức nóng, phân bón và sự chăm sóc của con người để hạt cam trở thành cây cam, rồi sinh trái cam vậy. Từ hạt giống cam để trở thành cây cam đòi hỏi một quá trình rất lâu dài không phải trong phút chốc mà thành. Từ nhân đến quả của con người có thể còn lâu dài hơn nữa vì lời nói, việc làm, suy nghĩ của một người luôn luôn có những tác động và ảnh hưởng nhất định đến những người khác. Càng ảnh hưởng đến nhiều người càng đòi hỏi nhiều "duyên" hơn trước khi có thể kết thành quả. Ngoài ra, tùy theo tâm tưởng của những người bị tác động bởi những việc mình đã gây ra mà quá trình nhân thành quả có thể nhanh hơn hay chậm hơn. Không nhân quả nào giống nhân quả nào vì mỗi người có một nghiệp (karma) tức là một số phận riêng không giống ai.

Mỗi quốc gia đều có những luật lệ riêng để bảo vệ an ninh của đất nước và an sinh của người dân. Nhưng khi các quốc gia khi bang giao với nhau đều phải tuân thủ theo luật bang giao quốc tế để gìn giữ hòa bình với nhau. Vùng trời có luật hàng không. Vùng biển có luật hàng hải. Sau này chắc chắn sẽ có luật không gian nếu nhiều quốc gia có phi thuyền và những chương trình thám hiểm không gian. Buôn bán với nhau phải tôn trọng những thỏa thuận đã ký kết về thương mại. Muốn thì nghiệp vũ khí nguyên tử hay tập trận trên biển phải tuân theo những thỏa ước nguyên tử và các hiệp định về quân sự. Chúng ta ai cũng biết trái đất chúng ta đang sống đây là một hành tinh trong hệ mặt trời. Cho đến ngày nay nhân loại đã bước vào thiên kỷ thứ ba rồi nhưng chúng ta vẫn chưa hiểu biết hết về chín hành tinh trong hệ mặt trời của chúng ta. Các khoa học gia chỉ đoán được là có nhiều giải thiên hà khác nhau trong vũ trụ và mỗi giải thiên hà lại có vô số hệ mặt trời khác nhau. Như vậy, có thể là sẽ có nhiều hành tinh trái đất như trái đất của chúng ta trong một thiên hà. Như đã nói ở trên, để duy trì trật tự và hòa bình giữa gần hai trăm nước sống với nhau trên hành tinh này, người ta đã phải đặt ra công pháp quốc tế và vô số hiệp định, thỏa ước, minh ước... Một hành tinh bé nhỏ trong tam thiên đại thiên thế giới mà còn cần đến luật pháp thì vũ trụ mông mênh bao la này với vô lượng chúng sinh như thế ắt hẳn phải có cách nào đó để thưởng phạt công minh, cân bằng thiên ác hầu thúc đẩy sự tiến hóa của muôn loài chúng sinh và duy trì công bằng. Cách nào đó, theo thiên ý, chính là luật nhân quả. Người viết bài không muốn đem các quan điểm tôn giáo để áp đặt lên bạn đọc. Nhưng chúng ta dù sống đến

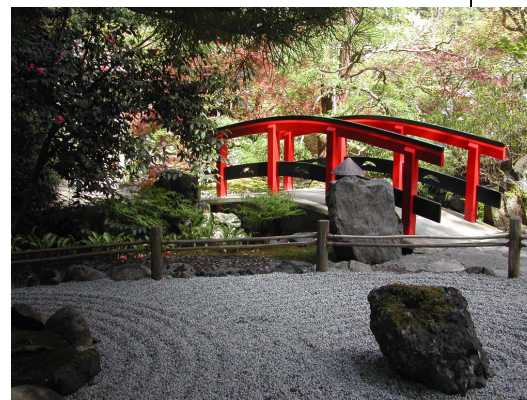
hơn 100 tuổi vẫn không đủ lâu để nhìn thấy tác động của luật nhân quả. Có hằng hà sa số giải thiên hà nên có hằng hà sa số bất khả tư nghị vũ trụ. Chúng ta chưa hiểu hết thái dương hệ mà hành tinh trái đất nơi ta sống đang quay chung quanh mặt trời đây thì làm sao hiểu hết vũ trụ. Khi chưa hiểu hết vũ trụ thì không thể thấy một cách cụ thể những luật lệ chi phối vũ trụ như luật hình sự và dân sự ở mỗi nước. Đối với người phạm mắt thịt như chúng ta, cho đến bây giờ chỉ có thể nói luật hình sự và dân sự của mỗi quốc gia là luật nhân quả hữu hình; còn luật nhân quả của vũ trụ là luật bất thành văn, bàng bạc khắp không gian và thời gian mà thôi. Có lẽ chỉ những vị thức giả, đã chứng ngộ, tâm trong sáng như đài gương mới có đủ khả năng nhìn thấy quá trình vận hành của nguyên lý nhân quả trong mỗi sự việc. Nhưng tự trong thâm tâm chúng ta mỗi khi nhìn thấy kẻ ác bị xử lý thích đáng hay gặp những điều bất hạnh, chúng ta thường nghĩ cho đáng đời, "ác giả, ác báo". Có một số kẻ phạm tội nhưng nhờ quyền biến, xảo trá, có nhiều phương tiện nên có thể thoát lưới luật pháp. Nhưng "lưới trời lồng lộng", những người này phải trả lời vào ngày phán xử cuối cùng. Trong vụ án võ sĩ O.J. Simpson giết vợ, nhiều người tin anh ta là thủ phạm. Nhưng tòa án tuyên bố anh ta vô tội. Cho đến bây giờ chỉ anh ta và những luật sư biện hộ mới biết rõ anh ta có phạm tội hay không mà thôi.

Luật nhân quả đã được nói nhiều trong Ấn Độ giáo (Hinduism) ở Ấn Độ trước khi Phật giáo ra đời. Khi Phật Thích Ca thành lập tăng đoàn, đi thuyết giảng nhiều nơi, nói nhiều kinh khác nhau thì luật nhân quả trở thành một trong những nền tảng căn bản của triết lý Phật giáo. Đây là khoảng thời gian 500 năm trước Thiên Chúa giáng sinh. Luật nhân quả được nói đến trong hầu hết mọi bộ kinh của Phật giáo nguyên thủy hay Phật giáo đại thừa và trong tất cả mọi giới cấm từ ngũ giới cho đến giới luật của tỳ kheo và tỳ kheo ni. Trong kinh Pháp Cú Phật dạy "Hãy làm lành theo chánh pháp, việc ác tránh không làm. Người thực hành đúng chánh pháp, thì đời này vui, đời sau cũng vui."

Vui ở đây có thể hiểu là được hạnh phúc, giàu sang, sức khỏe tốt, sống thọ, xinh đẹp, thông minh, gặp nhiều may mắn, sống trong môi trường trong lành, an bình, không gặp chiến tranh đao binh, sống no đủ, không thiếu thốn vật chất, được thương yêu, quý trọng, cha mẹ đủ đầy, anh em đồng đức, hôn nhân tốt đẹp...

Nói đến nhân quả thì không thể không nói đến nghiệp báo và phước báo. Nghiệp báo là quả báo xấu phát sinh từ những nhân xấu. Nghiệp báo và phước báo đều gồm cộng nghiệp và biệt nghiệp. Biệt nghiệp là quả báo và phước báo riêng của mỗi cá nhân. Cộng nghiệp là quả báo và phước báo chung của nhiều người trong một hoàn cảnh, tình huống khá giống nhau. Cộng nghiệp hay biệt nghiệp đều hình thành bởi tam nghiệp, thân, khẩu và ý. Năm 1975, khi miền nam sụp đổ, biết bao trăm ngàn công chức, sĩ quan ưu tú và binh sĩ của miền nam đã phải vào tù trong những trại cải tạo. Đó

chính là cộng nghiệp. Nhưng trong cộng nghiệp cũng vẫn có những biệt nghiệp riêng. Có người chỉ ở tù vài năm hay vài tháng, có người tù đến 20 năm, có người chết trong tù, có người ra tù nhưng vẫn khỏe mạnh, có người được tự do rồi chết, có người ra tù vẫn tiếp tục sống ở quê hương, có người ra tù thì qua Mỹ, "hết cơn bí cực đến hồi thái lai", con cái học hành thành tài, sự nghiệp rờ ràng... Cộng nghiệp cũng làm nhiều người trong kiếp này sống trong cùng một gia đình hay gia tộc nổi tiếng và thường làm những việc giống nhau. Chẳng hạn như giòng họ văn học Đặng Vũ, Nghiêm Xuân và Cao Xuân ở đất bắc hà. Hay như gia đình của tổng thống George Bush có ông nội là thượng nghị sĩ, ông bố là tổng thống cha, ông con lớn là tổng thống con, ông con nhỏ là thống đốc bang Florida... Trong cõi ta bà này có mấy gia tộc được vinh hiển như vậy? Người Việt có câu "Hổ phụ sinh hổ tử" để tán dương giòng nào giống ấy như thế. Gia đình của tài tử Angelina Jolie cũng vậy, bố là tài tử lừng danh Jon Voight và mẹ cũng là ngôi sao sáng chói Marcheline Bertrand, anh trai là đạo diễn lừng danh James Haven. Cả hai anh em phải bỏ họ Voight để thoát khỏi cái bóng quá lớn của bố mẹ. Hai đời chồng trước của Angelina Jolie cũng là hai diễn viên Jonny Lee Miller và Billy Bob Thornton; và bây giờ là Brad Pitt, nam diễn viên nổi tiếng nhất hiện nay. Có thể nói cộng nghiệp đưa đến việc hai người đàn ông và đàn bà xa lạ gặp nhau, yêu nhau, lấy nhau, sinh con để cái tạo thành một gia đình. Cộng nghiệp còn làm nhiều người sống trong một môi trường, làm một công việc giống nhau. Những người này tuy không ai biết nhưng sống trong những địa danh nổi tiếng và sản xuất những sản phẩm xuất sắc, chẳng hạn như làng hoa Ngọc Hà và làng gốm Bát Tràng cách Hà Nội vài chục cây số. Cộng nghiệp cũng làm những người có biệt nghiệp xấu đến ở gần nhau để tạo nên những duyên hầu cùng chịu đựng nỗi đau khổ với nhau. Cha mẹ xì ke, bán ma túy thì con cái thường nghiện ngập, có án hình sự hay sa vào đường mại dâm. Cách ngôn ta cũng có câu "Cha nào, con ấy" để chê bai những trường hợp này. Trong các nhà tù ở nước nào cũng vậy, tù hình sự lâu năm hay tù anh chị thường hành hạ, đánh đập tù mới vào. Cai tù nào cũng biết nhưng đều làm ngơ xem như luật rừng của giới giang hồ.



Phước báo là cái quả tốt đẹp của nhân lành. Ai cũng biết bố thí là cách hay nhất để tạo phước báo. Và trong ba cách bố thí thì pháp thí có công đức nhiều nhất. Pháp thí là giúp xây dựng và phát triển tu viện, chùa, nhà thờ, thánh đường, hỗ trợ vật chất và tinh thần cho các tu sĩ, giúp in hay truyền bá kinh của các tôn giáo, viết hay nói lời hay ý đẹp của các tôn giáo. Tôn giáo nào cũng luôn luôn khuyến khích mọi người mở lòng nhân ái, yêu thương giúp đỡ mọi người. Không Tử thì dạy "Kỷ sở bất dục vật thi ư nhân" (Đừng làm cho người khác những điều mình không muốn ai làm cho mình). Nói cách khác, muốn được thương mến thì phải biết yêu thương mọi người; muốn được giúp đỡ thì phải biết chia sẻ với người đang gặp khó khăn. Dù không có niềm tin tôn giáo, người ta chỉ cần sống theo luật nhân quả, lấy luật nhân quả làm kim chỉ nam cho cuộc sống của mình thì cũng trọn thành nhân đạo và chắc chắn không gieo nhân xấu thì không bao giờ hái quả đắng cay. Trồng cam thì phải ra cam, không thể ra chanh, quýt hay bưởi được dù các loại trái này cùng một họ với nhau. Luật nhân quả là một nguyên lý hoàn toàn khoa học. Nhân nào, quả ấy. Biết sống với nhân quả, con người dễ bằng lòng với hiện tại, biết nhẫn nhục, tâm hồn dễ thư thái, an lạc, thấy thành công, may mắn hay hạnh phúc của người khác không nổi tâm đố kỵ, ganh ghét. Không ghen tỵ với người khác thì giảm được tham, sân, si là tam độc đưa con người và tam đồ, lục đạo.

Viết về nhân quả mà không nói đến lần hội ngộ đầu tiên và duy nhất giữa Tổ Bồ Đề Đạt Ma và vua Lương Võ Đế bên Tàu thì thật là thiếu sót. Lương Võ Đế là một vị vua có công rất lớn trong việc hoằng dương Phật pháp. Nhà vua đã pháp thí rất nhiều. Tổ Bồ Đề Đạt Ma là vị tổ thứ 28 của Phật giáo Ấn Độ. Năm 520 sau Thiên Chúa giáng sinh, Tổ đã gần tám mươi tuổi. Tổ nhớ lời đại sư dặn phải đi ra nước ngoài thì đạo pháp mới được hưng thịnh. Thế là Tổ lên thuyền dong buồm trực chỉ nước Tàu. Khi thuyền cập bến, vua Lương Võ Đế sai sứ cung thỉnh Tổ về kinh đô để vua nghe pháp và cúng dường. Nhà vua đã hỏi:

- Trẫm từ khi lên ngôi đến nay, xây chùa, chép kinh, độ tăng, không biết bao nhiêu mà kể. Vậy có công đức gì không?

Tổ bèn đáp:

- Không có công đức gì cả
- Tại sao không có công đức?
- Bởi vì những việc vua làm là nhân hữu lậu, chỉ có những quả nhỏ trong vòng nhân, thiên, như ảnh tùy hình, tuy có, nhưng không phải thật.

.....

- Ai đang đối diện với trẫm đây?
- Không biết.

(Lạm bàn: Khi hỏi như vậy, hẳn nhà vua đang chờ nghe những lời tán thán công đức của Tổ Đạt Ma. Trên cõi đời này còn ai có công đức hơn nhà vua, một người đã hết lòng hộ pháp, pháp thí không biết bao nhiêu mà kể. Chính Phật đã nhiều lần dạy trong ba hạnh bố thí, không hạnh nào công đức bằng pháp thí kia mà. Nhà vua hết sức ngỡ ngàng khi nghe Tổ trả lời là không có công đức gì cả. Nếu người trả lời là một viên quan hay là một kẻ

thường dân thì chắc vua đã dùng dùng nổi giận vì tội khi quân, truyền chém đầu và có thể ra lệnh tru di tam tộc rồi. Nhưng đây là một bực Thánh tăng, vị Tổ thứ 28, nên vua nén lòng hỏi thêm vài câu nữa. Những câu trả lời của Tổ càng khiến vua thêm hoang mang. Câu hỏi cuối cùng của nhà vua biểu lộ lòng bán tín bán nghi đây là thánh hay phàm mà trả lời khó hiểu quá. Tổ đã hết sức tử bi khi trả lời không biết).

Thật ra không bao giờ Phật nói sai một điều gì cả. Nhưng lời nói của Tổ Đạt Ma cũng hoàn toàn đúng. Việc hoằng pháp và hộ pháp của vua Lương Võ Đế vừa là công đức vô lượng vừa chỉ là một con số không. Nếu nhà vua còn muốn rong chơi trong tam cõi, Dục giới, Sắc giới và Vô Sắc giới, thì đó là những công đức tuyệt vời giúp vua tới lui trong ba cõi này một nghĩ với những phước báu ít ai sánh bì. Khi Tổ Đạt Ma quay trên mình một chiếc dép sang đồng độ, ngài đem theo mình tông chỉ của thiền tông tóm gọn trong mười sáu chữ dưới đây:

*Bất lập văn tự
Giáo ngoại biệt truyền
Trực chỉ nhân tâm
Kiến tánh thành Phật*
(Chẳng lập văn tự
truyền riêng ngoài giáo
chỉ thẳng tâm người
thấy tánh thành Phật.)

Nghe vua hỏi như vậy, Tổ biết không khế hợp căn cơ rồi, nên ngài cáo biệt đến Lạc Dương, lên núi Tung Sơn, vào chùa Thiếu Lâm Tự ngôi điện bích (nhập định, mặt quay vào vách núi) chín năm.

Phật thường dạy chúng sinh các pháp bố thí để thực tập tâm tử bi hỷ xả. Nhưng Phật cũng phân biệt rất rõ hai loại bố thí trước tướng và bố thí vô tướng. Giúp người, cứu vật, tã kinh, hộ tăng... với lòng mong ước được hưởng phước báo thì đó là bố thí trước tướng. Làm tất cả những việc tốt lành cho muôn người, muôn vật chỉ vì đó là những việc cần làm và phải làm, không khởi tâm mong cầu gì cả. Đó là bố thí vô tướng. Bố thí nào cũng làm giảm nỗi đau khổ của chúng sinh, làm cho đời sống người và vật tốt đẹp hơn. Nhưng bố thí trước tướng là cho cái này và muốn nhận lại cái khác tức là đã gieo những hạt giống tốt để rồi sẽ trôi nổi trong luân hồi mà thọ hưởng những cái đã ước mong. Có lẽ vua Lương Võ Đế đã ở trong trường hợp này nên Tổ mới từ biệt ra đi.

Sống với nhân quả còn làm người ta trở nên dũng mạnh, tự mình mà đi, không trở thành nạn nhân của bùa chú, mê tín, sẽ thấy khoa tướng số, tử vi chỉ có những giá trị hết sức nhỏ bé. Ai cũng biết Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu sinh vào giờ Tý, ngày Tý, tháng Tý, năm Tý; vì vậy các thầy tử vi đều khẳng định ông có chơn mạng để vương. Nhìn vào ảnh, ông có đôi mắt tròn xoe, sáng quắc như hai viên ngọc, khuôn mặt điềm tĩnh, nhân hậu, thần thái toát ra phong cách của một trượng phu quân tử khác người. Nhưng chẳng lẽ vào ngày giờ ông sinh ra, trên cả hành tinh trái đất, hay ít ra trong phạm vi nước Việt Nam chỉ có một mình ông ra đời? Chưa ai làm một con số thống kê về sự kiện này. Nhưng một điều chắc chắn vào ngày giờ nói trên ông không là đứa trẻ duy nhất chào đời. Mà

còn có nhiều em bé khác trong nước hay trên nhiều nước khác cũng được sinh ra. Vậy số mệnh các em bé đó thế nào? Các em đều làm thiên tử hay tổng thống chẳng? Hoặc vào ngày giờ nữ hoàng Elizabeth II hay công nương Diana của nước Anh ra đời cũng đã có nhiều em bé gái khác ra đời nữa chứ. Nhưng các em này có được trở thành nữ vương hay quận chúa đâu. Hoặc nữa, vào ngày giờ ngài Huệ Năng ra đời (chỉ biết năm sinh là năm 638), trên đất nước Tàu chắc hẳn còn nhiều trẻ em khác nữa cất tiếng khóc chào đời. Nhưng chỉ duy nhất ngài trở thành Lục Tổ Huệ Năng khai sáng các dòng thiền Vân Môn, Tào Động, Lâm Tế... làm rực rỡ cho Phật giáo Trung hoa cho đến ngày hôm nay. Đây là một dẫn chứng lịch sử hùng hồn nhất cho thấy khoa tử vi, tướng số, chỉ tay, phong thủy dù được hun đúc, hình thành bởi thông tuệ và kinh nghiệm của bao nhiêu bậc thầy xuất sắc sẽ chẳng bao giờ qua mặt được luật nhân quả. Chính những gì ta đã làm và mơ ước trong quá khứ đã hình thành đời sống và số phận của ta hôm nay. Chính những gì ta đang làm và mơ ước hôm nay sẽ hình thành đời sống và số phận của ta ngày mai. Cổ nhân thường rất khiêm tốn khi nói "Nhất ẩm, nhất trác giai do tiền định" (Mỗi miếng ăn, miếng uống đều đã được định trước). "Tiền định" hay "thiên định" dưới cái nhìn của Phật giáo chỉ là sự vận hành của luật nhân quả mà thôi. Một thiền sư nổi tiếng của Nhật cũng đã nói "Hãy sống với nguyên nhân và để mặc tất cả cho sự vận hành của đại đạo vũ trụ." Luật nhân quả cũng đánh đổ thuyết thiên mệnh đã xuyên suốt Nho giáo và Lão giáo. Những ai đã thấm nhuần Phật pháp sẽ không đồng ý với Nguyễn Du trong những câu Kiều sau đây:

*Mới hay muôn sự tại trời,
trời kia đã bắt làm người có thân,
bắt phong trần phải phong trần,
cho thanh cao mới được phần thanh cao.*

Vì cho rằng tất cả đều do tiền định, nên Nguyễn Du cũng khuyên mọi người:

*Đã mang lấy nghiệp vào thân,
cũng đừng trách lẫn trời gần, trời xa.*

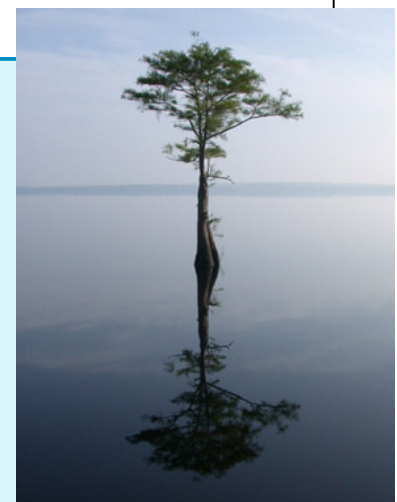
Đừng trách trời gần, trời xa rất đúng với hạnh nhẫn nhục của Phật giáo, giúp người ta chấp nhận hiện tại, thấy được nghiệp quả là do lỗi ở mình, không móng khởi sân hận, ngăn ngừa nhiều duyên xấu về sau. Nhưng nhân quả không thụ động, không dừng lại ở đó. Vạn pháp do tâm sinh mà cũng do tâm diệt. Chấp nhận số phận hẩm hiu hay nghiệp ngã hôm nay nhưng vẫn tích cực làm những pháp lành để thay đổi tất cả ngày mai. Ngày mai này có thể ở ngay trong đời sống hiện tại. Tổ tiên ta chẳng nói "Đức năng thắng số" đấy sao. Chúng ta hoàn toàn làm chủ chính chúng ta. Nếu có trời hay tiền định, trời hay tiền định đó hoàn toàn dựa trên hồ sơ nhân quả của mỗi cá nhân. Bởi nên Phật đã dạy: "Chúng sanh ơi! Hãy tự thấp đức lên mà đi!" Thấp đức lên mà đi là tự ta quyết định số phận ta chứ không một ai khác. Tuy nhiên chúng sanh trong ba cõi nhiều hơn cát sông Hằng gấp bao nhiêu lần. Mỗi chúng sanh lại có một hồ sơ nhân quả riêng có thể trải dài đến vô lượng kiếp. Cái hệ thống, bộ máy nào trong vũ trụ ghi nhận từng hành động, lời nói, ý nghĩ của mỗi chúng sanh trong từng lúc rồi bỏ vào những hồ sơ nhân quả đó để quản lý, điều hòa và phối hợp cộng nghiệp, biệt nghiệp vô cùng chính xác, không nhầm lẫn để thưởng phạt tất cả hết sức công minh vậy? Đó là một ẩn số chưa trả lời được. Nhưng dù sao đi nữa phải công nhận là bộ máy hay hệ thống đó thật là thậm thâm vi diệu gấp trăm ngàn lần những máy vi tính có chức năng hiện đại nhất trong thời đại của chúng ta ngày nay.

Tài liệu tham khảo:

Kinh Pháp Hoa; Kinh Hiền Ngụ; Kinh Pháp Cú;
Lục Môn Thiếu Thất, NXB Tôn Giáo, 2000.

CỔ HƯƠNG

*Quanh lòng cổ xứ gọi về
Vườn trưa nắng đợi bóng tre cựa mình
Nhịp cầu con nước chông chênh
Con cò cô độc bay trên cánh đồng
Trầu bầy theo trẻ qua sông
Chợ chiều gánh nặng lưng còng mẹ đi
Dặm ngàn cỏ nội xanh rì
Đầu non chênh chếch trắng vẽ hoàng hôn
Chuông chùa lạc tiếng thu không
Eách kêu vang giữa mênh mông đồng làng
Chập chờn giấc mộng vừa tan
Giật mình vẫn mấy dặm ngàn cổ hương.*



PHÙ DU



TÂM RÕNG RANG THANH TỊNH ẮT AN ĐỊNH NỘI TÂM

Tịnh Minh soạn dịch

Sau khi chuyển vận bánh xe chánh pháp, Đức Thế Tôn lui về Vương-xá và an trú tại Trúc Lâm. Phụ thân Ngài, quốc vương Tịnh Phạn, phái chín sứ thần đến gặp Ngài, thỉnh Ngài về cung, nhưng cả chín đều xuất gia theo Thế Tôn, chừa quả A-la-hán và không về hoàng triều nữa. Cận thần Ka-la U-đa-di (Kāla Udāyī) là người thứ mười, được quốc vương tin yêu nhất, nhận lãnh sứ mạng cung thỉnh Thế Tôn nhưng cũng không về. U-đa-di khoác áo Sa-môn và cũng chừa quả A-la-hán.

Một hôm, thấy thời tiết êm dịu, khí hậu mát mẻ, rất thuận lợi cho Thế Tôn và đệ tử về thăm hoàng triều, U-đa-di đành lễ Đức Thế Tôn và bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn, đã đến lúc Thế Tôn nên về thăm phụ hoàng, thân quyến và dân thành Ca-tỳ-la-vệ. Tất cả đang mong chờ Ngài.

Đức Thế Tôn chấp thuận, và cùng với hàng ngàn môn đệ tháp tùng, Ngài lên đường về thăm phụ hoàng, thân ngày nắng vàng rực rỡ.

Về tới hoàng thành, Ngài và phái đoàn được hoàng thân quốc thích và bá quan văn võ long trọng đón tiếp trong tiếng khóc cười chứa chan hoài cảm. Sau đó mọi người đều được tắm mình trong cơn mưa pháp thanh bình. Quốc vương Tịnh Phạn và hoàng hậu Ma-ha-ba-xà-ba-đề đều nhận ra yếu chỉ, liền quy y Phật và thọ trì giáo pháp.

Ngày hôm sau, trong khi cả nhà đang nô nức tổ chức hôn lễ cho hoàng tử Nan-đà (Nanda) thì Đức Thế Tôn đến khất thực. Ngài đặt chiếc bình bát của Ngài trong tay Nan-đà và chúc chàng gặp nhiều may mắn. Sau đó Ngài đứng lên, ra đi mà không quay nhìn chiếc bình bát. Với lòng tôn kính Như Lai, Nan-đà không dám nói gì, cứ lặng lẽ ôm bát theo sau Ngài.

Bấy giờ có người đến báo với Ja-

na-pa-đa Ka-ly-a-ni (Janapada Kalyāni), vị hôn thê của Nan-đà, rằng:

- Công nương ơi, Đức Thế Tôn đã đem Nan-đà đi rồi, Ngài cố tình cướp đoạt chàng đấy!

Ja-na-pa-đa Ka-ly-a-ni giật mình hoảng hốt, cầm đầu cầm cổ chạy theo Nan-đà với hai hàng nước mắt rờn rờn, và lớn tiếng gọi:

- Hoàng tử ơi, về ngay nhé!

Âm vang của nàng đã làm choáng váng đầu óc và rung động tâm can Nan-đà, nhưng Đức Thế Tôn vẫn lặng lẽ dẫn chàng về tu viện. Sau đó Ngài hỏi:

- Nan-đà, em muốn làm Sa-môn không?

Vì lòng kính trọng Đức Thế Tôn, Nan-đà đáp đại:

- Em rất muốn, thưa tôn huynh.

- Vậy thì hay quá! Hãy ở lại đây tu học với đại chúng.

Và thế là sau ba ngày về thăm kinh thành Ca-tỳ-la-vệ, Đức Thế Tôn đã hóa độ Nan-đà khoác áo Sa-môn.

Đến ngày thứ bảy, Da-du mặc y phục sang trọng cho La-hầu-la (Rahula) rồi ôm con vào lòng dạy rằng:

- Con à, hãy đến gặp vị Sa-môn

kia, cha của con đó! Hãy nói con là thái tử dòng Thích Ca, chẳng bao lâu nữa con sẽ nối nghiệp hoàng gia, trị vì thiên hạ và mở mang xã tắc. Cha ơi, xin cha trả lại di sản cho con, cái di sản mà đã một thời nằm trong tay của cha đó!

Chờ cho Đức Thế Tôn thọ trai xong, La-hầu-la đến đứng bên Ngài thỏ thẻ:

- Hạnh phúc thay cho con đứng trong vòng tay ấm áp của cha.

Thần nhiên, Đức Thế Tôn hồi hướng công đức, đứng lên và ra đi. Thái tử La-hầu-la lẻo đẹo theo sau Ngài, chốc chốc lại nói:

- Thưa cha, xin cha trả lại di sản

cho con.

Đức Thế Tôn vẫn im lặng đếm từng hơi thở theo nhịp bước thiền hành. Và La-hầu-la cũng theo Ngài từng bước về đến Trúc Lâm. Sau đó Đức Thế Tôn chợt nghĩ:

- Cái di sản phụ tử mà La-hầu-la tìm kiếm hẳn là mang sẵn mầm mống suy tàn, hủy diệt. Ta sẽ trao cho La-hầu-la cái di sản cao quý mà ta đã đạt được dưới cội Bồ đề. Ta sẽ giáo dục La-hầu-la trực nhận cái di sản siêu việt đó.

Đức Thế Tôn cho mời trưởng lão Xá-lợi-phất đến, nói:

- Xá-lợi-phất, hãy giúp ta giáo dục La-hầu-la trở thành Sa-môn.

Và thế là La-hầu-la được nhận vào giáo hội, còn quốc vương Tịnh Phạn thì đau khổ vô vàn. Ngài bày tỏ nỗi niềm đau buồn, thương nhớ với Đức Thế Tôn và ngỏ lời thỉnh nguyện:

- Bạch Thế Tôn, từ nay về sau xin Ngài đừng nhận ai vào giáo hội nếu không có sự đồng ý của cha mẹ họ. Đừng để họ phải đêm đêm trằn trọc khóc thầm như trăm đã từng héo hon thương nhớ con cháu của trăm.

Đức Thế Tôn chấp tay với nụ cười chứa chan thông cảm.

Sau đó Ngài về Xá-vệ và an trú tại Kỳ Viên. Bấy giờ Nan-đà hơi bất mãn, bộc lộ những điều phiền não ẩn tàng của mình với một số huynh đệ:

- Các thầy biết đấy, tôi chán quá! Cuộc đời tu hành đôi lúc thấy đơn điệu và tẻ nhạt làm sao! Chắc tôi phải về lại với nếp sống gia đình.

Nghe lời than trách, Đức Thế Tôn cho gọi Nan-đà đến hỏi và được thầy ấy đáp:

- Thưa tôn huynh, hình ảnh cực kỳ diễm lệ của Ja-na-pa-đa Ka-ly-a-ni cứ ngày đêm hành hạ tâm trí em. Anh ơi, anh là tôn huynh của em, xin anh hãy chọ em về! Em về thì phụ hoàng vui, mẫu hậu vui, vợ em vui, hoàng thân quốc thích vui, bá quan văn võ vui, quốc dân đồng bào vui, cả anh cũng vui nữa... hà-hà!...

Chẳng nói chẳng rằng, Đức Thế Tôn nắm tay Nan-đà, bằng thần thông diệu lực, Ngài đưa sư đến tầng trời thứ Ba mươi ba. Và trên đường đi, Đức Thế Tôn chỉ cho Nan-đà thấy một con khi

đói gớm ghiếc, đã bị lửa cháy sém tai sém mặt và mất cả đuôi, đang ngồi trơ vợ trên một gốc cây đen nám giữa cánh đồng xám xịt tro than. Khi lên đến tầng trời thứ Ba mươi ba, Ngài lại chỉ cho Nan-đà thấy 500 tiên nữ duyên dáng thướt tha trong những bộ xiêm y rực rỡ đang lui tới hầu hạ thiên chủ Đế Thích (Sakka). Sau đó Ngài hỏi:

- Này Nan-đà, cô vợ mà ông cho rằng yếu diệu thực nữ đó so với các tiên nữ ở đây ai đẹp hơn ai?

- Bạch Thế Tôn, dung nhan của Ja-na-pa-đa Ka-ly-a-ni chỉ đẹp hơn con khi khốn khổ giữa cánh đồng trụi trụi dưới kia chứ không thể nào sánh bằng nhan sắc của các tiên nữ ở đây.

- Hay thay, Nan-đà! Ta đoán chắc rằng ông cũng sẽ được những cô tiên nữ như thế.

- Bạch Thế Tôn, nếu Ngài bảo đảm như vậy thì con nguyện tinh tấn tu hành, nhiếp tâm chánh hạnh.

Sau đó Đức Thế Tôn và Nan-đà trở về Kỳ Viên.

Chẳng mấy chốc, đại chúng hay tin và một số Sa-môn nhạy miệng châm biếm:



- Sư Nan-đà, bào đệ của Đức Thế Tôn, nay hạ thủ công phu, an tâm lập mệnh chi vì muốn chiếm đoạt 500 tiên nữ chứ chẳng phải hảo tâm thiện chí gì. Tội nghiệp và khốn khổ lắm thay!

Nan-đà vẫn an nhiên tự tại, nỗ lực tiến tu, toàn tâm toàn ý trên bước đường vun trồng đạo nghiệp; và cuối cùng thầy chứng quả A-la-hán.

Một hôm Nan-đà đến hầu chuyện với Đức Thế Tôn, cung kính đánh lễ Ngài và bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn, con xin trả lại lời hứa của Ngài trước kia. Con không quan tâm đến 500 tiên nữ nữa.

- Hay thay, Nan-đà! Đức Thế Tôn nói. Thầy nào sống rộng rang thanh tịnh, cần mẫn chuyên tu, nhứt tâm quán niệm; thầy ấy sẽ sớm diệt trừ vọng tưởng điên đảo, thành tựu trí tuệ siêu việt và đạt đến cứu cánh niết bàn.

Thấy Nan-đà mỗi ngày một thêm linh hoạt, vui tươi, tướng hảo; nhất là không hề than phiền hay tỏ vẻ khó chịu trước những lời châm chọc thái quá, một số Sa-môn hơi nóng nổi kia đến đánh lễ Đức Thế Tôn và bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn, thầy Nan-đà dạo này trông thật là đường đường tăng tướng, dung mạo khả quan, lại thuyết giảng thao thao, quán thông kinh điển; khác với tâm trạng bi quan thất vọng trước kia.

Đức Thế Tôn mỉm cười trong giây lát, đoạn Ngài nói:

- Này các thầy Tỳ-kheo, cá tính của Nan-đà trước kia cũng giống như ngôi nhà vụng lợp, nhưng nay thì cá tính ấy đã giống như ngôi nhà khéo lợp. Kể từ lúc gặp tiên nữ, thầy ấy đã quyết chí tu hành, nhứt tâm thiền quán, và tất nhiên là thầy ấy đã thành tựu công hạnh, thầy ấy đã chứng quả A-la-hán.

Ngài đọc kệ:

Như ngôi nhà vụng lợp,
Nước mưa len lỏi vào,
Tâm không tu cũng vậy,
Tham dục rỉ rả vào.
Như ngôi nhà khéo lợp,
Nước mưa không thấm vào,
Tâm khéo tu cũng vậy,
Tham dục khó lọt vào.
(PC. 13, 14)

Tĩnh Lặng

....
Đường như một ít còn sót lại
Ở tận cùng của âm thanh
Vị ngọt như chưa từng được nếm thử
Mỏng manh, tan biến trong vi diệu
Giải thoát chút mơ hồ
Ta bay lên đón nhận
Một thứ rung cảm rất thật
Tràn ra thế giới rộng toát
Ta lặng người nín thở
Núit chút gì vừa đi qua
Tĩnh lặng
.....



Dương Kiều Nhi



Nhân Mùa Phật Đản, Bàn Về Tích Phật Đản Sanh

Tâm Diệu

Hàng năm cứ vào mỗi độ tháng tư âm lịch là hoa sen bắt đầu nở. Hoa sen nở báo hiệu mùa Phật Đản trở về như để đón mừng Đức Thế Tôn ra đời. Lịch sử kể rằng bà Ma Da, công chúa của một nước láng giềng, là phu nhân của vua Tịnh Phạn nước Ca Tỳ La Vệ, khi có thai, theo phong tục của xứ mình phải trở về quê mẹ để sinh nở. Trên đường về, trong lúc dừng chân nghỉ ngơi tại vườn Lâm Tỳ Ni, hoàng hậu Ma Da đã hạ sinh Thái tử. Khi Thái tử sinh ra thì được chư Thiên đến nâng đón và tắm rửa. Sau đó, lúc để xuống đất, Ngài đã bước bảy bước và dưới mỗi bước chân là một bông sen nở. Thái tử đưa tay lên trời mà nói: "Thiên thượng thiên hạ, duy ngã độc tôn".

Đó là bảy bước chân và lời nói đầu tiên của Ngài. Ai là người Phật tử cũng biết lịch sử Phật Đản Sanh cùng những lời giải thích khác nhau về ý nghĩa bảy bước đi và lời tuyên thuyết đầu tiên này. Có nhiều người, trong cũng như ngoài đạo Phật, thắc mắc không hiểu vì sao đạo Phật là đạo phá ngã chấp mà đức Phật lại nói chỉ có Ngài là tôn quý nhất, không những trong thiên hạ mà còn khắp các cõi trời và cõi người nữa. Có nhiều vị lại cho rằng tất cả hàng trời người đều tôn xưng Ngài là "Đấng Thế Tôn" thì như thế câu nói trên cũng không phải sai và cũng không trái với giáo lý giải thoát... vân, vân và vân vân. Thật ra trong kinh Phật, có giải thích sự kiện này. Hôm nay nhân mùa Phật Đản, người viết xin được trình bày thêm, y cứ vào kinh điển và ý nghĩa lời kinh, để làm sáng tỏ.

Về câu "Thiên thượng thiên hạ, duy ngã độc tôn" dịch ra tiếng Việt là: "Trên trời dưới trời, chỉ có ta là tôn quý". Câu này chỉ là một phần câu, được ghi trong Kinh Sơ-Đại Bản-Duyên trong bộ Kinh Trường A hàm Quyển Một, một quyển kinh ngắn lược thuật nhân duyên giảng sanh, thành đạo và giáo hóa của bảy đức Phật trong thế giới Ta Bà. Nguyên văn câu đó được dịch như sau: "Trên trời dưới trời, duy ta là tôn quý, ta muốn cứu độ chúng sanh khỏi vòng sinh già bệnh chết". Đó là lời Đức Phật Thích Ca thuật lại khi Đức Phật Tỳ Bà Thi, vị Phật thứ nhất bồ-đề trong thế giới Ta Bà, ra đời đã nói lên lời như vậy, cũng giống như Ngài (Phật Thích Ca) đã nói lên lời như vậy, và "ây cũng là thông lệ của chư Phật".

Xét về mặt ngôn ngữ, câu trên cho thấy rằng chỉ có Ngài là bậc tôn quý nhất trong loài người và trời, Ngài đã thoát khỏi vòng sanh tử luân hồi và thị hiện cõi Ta Bà để cứu độ chúng sanh thoát khỏi vòng sinh tử như Ngài. Tuy nhiên, nếu xét về mặt ý nghĩa của câu nói, chúng ta nên hiểu chữ "Ta" trong câu "duy có ta là tôn quý" không phải là cái Ta của Thái tử Tất Đạt Đa, một cái Ngã sinh diệt như cái Ngã của trăm ngàn chúng sanh khác. Chữ Ta ở đây chính là Phật Tánh, là Chân Tâm, chẳng hề sanh chẳng hề diệt, hoàn toàn thanh tịnh là cái xa lìa tất cả những cái gì gọi là đối đãi. Cái Ta đó hay cái Ngã đó chính là Chân Ngã, chính là Pháp Thân thường trụ, không bao giờ hoại, bao trùm khắp không gian và thời gian. Trong kinh Đại Bát Niết Bàn, phẩm Như Lai Tánh, đức Phật dạy: "Ngã tức là nghĩa Như Lai tạng. Tất cả chúng sinh đều có Phật Tánh tức là nghĩa của ngã. Nghĩa của ngã như vậy từ nào tới giờ thường bị vô lượng phiền não che đậy, vì thế nên chúng sinh chẳng nhận thấy được." Cũng trong kinh này (Phẩm Tứ Tướng), Phật nói rõ "thân của Như Lai tức là Pháp Thân, chẳng phải thân thịt máu mạch gân xương tùy hợp thành. Vì tùy thuận thế gian mà thị hiện vào thai mẹ, vì tùy

thuận cách sanh của chúng sinh mà thị hiện làm đứa trẻ...".

Thật ra, Phật Tánh hay Chân Tâm hay Chân Ngã hay Pháp Thân là một cái gì khó hiểu, khó nhận biết và khó trình bày vì thực chất của nó nằm ngoài ngôn ngữ, ngoài thế giới tương đối hiện tượng. Chúng ta chỉ có thể biết qua nhận thức, qua kinh điển rằng: Phật Tánh là một cái gì đó chỉ có người chứng ngộ mới biết được, là một cái gì đó "không sanh không diệt, không đi không đến, chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại, chẳng phải do nhân làm ra, cũng chẳng phải không nhân, chẳng phải tự tác, chẳng phải tác giả, chẳng phải tướng, chẳng phải không tướng, chẳng phải có danh, chẳng phải không danh, chẳng phải danh sắc, chẳng phải dài ngắn, chẳng phải nhiếp trì trong ấm, giới, nhập...".

Khi nói về Phật Tánh, Đức Phật thường dùng phương cách lia tứ cú để dạy chúng ta, có nghĩa là lia khỏi bốn kiến chấp hay bốn phạm trù thế gian tương đối: có, không, cũng có cũng không, chẳng có chẳng không. Ngoài ra Ngài cũng dùng tỷ du hay phương thức ngụ ngôn, hàm chứa những ý nghĩa thâm thúy, ám thị lý tuyệt đối mà chân lý tuyệt đối này không thể dùng lời trực tiếp mà giảng giải vì lời chỉ là khí cụ diễn đạt cái tư tưởng tương đối, cái có hình, có tướng trong thế giới nhị nguyên. Như khi nói về Chân Tâm Phật Tánh, ngài kể trong Kinh Đại Bát Niết Bàn về một cô gái nghèo, trong nhà có kho vàng ròng mà không biết, đến khi có người khách khéo biết phương tiện chỉ cho chỗ cất giữ kho báu, cô trở nên giàu có. Người khách khéo biết phương tiện dụ cho Phật, cô gái nghèo dụ cho vô lượng chúng sinh hiện bị các phiền não che đậy và kho vàng ròng chỉ cho Phật Tánh Chân Tâm. Câu chuyện gã cùng tử hay viên ngọc châu trong đáy túi áo trong Kinh Pháp Hoa cũng tương tự.

Như vậy, khi nói câu "Thiên thượng thiên hạ, duy ngã độc tôn" Đức Phật, lúc ấy là Thái tử Tất Đạt Đa, không nói về cá nhân ngài, về cái thân tứ đại ngũ uẩn sinh diệt, mà nói về cái Tâm Chân Thật, cái Ngã Chân Thật của chúng sinh. Chính cái Tâm đó mới là tôn quý, mới là tối thượng và cái Tâm Chân Thật đó chính là Tâm Phật mà ai ai cũng có, bất luận giàu nghèo sang hèn, bất luận màu da ngôn ngữ, bất luận tôn giáo chính kiến.

Bây giờ nói về bảy bước chân trên bảy đóa sen nở của Phật. Tại sao không phải là ba bước, bốn hay năm bước. Có người giải thích Ngài bước bảy bước là vì "Ngài là vị Phật thứ bảy", tiếp nối sáu vị Phật đi trước, mà bắt đầu là Phật Tỳ Bà Thi. Có người khác giải thích bảy bước là tiêu biểu cho bảy đại: địa đại (đất), thủy đại (nước), phong đại (gió), hỏa đại (lửa), hư không đại, kiến đại, và thức đại; còn bảy đóa sen nở tượng trưng cho sự thành Phật của bảy hàng để tử Phật gồm Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Sa di, Sa di ni, Thức Xoa ma na, Ưu bà tắc, và Ưu bà di,...vân vân và vân vân.

Thật ra, con số bảy trong Phật giáo có rất nhiều tiêu biểu. Ngoài thất đại còn có thất bồ đề phần tức bảy cấp bậc tiến đến giác ngộ, biểu tượng cho trình tự tu chứng. Thêm vào đó, còn có thất giác chi, tức bảy pháp của người Phật tử cần phải tu tập để tiến tới giải thoát (Niệm Giác chi, Trạch Pháp Giác chi, Tinh Tấn Giác chi, Hỷ Giác chi, Khinh An Giác chi, Định Giác chi, Xả Giác chi). Trong Kinh Thập Thượng thuộc bộ Kinh Trường Bộ, Đức Phật có nói tới mười thứ "bảy pháp" tổng cộng là bảy mươi pháp đã đưa Như Lai giác ngộ, chánh đẳng chánh giác (bảy tài sản, bảy giác chi, bảy thức trí, bảy tùy miên, bảy phi điều pháp, bảy diệu pháp, bảy thượng nhân pháp, bảy tướng, bảy thù diệu sự, bảy lậu tận lực).

Con số bảy mang nhiều biểu tượng như trên và bảy bước chân đầu tiên của Phật cũng có thể mang hàm ý như thế, tuy nhiên, ai là người Phật tử thâm nhuần đạo Pháp cũng đều hiểu rằng, không phải Phật chỉ bước có bảy bước với bảy bông sen nở dưới chân mà là bước vô lượng bước trong khắp cõi Ta Bà, trong khắp không gian vô tận và thời gian vô cùng. Không một chỗ nào, không một sát na nào mà không có bước chân Phật, mà không có hoa sen nở.

Tâm Diệu

<http://www.jps.net/hoasen>

TẠI SAO KHÔNG

*Đừng điếm danh tôi. Ban đêm ơ
Đã mở ra con đường đi vào giấc mộng
Thì làm sao tôi có thể chối từ
Đừng điếm danh tôi. Nắng chiều ơ
Dưới tàng cây kia có tiếng ru của bầy chim
Làm sao tôi không tìm về giấc ngủ
Đừng điếm danh tôi. Tầm gương soi
Có nơi thời gian đang đứng lại
Làm sao tôi không đi về phía của mùa xuân*

*Đừng điếm danh tôi hỡi người có mặt
Vụ mùa đã thơm, lúa chín ngoài đồng*

NGẠC NHIÊN

*Mây trắng
Ngó xuống
Trần gian
Ngạc nhiên sao nắng vui tràn thế kia
Vây trên này hay dưới kia
Cõi nào là cõi thuộc về trời xanh*

TỪNG BẬC BUỔI SỚM

*Tôi đang bước lên từng bậc buổi sớm
Từ âm áp của đất
Bóng đêm đang trở thành kỳ niệm
Tôi đang ở vào thời gian nào thật nhất của mờ sương
Vẫn còn hơi gió đêm từ phương Nam
Có thể tôi đang ở trong bóng mà nắng đang trú ẩn
Bằng cái với tay dịu dàng
Tôi sẽ chạm vào nó
Sự lạnh lùng của đêm đã ở rất xa
Hình như tôi đã bước thêm bậc nữa
Bây giờ thì đã nghe được hương của những loài hoa*

*Hơi ấm của vòm cây, của tổ chim, của gối chần giấc ngủ
Của những sắc màu còn lẫn quất
Trong hồi hộp của chờ đợi
Tôi không biết mình đang bay lên. Đang tới*

Hay đang rơi...

NGUYỄN THỊ KHÁNH MINH

Dẫn Chiếu:

- [1] Hòa Thượng Thích Thiện Siêu, Kinh Trường A Hàm, Phật Học Viện Quốc Tế Xuất Bản năm 1986, trang 8.
- [2] Hòa Thượng Thích Minh Châu, trong Kinh Trường Bộ Tập 1(Kinh Đại Bản), Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam ấn hành năm 1991, trang 453 dịch là: "Ta là bậc tối thượng ở trên đời! Ta là bậc tối tôn ở trên đời. Ta là bậc cao nhất ở trên đời. Nay là đời sống cuối cùng, không còn phải tái sanh ở đời này nữa".
- [3] Hòa Thượng Thích Thiện Siêu, Kinh Trường A Hàm, Phật Học Viện Quốc Tế Xuất Bản năm 1986, trang 8
- [4] Hòa Thượng Thích Minh Châu, Kinh Trường Bộ Tập 2 - Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam ấn hành năm 1991, trang 666-670



NĂNG LĂNG NGHIÊM THÁNG SÁU

Thích nữ Giới Hương

Cũng như bốn năm qua, năm này quý chư Tôn đức có tổ chức Khóa Mười Ngày An Cư Kiết Hạ thời gian từ ngày 14.06 đến ngày 24.06.2010 tại Phật Học Viện Quốc Tế Thành Phố North Hills, Los Angeles County, California. Trong chương trình an cư, có tiết mục thỉnh cử giảng sư cho lớp học dành riêng cho chư Tăng Ni. Với ước nguyện của chư Tôn đức muốn nâng đỡ lớp tăng ni trẻ tập sự hoằng pháp nên quý Ôn có cử vài tăng ni trẻ trình bày kiến giải trong tăng chúng dưới sự chứng minh của chư tôn Hòa thượng. Con (TKN Giới Hương) được năm trong danh sách đó và thuyết trình với đề tài «Năng Lăng Nghiêm Tháng Sáu». Nay xin được tường trình lại buổi pháp thoại đó.

Thuyết trình viên trình bày bày vấn đề trong kinh Lăng Nghiêm và nêu lên bốn câu hỏi.

I) VẤN ĐỀ THỨ NHẤT: sự tu chứng trong Phật giáo Nguyên Thủy và Đại thừa.

Xin được nêu lên một ví dụ trong kinh tạng Nguyên Thủy, Đức Phật dạy tôn giả Kiều Trần Như do ngộ lý Tứ Đế mà được pháp nhãn tịnh, chứng A-la-hán. Nơi đây, tôn giả biết quả *Khổ* mà con người đang đối mặt với sanh, già, bệnh, chết, sầu khổ, ưu não là do chúng ta *Tập*. Đây là nhân quả thể gian. Và ngài biết có quả *Diệt* để là Niết bàn tịch tịnh an nhiên xuất phát từ nhân tu tập *Đạo* (Bát chánh đạo). Đây là nhân quả xuất thế gian.

Trong khi đó, kinh Lăng Nghiêm (một kinh tiêu biểu cho đại thừa) viết rằng:

Tôn giả Kiều Trần Na bạch Phật "Con nay già cả, ở trong đại chúng, riêng được cái danh là "Hiếu", do con ngộ được hai chữ khách trần mà thành chính quả. Bạch Thế Tôn, ví như người khách đi đường, vào trọ quán xá, hoặc ngủ, hoặc ăn, ăn ngủ xong rồi, xếp đồ lên đường, không ở yên được; nếu thật là người chủ, tự nhiên không phải đi đâu. Con nghĩ như vậy: Không ở yên gọi là khách, còn ở yên thì gọi là chủ.

Con lấy cái "không ở yên" làm ý nghĩa chữ khách. Lại như mới tạnh, mặt trời chiếu sáng trên cao, ánh sáng vào trong lỗ hờ, bày tỏ hình dáng bụi trần giữa hư không. Trần là lay động, hư không là yên lặng.

Tôn giả Kiều Trần Như thưa ngài nay già cả, ở trong đại chúng, riêng được cái danh là 'Hiếu', do ngài ngộ được hai chữ khách trần mà thành chánh quả. Ví như người khách đi đường, vào phòng trọ motel hay khách sạn, nghỉ lại đêm rồi sáng lại đi. Khách đến đi, lai vãng, 'không ở yên' trong khi chủ nhân thì bất động, 'ở yên', không có đi tới đi lui.

Bên cạnh ví dụ thứ nhất khách và chủ này, tôn giả Kiều Trần Như còn cho thêm một ví dụ rất độc đáo nữa là 'như mặt trời chiếu sáng trên cao, ánh sáng vào giữa lỗ hờ, bày tỏ hình

dáng bụi trần giữa hư không. Trần thì lay động, còn hư không thì yên lặng.' Tôn giả Kiều Trần Như do ngộ đứng lặng là không tức hư không, lay động là trần. Ngài liền buông xả trần lao, trụ vào tánh hư không tịch lặng liền chứng thánh quả.

Điều này cho thấy ở kinh Nguyên Thủy đề cập Tôn giả Kiều Nhân Như do lý Tứ Đế mà giác ngộ trong khi ở kinh Đại thừa thì ngài do ngộ 'khách và chủ' mà chứng quả.

Kính thưa chư tôn đức, chiều thứ ba ngày 15/6/2010, sau khi đại tăng sai con tham dự buổi thuyết trình vào thứ tư ngày 16/6/2010. Lúc đó, con ngược nhìn đỉnh mái chùa Phật Học Viện Quốc Tế và con thấy ánh nắng từ đỉnh chùa của Phật học viện Quốc Tế tỏa chiếu xuống trai đường. Đúng là 'mặt trời chiếu sáng bày tỏ hình dáng bụi trần giữa hư không'. Bụi trần giao động lăng xăng, khiến con liên tưởng đến pháp quán của tôn giả Kiều Trần Như. Ánh nắng đây ví như khi nào chúng con đem ánh sáng trí tuệ soi lại mình thì chúng con mới biết những bụi bậm này là phiền não đang lăng xăng. Nếu chúng con không dùng năng chiếu soi thì cứ nhận bụi đây là tâm, cảnh và thân của mình và lầm mình làm vật mãi.

Nói về thời gian chúng con đang an cư là tháng sáu và vì ý Lăng Nghiêm được hiển thị trong ánh nắng chiếu, nên con lấy tựa đề cho bài thuyết trình của con là Năng Lăng Nghiêm Tháng Sáu. Đó là ý nghĩa của đầu đề.

Kính thưa chư tôn đức, chúng con để ý trong tạng Phật giáo thường đề cập đến mười vị thánh thượng thủ đại đệ tử của Đức Phật như tôn giả Đại Ca Diếp, Xá lợi Phất, Mục Kiền Liên, Ca Chiên Diên, A-nan-đà, A-na-luật, La-hầu-la, Tu-bồ-đề, Phú Lâu Na và Ưu-bà-ly. Trong khi trong kinh điển đại thừa thì nói nhiều về các bồ tát như kinh Lăng Nghiêm nói về các Bồ tát Di Lặc, Đại Thế Chí, Trì Địa Bồ Tát, vv... Kinh Lăng Nghiêm chỉ nói đến bày vị thánh A-la-hán như các bậc Hồi Tâm Đại-a-la-hán (hướng về Bồ Tát thừa) chứ không nói đủ mười vị thượng thủ. Các thánh như Ca Diếp tu về pháp trần, A-na-luật tu về nhãn căn, Tu-bồ-đề do ý căn chứng viên thông, Xá Lợi Phất do nhãn thức, Phú Lâu Na do thiết thức, Ưu-bà-li do thân thức và Mục Kiền Liên do ý thức mà chứng viên thông. Trong đây chúng ta thấy thiếu ba tôn giả là A-nan, Ca-chiên-diên và La-hầu-la. Vì sao ba tôn giả trong thập đại đệ tử không có mặt trong kinh Lăng Nghiêm? (đây là câu hỏi thứ nhất)

HT. Thiên chủ T. Thắng Hoan đã giải thích rằng A-nan nổi bật về đa văn, Ca Chiên Diên về hạnh biện luận và La-hầu-la nổi bật về mật hạnh. Có thể các ngài do một hạnh gì đó để chứng viên thông mà hạnh đó không thuộc về căn, trần và thức nên không liệt kê ở đây. Vấn đề này thuộc về lịch sử, chúng ta khó giải thích. Đạo Phật nghiêng nặng

về giải thoát.

II) VẤN ĐỀ THỨ HAI: thuyết trình viên đưa ra phải chăng Tịnh độ là thiền là hợp với ý kinh Lăng Nghiêm? (câu hỏi thứ hai)

Xin đưa ra một ví dụ tôn giả Đại Thế Chí Pháp vương tử cùng với năm mươi hai vị Bồ Tát đồng tu một pháp môn, bạch Phật rằng:

"Mười hai đức Như Lai kế nhau thành Phật trong một kiếp; đức Phật sau hết, hiệu là Siêu Nhật Nguyệt Quang, dạy cho con phép niệm Phật tam muội".

Vì sao ngài Đại Thế Chí niệm Nam mô A-di-đà Phật là niệm niệm sanh diệt mà lại gọi là tu về kiến đại, là thiền tông? Dùng sự niệm sanh diệt, ý thức phân biệt từng niệm, từng niệm thì không phải là kiến đại, nhưng phải dùng lý niệm khi niệm Nam mô A-di-đà Phật để giải nghĩa thì mới nhận ra nghĩa kiến đại và thiền tông này.

Vô lượng thọ là thường trụ trong khi từng niệm danh hiệu Phật là sanh diệt, là trái nhau. Thật ra, niệm Phật là phần tướng phương tiện để chuyển hóa động loạn định tâm vào câu niệm. Tịnh niệm kế tiếp lần đến nhất tâm bất loạn, đạt đến vô niệm, vào được Tam Ma đề. Niệm Phật thì Phật tánh là chân tịnh, niệm tánh Phật vô lượng thọ, vô lượng quang, nhớ và về vô lượng thọ, vô lượng quang thì cái đó là thật. Nam mô A Di Đà Phật thâm nhiếp cả sáu căn, chuyên an định vào tánh vô lượng thọ, vô lượng quang là nhân địa tu hành chân thật và đó chính là thiền. Thế nên, phải chăng pháp môn tịnh độ niệm Phật cũng là thiền tông? Đây là hợp với ý kinh Lăng Nghiêm?

HT. Thiên chủ T. Thắng Hoan trả lời: Kinh Vô Lượng Thọ và kinh Bi Hoa dạy có bốn cảnh giới:

1. Thường Tịnh Quang Tịnh Độ do Đức Phật A Di Đà trú
2. Thật Báo Trang Nghiêm Tịnh Độ do các vị Bồ tát trú
3. Phương Tiện Thánh Cư Độ là do các vị A-la-hán trú
4. Phạm Thánh Đồng Cư Độ tức chúng sanh đời nghiệp vắng sanh. Qua đó tu đến thượng phẩm là tự giác viên mãn. Rồi chuyển qua Thật báo trang nghiêm để trang bị Bồ Tát Hạnh có Nhất Sanh Bồ Xứ, cũng như xuống Ta bà trở lại để độ sanh và cuối cùng thì qua cõi Thường Tịnh Quang.

Pháp môn Tịnh Độ của ngài Đại Thế Chí là cột tâm vào câu niệm Phật tức nhất tâm bất loạn để dẹp các hoặc lậu. Kinh Nguyên Thủy dùng 37 phẩm trợ đạo để giải quyết tư và kiến hoặc. Duy thức thì quán để chuyển thức thành đại viên cảnh trí. Hiện tượng thế giới là vọng hiện của chơn như, từ vọng hiện biến ra duyên sanh, lấy vọng tâm làm chuẩn. Có y báo và chánh báo của chơn như là thế giới chư Phật, thế giới Đa Bảo, thế giới Bất Sanh Bất Diệt, không có đối đãi.

Không có chơn tâm thì không có thế giới vọng hiện. Thế giới vọng hiện nằm trong ruột của thế giới chân tâm nội tại giống như cá nằm trong nước hay người nằm trong không khí, còn những ví dụ của bọt nước hay bóng đèn là hiển từ chân tâm.

Lăng nghiêm là hiển mật viên thông

tức cầu thần lực chứ không cần thức hiểu, cứ hành trì thì tự nhiên tác dụng hiển bày. Cứ niệm Phật thì trở về với tánh, cũng đồng mỗi với thiền tông.

Phối về bốn cảnh giới, phương tiện thánh cư độ là đúng với thiền, vì đạt được nhất tâm bất loạn. Thật báo trang nghiêm độ là thiền tam muội và trở thành bồ tát.

III) VẤN ĐỀ THỨ BA: thuyết trình viên trình bày tiếp trong kinh Lăng Nghiêm nói về nhân tu tự lợi hướng nội của Quan Thế Âm, trong khi hình ảnh Quan Thế Âm trong Pháp Hoa (phẩm phổ Môn) là hướng ngoại nghe tiếng kêu cầu thì ngài liền cứu khổ.

Pháp môn của Bồ Tát Quán Thế Âm chính là phương pháp *phản văn văn tự tánh* (không xuôi dòng xuôi theo âm thanh mà trở ngược lại tánh nghe) tức là từ cái nghe để trở về tự tánh của mình. Quan Thế Âm là vị đã vượt qua cả sáu kết của động tĩnh, căn, giác, không, diệt để trở về văn tánh, hướng nội để cầu căn bản trí. Còn phẩm Phổ Môn của kinh Pháp Hoa là Quán Thế Âm hướng ngoại nghe tiếng cứu khổ để đạt hậu đắc trí. Có kêu có ứng. Có cầu có nghe. Thế nên, âm thanh là phương tiện của độ sanh. Thế thì nhờ xoay vào bên trong trở về tánh thể thập phương viên minh mà ngài có khả năng nghe tiếng kêu khổ của chúng sanh ở khắp mười phương.

Chúng con cũng biết rằng Đức Phật Thích Ca từ định phát tuệ và khi tuệ khai thì ngài có tha tâm thông có thể nghe hiểu tiếng nói âm thanh của tất cả các loài. Ngài Quán Thế Âm khi quay vào phản văn có kết quả sau đó xoay ra để độ sanh. Đây là vấn đề làm cho chúng con suy nghĩ quay vào (nhập thất) tựa như mình có ích kỷ nhưng lợi ích sẽ lớn khi mình 'sáng bên trong' thì sẽ 'sáng bên ngoài' như Quán Thế Âm Bồ Tát. Còn như nếu chỉ lo bên ngoài thì dường như 'bên trong tối' và 'bên ngoài cũng tối' hoặc nếu sáng thì sáng cũng yếu? Những gì chúng con đang làm bây giờ như tiếp xúc Phật tử độ sanh, giảng dạy về làm lành lánh dữ... Phải chăng là thuộc nhân thừa, thiên thừa và Thanh Văn thừa? Nên chăng chúng con nhập thất tu chứng trước rồi hãy ra độ sanh? Xin quý chư tôn đức chỉ dạy. (đây là câu hỏi thứ ba)

Đại đức Thiện Lợi xin nêu lên một thiền ý nhỏ:

1. Trong Tịnh Độ Thập Nghi Luận có viết Bồ Tát vào đời gồm có hai dạng: a) Cứu kính (viên mãn rồi mới độ chúng sanh); b) Phần chúng (chia sẻ những sở học, sở tu có giới hạn). Đây là nói tinh thần từ bi của Bồ Tát Hạnh.
2. Dựa trên giáo lý năm thời: Lăng nghiêm là thuộc hệ Phương Đăng Đại Thừa, ví như mặt trời hoàn chiếu đại địa thiên hạ "Nhật thăng chiếu đại địa". Vậy có thể nói rằng Lăng Nghiêm kinh cũng như mặt trời chiếu rọi khắp nơi, là ý nghĩa đặt nặng phương diện Độ tha, tuy nhiên vẫn không bỏ qua tự lợi.

Thầy Quảng Thuận phát biểu: "Sư Cô phân vân rằng không biết là nên đóng cửa lại để tu cho xong, rồi mới mở cửa xuống núi độ sanh..." Thầy nghĩ rằng tu ngay lúc mình đang tiếp xúc với





thế gian như Kinh Kim Cương có dạy, "Muốn thành Phật thì phải độ hết thảy chúng sanh (gồm có chín loài) vào vô dư Niết Bàn. Nếu y kinh giảng nghĩa, nghĩa là kinh nói sao thì mình hiểu y như vậy thì chắc chắn là sẽ không bao giờ thành Phật được đó là điều đương nhiên thôi. Bởi vì chúng sanh không chỉ có ở bên ngoài mà còn có cả bên trong. Hơn nữa, chúng sanh bên trong của mỗi chúng ta còn nguy hiểm, dễ sợ hơn cả và cần được độ hơn là chúng sanh bên ngoài. Nếu như Sư Cô nhận ra được rằng mình và tất cả chúng sanh đều là nhất thể, không có sai khác thì câu hỏi số ba không tồn tại và đã được giải quyết. Dựa theo tư tưởng của kinh Kim Cương thì sẽ thấy chúng sanh tuy có vô lượng vô biên, kể cả thiên đường hay địa ngục nhưng không thật có và cũng từ tâm này mà sinh ra sơn hà đại địa, thiên đường, địa ngục v.v... Đặt trường hợp nếu thật có chúng sanh thì vĩnh viễn chúng ta là chúng sanh sẽ không bao giờ chúng ta có thể thành Thanh văn, Duyên giác và Phật.

Thượng Tọa Đồng Trí (San Jose) nói thêm về nhân tu tự lợi tức pháp môn phân văn, nhĩ căn viên thông của Quan Thế Âm. Nhĩ căn viên thông là một phương pháp tu rất thù thắng và ứng hợp ở thế giới ta bà. Do đó, trong những pháp tu của 25 vị Bồ tát, ngài Văn Thù Sư Lợi đã tán thán pháp môn tu của ngài Quan Thế Âm, vì pháp môn này hợp với chúng sanh tại đây. Tất cả các thánh đệ tử của Đức Thế Tôn cũng vì nghe pháp mà vào đạo, Ban đầu ở trong tánh nghe, nhập vào dòng nghe, quên hết năng và sở. Trần tướng vắng lặng, động tĩnh không sanh, thề sẽ chứng nhập vào nhĩ căn viên thông. Sanh diệt đã diệt, bốn tánh hiện tiền.

IV) VẤN ĐỀ THỨ TƯ: thuyết trình viên đưa ra là vấn đề kinh khó nhận nhưng ý đơn giản và dễ hiểu.

Nếu mới đọc vào kinh Lăng Nghiêm, chúng con sẽ cảm thấy hơi lý luận và Đức Phật đưa ra nhiều ví dụ tưởng như chuyện con nít, trò chơi. Nhưng ngắm ra những ví dụ con nít ấy là cốt để chúng ta nhận ra kiến tinh, tánh thấy tức tri kiến Phật của mình. Ví dụ Đức Phật đưa bàn tay lên rồi ngài co mở, hoặc ngài phóng hào

quang bên trái, bên phải của A-nan là cốt để hiển tánh thấy. Tánh thấy thấy bàn tay co mở, chứ tánh thấy vốn không co mở. Hào quang xoay bên trái bên phải, nhưng tánh thấy thấy hào quang vốn không lay động trái phải, vv...

Một ý nữa của vấn đề thứ tư là đọc hai mươi lăm phương pháp tu của các ngài ở Kinh Lăng Nghiêm giống như đọc chuyện cổ tích vậy, nhưng đây là chuyện thật. Càng nói sơ sơ như hai mươi lăm vị thánh trình bày thì chúng con hiểu, chứ nếu nói rõ ra thì chính chúng con càng mù mịt, vì mình chưa đạt trình độ này. Chúng con không làm sao mà giảng sâu nổi, hiểu sâu nổi. Muốn học sâu nữa thì chỉ có tu chứng mới nhận nghĩa, tự chứng tự ngộ, nóng lạnh tự biết thôi. Nhưng ít nhất trên bề mặt, chúng con cũng nhận được phần hợp lý (logic) đơn giản của hai mươi lăm mẫu tu tập này.

V) VẤN ĐỀ THỨ NĂM: thuyết trình viên muốn đề cập đến là nguyên nhân sâu sắc của tánh luân hồi là không hiểu biết tánh chân thường nơi năng Lăng Nghiêm.

Đức Phật bảo A Nan: *Tất cả chúng sinh từ vô thị đến nay điên đảo nhiều cách, giống nghiệp tự nhiên nhóm lại như chùm quả ác xoa. Những người tu hành không thành được đạo vô thượng Bồ đề, đến nổi lại thành Thanh Văn, Duyên Giác hoặc thành ngoại đạo, chư Thiên, Ma vương hay bà con Ma, đều do không biết hai chữ cội gốc, tu tập sai lầm, cũng như nấu cát mà muốn thành cơm, dầu trải qua nhiều kiếp như vi trần, rốt cuộc vẫn không thể thành được.*

Thế nào là hai thứ cội gốc?

A Nan, một là cái cội gốc sống chết vô thị, tức như A-nan ngày nay cùng các chúng sinh dùng cái tâm phân duyên mà làm tự tính.

Hai là cái thể bản lai thanh tịnh Bồ đề Niết Bàn vô thị như hiện nay cái tính bản minh thức tính của A-nan, sinh ra các duyên mà lại bị bỏ rơi. Do các chúng sinh bỏ rơi cái bản minh ấy nên tuy cả ngày sống trong tính bản minh mà không tự giác, oan uổng vào trong lục đạo.

Cội gốc phân duyên vô thường thứ nhất đưa Anan và chúng sanh luân chuyển. Tập khí đó rất quan trọng, cần phải biết để chuyển hóa. Nhưng một cội gốc khác quan trọng hơn mà đó là

mục đích của mười phương Chư Phật ra đời, hay của kinh Lăng Nghiêm, Pháp Hoa và tam tạng thánh điển là cội gốc thứ hai tức là bản minh, bản lai thanh tịnh Bồ đề Niết Bàn, ở đây tức là khi ánh nắng soi chiếu, hư không tịch lặng chân thường không giao động. Nếu chúng con không biết giá trị này thì sẽ oan uổng lang thang vào sáu cõi của địa ngục, ngạ quỷ hay dù tu đến chín bậc định cũng không thể thành chánh giác mà lạc vào ma đạo hay bà con ma.

VI) VẤN ĐỀ THỨ SÁU: thuyết trình viên trình bày lợi ích của người nhận tánh Chân thường không vướng nơi căn.

Trong hội Lăng Nghiêm, tôn giả Kiều Phạm Bát Đề liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ nơi chân Phật mà bạch Phật rằng: *"Con mắc khổ nghiệp, khinh rẻ, chế giễu vị Sa Môn trong kiếp quá khứ, nên đời đời mắc bệnh nhai lại như trâu. Đức Như Lai chỉ dạy cho con pháp môn "Nhất vị thanh tịnh tâm địa". Con nhờ vậy, mà diệt được phân biệt, vào Tam ma đề."*

Tôn giả Kiều Phạm Bát Đề tuy có tật nơi lưỡi mà ngài có thể nhận được tánh biết nhất vị thanh tịnh từ tâm địa tức tánh biết niệm viên mãn khắp pháp giới không kẹt vào cái lưỡi nghiệp báo có tật nhai lại của mình.

Một ví dụ nữa về tôn giả A Na Luật Đà. Tôn giả A Na Luật Đà bạch Phật rằng: *"Lúc con mới xuất gia, thường thích nằm ngủ, nên đức Như Lai quở con là loài súc sinh "Thu mình trong vỏ sò". Nghe lời Phật quở, con khóc lóc tự trách, suốt bảy ngày không ngủ, hư cả hai con mắt. Đức Thế Tôn dạy con tu pháp "Lạc kiến chiếu minh kim cương tam muội". Con không do con mắt, xem thấy mười phương rỗng suốt tinh tường như xem cái quả trong bàn tay".*

Chính nhờ không nhìn bên ngoài khiến tán loạn tinh thần mà tập trung nhìn bên trong (có tật có tài) mà tuệ nhãn khai. Bây giờ ngài không dùng mắt nhục nhãn, căn bản sanh tử để thấy mà thấy được cả mười phương thấu suốt và trông thấy mười phương như những trái xoài, những hạt cải trong lòng bàn tay. Ngài sống với kiến tinh, căn bản Bồ đề, chứ không sống bằng mắt nữa, cho nên ngài thấy rõ cả mười phương. Đây là một kết quả phi thường khả năng có sẵn nơi mỗi người nếu mỗi người biết phát huy khả năng diệu dụng của mình.

VII) VẤN ĐỀ THỨ BẢY: thuyết trình viên trình bày pháp tu quán Tỷ Căn của Châu Lợi Bàn Đặc trong Lăng Nghiêm có giống pháp tu chánh niệm của sư ông Làng Mai? (Đây là câu hỏi thứ tư)

Trong hội Lăng Nghiêm tôn giả Châu Lợi Bàn Đặc Ca liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ nơi chân Phật mà bạch Phật rằng: *"Con thiếu tụng trì, không có tuệ đa văn. Khi mới gặp Phật, nghe pháp và xuất gia, con cố nhớ một bài kệ của Như Lai, song trong một trăm ngày, hể nhớ trước thì quên sau, mà nhớ sau thì quên trước. Phật thương con ngu muội, dạy con phép an cư, điều hòa hơi thở ra vào. Con quán hơi thở, cùng tụng các tướng sát na, trụ, diệt nhỏ nhiệm, đến từng sát na, tâm con rỗng suốt, được đại vô ngại".*

Ngài Châu Lợi dùng tự căn, quán hơi thở ra vào nơi lỗ mũi, trú vào hơi thở, trị tán loạn, lấy đó làm nền tảng tu viên thông. Ngài quán hơi thở cùng tột

các sinh diệt, ngộ được tâm tính bất sinh, bất diệt xa rời ba cõi tức là không còn bị sanh tử luân hồi nữa và chúng được tính viên thông. Vậy pháp môn chánh niệm hơi thở của sư ông Làng Mai có gì khác?

Hòa Thượng Phước Tịnh trả lời: Pháp tu của sư ông Làng Mai chủ yếu Tứ Niệm Xứ: Quán thân, quán thọ, quán tâm và quán pháp. Mục đích là để an thân, an tâm và luyện trí, khác với pháp môn của các tổ trong Lăng Nghiêm.

Thuyết trình viên kết thúc bài giảng của mình với bài thơ như sau:

NĂNG LĂNG NGHIÊM THÁNG SÁU
Năng Lăng Nghiêm thán sáu
Chiếu bụi trần lăng xăng
Hư không vốn tịch lặng
Sao bỏ chủ theo trần
Oan uổng vào lục đạo.

Bỏ lớn chạy theo nhỏ
Bỏ biệt cả lấy bợ
Làm em bé khát sữa
Làm kẻ nghèo rách rưới
Đội mấy lớp tầng mê.

Năng Lăng Nghiêm thán sáu
Từ đình Phật học viện
Tiếng chuông chùa ngân vang
Lời kinh vang pháp giới
Chư tăng lặng ngắm nhìn.

Hư không và bụi trần
Chẳng tỉnh lấy chi động
Chẳng chuyển lấy chi yên
Mỗi ngày vẫn như thế
Hiện ánh năng Lăng Nghiêm.

Thượng Tọa T. Tâm Thành

(Phật Quan Âm Thiên Tự, CA) phát biểu rằng: Nhân dịp sư cô Giới Hương chia sẻ Phật pháp ý nghĩa kinh Lăng Nghiêm với đề tài "Năng Lăng Nghiêm Thán Sáu", tôi - thầy Tâm Thành khi nghe sư cô thuyết trình tôi cảm nhận sư cô có nhiều thành tựu, nếm nhiều pháp lạc trong sự tu tập, đặc biệt về pháp tu nhĩ căn viên thông. Sư cô rất khiêm cung, nên xin cảm tác một bài thơ để tặng sư cô (chỉ một thoáng trôi qua từ tâm thức):

Lăng Nghiêm trừ tội trần sa hoặc
Tháng sáu nắng soi tánh chân thường
Phản quang tự tánh tâm thanh tịnh
Như thị thân nhiên nữ Giới Hương.

TT. Thích Nhật Trí, Florida, vị MC tài tình của chương trình An Cư Kiết Hạ năm 2010 đã phát biểu rằng: «Đây là một bài pháp nhẹ nhàng, trong sáng. Sư cô có kiến thức và ứng dụng trong sự tu tập nên bài pháp có sức thuyết phục. Rất đáng khuyến khích.»

Hòa Thượng Thông Hải kết thúc buổi thảo luận rằng: «Sư cô đã sáng tác một số sách. Những cuốn sách của sư cô cũng chứng minh một phần nào kiến thức và sự tu học mà sư cô đạt được. Cách thuyết giảng của sư cô dịu dàng và trôi chảy. Đây là phong cách giảng của giới nữ lưu. Hy vọng sư cô sẽ đóng góp nhiều trong vai trò Như Lai Sư giả. Đây là một niềm hãnh diện chung trong ni giới.»

Phật Học Viện Quốc Tế, Thứ Tư ngày 16/6/2010

Kính tường,
Thích Nữ Giới Hương





THIỆN HÀNH MÙA HẠ

Mùa hạ đi thiền hành
 Bàn chân đạp nắng hanh
 Gió vờn lay khóm trúc
 Chim riu rít trên cành.
 Quán Âm đài bao quanh
 Ao sen mát trong lành
 Cá tung tăng bơi lội
 Mây, nước một màu xanh.
 Chánh niệm lòng tịnh thanh
 "Tàng kinh các" an lành
 Trưa hè bóng tháp lừng
 Tiếng phong linh thanh thanh...
 Mỗi bước đoá sen xanh
 Phong lan nở rộ cành
 Nước reo như suối đổ
 Cam lộ thủy phún thành
 Tang, linh, chuông, mõ, khánh
 Hòa nhịp bước đi quanh
 Miêng niệm "A Di Đà"!
 Giọng trầm bổng chí thành
 Y vàng chen nắng hạ
 Chúng Phật tử kiên thành
 Năm vóc gieo sát đất
 Tái hiện Trúc Lâm thành
 Phật Học Viện "Tùng lâm"
 Nhớ một lần về thăm
 Mùa an cư năm đó
 Sen nở tự vườn tâm.

(North Hills, California, thành phố
 Thiên Thần. June 18th 2010)

TƯỜNG VÂN

HƯƠNG BAY...

(Tặng Tường Vân)
 Con sóc treo ngang trời
 Chuyển trên cành chơi vơi
 Điện Phật xuyên khung cửa
 Người ngồi yên không lời.
 Ngọc lan nở nhiều nơi
 Mùi hương bay đầy trời
 Đoá nở tung khoe sắc
 Đoá còn nguyên cho đời.
 Ngồi nghe Lăng-Nghiêm tụng
 Hợp tấu giọng nhiều vùng
 Âm điệu hòa sương sớm
 Mộng ban đầu vỡ tung.
 Rung động giữa biển đời
 Bên cuộc sống đầy vơi
 Tiếng chuông vừa chấm dứt
 Ngoài kia rạng mặt trời!

(Mùa an cư PHVQT 2010)

HUYỀN VŨ

PHẬT PHÁP VÀ TUỔI TRẺ

TÁM CÁI BIẾT

Tâm Minh Vương Thúy Nga

Kính thưa quý vị và các bạn,
 Tuổi trẻ Phật giáo hôm nay đến với Phật Pháp như đi lạc vào một khu rừng đầy hoa thơm cỏ lạ, ngoài việc thưởng thức hương sắc tuyệt vời đem lại an lạc cho bản thân, các em còn muốn được biết tên, nhớ tên những danh từ Phật pháp để khi đọc sách, tham khảo có thể hiểu được dễ dàng. Đó là lý do các anh chị đi trước thường nói chuyện, trao đổi với các em của mình để vốn tiếng Việt về Phật pháp được nâng cao.

Hôm nay, chúng tôi xin kính chào tái ngộ với quý vị và các bạn trong đề tài "8 cái biết" dưới hình thức một cuộc hội thoại bỏ túi giữa 3 anh em huynh trưởng trẻ A, B, C đã được làm quen với quý vị và các bạn.

A: Chào các em, hôm nay anh muốn giới thiệu với các em về một danh từ được Việt hóa, coi thử các em có còn nhớ "gốc gác" của nó là gì không? đó là danh từ "cái biết".

B: Dạ thưa anh, em nhớ chứ! Nhưng anh nói "8 cái biết" thì em không biết hết.

C: Em cũng vậy, "cái biết" có phải là consciousness mà chúng ta thường gặp trong các bài Phật pháp với danh từ chữ Hán là "thức" phải không Anh? Nhưng em đã quen chữ này rồi nên khi Anh nói "cái biết" em nghe lạ tai hơn là chữ "thức".

B: Đúng vậy đó anh, khi học về chánh niệm, anh có nhắc tụi em "to act in full consciousness" tức là ý thức rõ việc mình đang làm, đồng nghĩa với "mindfulness" đó phải không Anh?

A: Các em khá lắm, như vậy các em hãy áp dụng chữ "thức" là "cái biết" để nghĩ xem chúng ta đã học được bao nhiêu loại thức rồi? C hãy kể trước đi nha!

C: Dạ thưa anh, như chúng em đã học trong bài "ngũ uẩn" thì có 6 cái biết (thức); đó là: nhãn thức (consciousness of the eyes), nhĩ thức (consciousness of the ears), tỉ thức (consciousness of the nose), thiệt thức (consciousness of the tongue), thân thức (consciousness of the body) và ý thức (consciousness of mind).

A: Đúng rồi, B có gì bổ sung không?

B: Dạ, em muốn thêm là khi nói đến "thức" thì phải nói đến "căn" và "cảnh"; vì bộ ba căn+cảnh+thức không thể tách rời nhau nên được gọi là "tam hòa hiệp" (threefold continuation).

C: Dạ, em cũng nhớ ra rồi. 6 căn là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. 6 trần là đối tượng của 6 căn; đó là sắc (form), thanh (sounds), hương (perfume), vị (taste), xúc (contact), pháp (dharma hay dhamma).

A: Các em rất giỏi, anh chỉ muốn bổ sung thêm 1 chút là chữ "thức" (vijñana), một thuật ngữ quan trọng trong Phật pháp, chỉ sự nhận biết. Như các em đã nhắc lại được 6 cái biết rồi, trước khi nói thêm 2 cái biết nữa, anh hỏi các em thêm vài chi tiết về 6 cái biết trên.

B: Hãy cho anh biết, khi nói căn+cảnh+thức không thể tách rời nhau, chúng ta muốn nói đến cái gì?

B: Dạ thưa anh, chúng ta muốn nói rằng: Nếu mắt nhìn (look at) mà không có mặt của nhãn thức thì tuy nhìn mà không thấy gì cả (we don't see anything). Tương tự, tai nghe mà không có sự hiện diện của nhĩ thức thì nghe mà không hiểu là đang nghe cái gì, v.v... Ngoài ra, sự kết hợp của 3 yếu tố căn+cảnh+thức làm phát sinh ra xúc và đưa đến cảm thọ (vui, buồn, không vui không buồn).

C: Nghe khen thì vui, nghe chê thì buồn và hết nghe rồi vẫn còn nhớ lại những cảm giác đó...

A: Đúng thế các em ạ! Vì vậy nói đến "thức" là phức tạp rồi. Trong Phật pháp chúng ta thường gặp những chữ như "biến thức" hay "thức biến"... ý nói các thức không hoạt động độc lập mà kết hợp với nhau, xuất hiện rồi biến đi, tạo ra một biến cảm giác gồm những hiện tượng tâm-vật lý sinh diệt không ngừng (the whole process of these psycho-physical phenomena which are constantly becoming and passing away...)

B: Vậy ngoài 6 cái biết trên đây còn cái biết (thức) nào nữa hờ Anh?

A: Còn thức thứ 7 và thức thứ 8 nữa.

C: Thức thứ 7 tên là gì? tác dụng như thế nào hờ Anh?

A: Thức thứ 7 tên là Mạt-na thức; Mạt-na là cái gốc của Ý nên Mạt-na còn được gọi là Ý căn (cũng như con mắt là nhãn căn vậy). Nói 1 cách dễ hiểu, những lúc ý thức bị gián đoạn (ngủ mê, bất tỉnh nhân sự, coma, bị chụp thuốc mê...) nó không bị mất hẳn mà nương vào thức thứ 7 là Mạt-na; ý thức vì vậy được ví như cái cây có cái rễ là thức thứ 7 (Mạt-na). Công năng của thức thứ 7 này là chấp trước, so đo, suy xét, phân biệt, phân biệt ta và người, bảo thủ cho "cái tôi", "cái ta" (self).

B: Còn thức thứ 8 là gì hờ Anh?

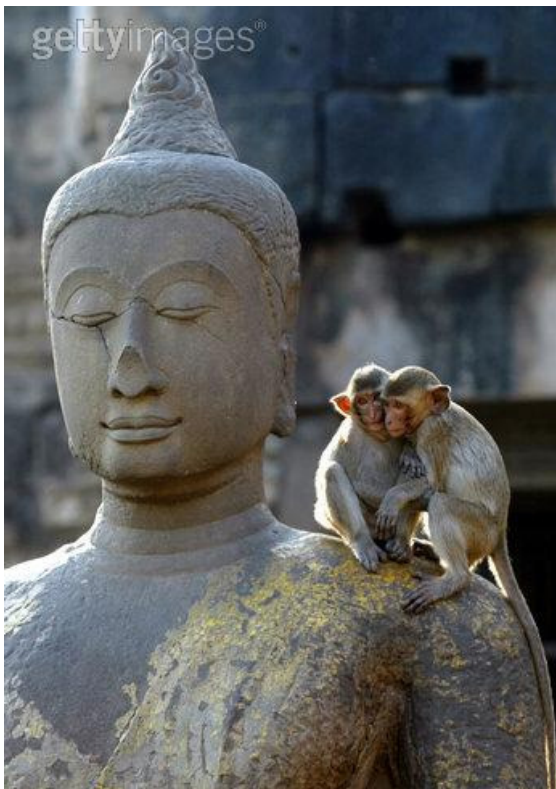
A: Thức thứ 8 là A-lại-da thức (Alaya), còn có tên là Tàng thức. A-lại-da thức được coi như là cái KHO chứa mà Mạt-na dùng để cất hết vào đó những điều mắt thấy, tai nghe, mũi ngửi, lưỡi nếm... dưới dạng chủng tử (hạt giống, seeds) Đó là lý do tại sao có nhiều cảnh, nhiều người, ta gặp từ hồi thơ ấu vẫn có thể tái hiện trong trí ta khiến ta nhớ lại.

C: Như vậy Mạt-na là mạnh nhất phải không anh? Vì nó có khả năng dùng A-lại-da để cất giữ...

A: Nói như vậy để cho dễ nhớ cũng được, Mạt-na có khả năng TRUYỀN những điều mắt thấy, tai nghe, v.v... (gọi là các pháp hiện hành) vào A-lại-da, vừa có khả năng TỔNG các chủng tử ở trong A-lại-da khởi ra hiện hành nữa.

B: Như vậy, A-lại-da, thức thứ 8 là một cái kho vĩ đại, vì nó có thể cất giữ những gì Mạt-na muốn nắm giữ trong nhiều đời nhiều kiếp phải không Anh?

A: Đúng vậy, Hòa thượng Thiện Hoa có một bài kệ nói về 8 thức hay 8 cái biết, chúng ta cùng học thuộc lòng cho dễ nhớ nha:



Anh em 8 chú 1 chàng si
Duy có Ý thức rất linh ly
5 người ngoài cửa lo buồn bán
Làm chủ trong nhà đệ bát y

C: Em không hiểu gì cả! Anh giảng rõ
nghĩa đi nha!

B: Em hiểu rồi, để em nói cho C nghe: 1
chàng si = si mê, chấp ngã đó, ám chỉ thức
thứ 7 (Mạt-na) là chấp có cái tôi và cái của
tôi; Ý thức rất linh ly là rất nhạy bén, linh
động, khôn ngoan; "5 người ngoài cửa" = 5
thức trước: nhãn thức, nhĩ thức... thân thức;
đệ bát y là thức thứ 8 đó (bát = 8, thất là 7,
lục là 6, v.v...)

A: Như vậy, các em đã hiểu "8 cái biết" là
gì rồi phải không?

B&C: Dạ phải!

A: Bây giờ anh muốn các em cho anh
biết, sau khi học qua 8 cái biết này, chúng ta
áp dụng vào cuộc sống như thế nào?

B: Chúng ta tu cho từng cái biết, nghĩa là
đổi với 5 cái biết trước (nhãn thức, nhĩ thức,
...) chúng vô tư vô tội, chúng ta tu tập làm
sao để cái thấy vẫn chỉ là cái thấy thuần túy,
cái nghe chỉ là cái nghe...

C: Dạ, em cũng hiểu rồi, tu tập về cái
thấy, chúng ta để cho cái thấy khách quan,
đừng khởi tâm phân biệt, ham muốn, phê
phán, v.v... ví dụ mắt ngắm nhìn một bông
hoa thì chỉ thuần là quan sát, nhìn ngắm,
chiêm ngưỡng vẻ đẹp của hoa, không khởi
tâm muốn hái cái hoa đem về nhà, hay khởi
tâm chẻ búi cái vườn hoa, người chủ khu
vườn v.v... và v.v... Cũng thế, khi nghe chỉ
thuần là nghe âm thanh mà không bị vướng
vào yêu-ghét, lấy-bỏ... nghĩa là đừng để cho
anh chàng Mạt-na chen vào.

A: Vậy là các em đã nắm được vấn đề;
các em có nghĩ đến áp dụng tu tập về thức
thứ 7 và thức 8 như thế nào không?

B: Dạ, như trên đây, chúng ta cố gắng
loại trừ tâm phân biệt, giữ tâm bình đẳng đối
với mọi người, mọi vật mà ta thường tiếp
xúc-nghĩa là không kỳ thị, không phân biệt
đối xử-đó là một phương pháp tu cho thức
thứ 7 không hoành hành ngang nhiên, lộng
quyền nữa.

C: Còn đối với thức thứ 8 thì chúng ta cố
gắng xông ướp (huân tập) vào tâm thức
mình những hạt giống tốt: những hạt giống
của từ bi, trí tuệ, tinh tấn, v.v... để trung hòa
những hạt giống xấu đã được xông ướp vào
từ nhiều đời nhiều kiếp...

B: Anh có thể nói thêm về thức thứ 8 và
chúng từ với hiện hành khác nhau như thế
nào cho chúng em biết không anh?

A: Thức thứ 8 được xem là thức căn bản
vì nó chứa đựng mọi kinh nghiệm của đời
sống mỗi con người và là nguồn gốc của tất
cả các hiện tượng tinh thần. Tất cả những
việc làm có tác ý (intention) của thân,
miệng, ý (gọi chung là nghiệp) đều được tích
lũy trong A-lại-da thức dưới hình thức những
hạt giống, đợi nhân duyên đầy đủ sẽ hiện
hành.

C: Thế nào là nhân duyên đầy đủ? Và
hiện hành là như thế nào? Anh cho em một
ví dụ cụ thể đi nha!

A: Ví dụ, trong tâm thức chúng ta có
những hạt giống thiện và bất thiện: như
những hạt giống của sự giận dữ, sân hận là
bất thiện, nếu gặp thuận duyên như bị ai
chọc tức, khiêu khích, mắng chửi, đánh đập...
thì những hạt giống đó sẽ hiện hành
ngay-nghĩa là chúng ta liền đỏ mặt nổi giận,
rồi phản ứng lại bằng mắng chửi, đánh đập.
Những hành động hiện hành mới này-chính
là những chủng tử mới của nghiệp, lại được
xông ướp vào Tầng thức, tạo ra một vòng
tròn tiếp tục tạo tác và chịu sự chi phối của
nhân quả luân hồi. Những hạt giống tư tưởng

trong A-lại-da cũng như hạt giống trong cây
chanh: hoa chanh và trái chanh tuy chưa xuất
hiện nhưng nó đã ẩn tàng trong cây chanh, chỉ
cần hội đủ thời gian, sự tưới tẩm, bón phân...
cây chanh sẽ đơm hoa kết trái.

B: Nói vậy, khi các hạt giống đang ngủ yên
trong Tầng thức thì gọi là Nhân, khi đầy đủ
các trợ duyên nó hiện khởi ra thì gọi là Quả,
phải không Anh?

A: Đúng vậy, và nhân quả luân lưu, cho
nên mới nói: chủng tử sinh hiện hành, hiện
hành huân tập chủng tử. Vì vậy, GDPT chúng
ta chú trọng giáo dục về xông ướp (xông ướp).
Những điều mắt thấy, tai nghe,... những hành
động của thân, miệng, ý... được cất kỹ vào
Tầng thức chờ ngày xuất hiện. Do vậy chúng
ta phải rất cẩn trọng trong việc tu tập và giáo
dục cho đàn em, con em của chúng ta.

C: Em hiểu rồi, vì vậy, chúng ta phải siêng
năng tưới tẩm những hạt giống tốt trong tâm
như từ bi, trí tuệ, thanh tịnh, v.v... để khi đủ
trợ duyên sẽ đơm hoa kết thành những trái an
lạc hạnh phúc.

B: Còn những chủng tử xấu (tham sân si)
như sâu ăn hại cây, như cỏ dại chiếm đất làm
cây khô héo ta phải xịt thuốc trừ sâu, phải
siêng năng nhổ sạch cỏ... để chúng khỏi xông
ướp vào A-lại-da làm nhân cho những quả
đắng về sau.

A: Đúng vậy! Ngoài ra, chúng ta phải làm
gương tốt cho các em trong khi nói năng, sinh
hoạt: đừng nói một đấng làm một ngã, đừng
đạy các em những thói hư tật xấu (như hút
thuốc, uống rượu, cờ bạc, nói xấu lẫn nhau,
ăn nói bậy bạ, nổi nóng...) Ngược lại, chúng ta
trao truyền cho các em qua những bài học về
Phật Pháp, Việt ngữ, Hoạt Động thanh niên...
những lời hay ý đẹp, những nét đẹp của văn
hóa dân tộc, những đức tính, những truyền
thống, những nền nếp sống đạo đức... là
chúng ta đã xông ướp vào Tầng thức của các
em một vườn hoa thơm trái ngọt, như trao
tặng các em một hành trang vào đời rất quý
giá vậy.

C: Nhờ bài học về A-lại-da này, em biết
nghiệp không chỉ là do những tác ý trong đời
này mà còn do bao nhiêu đời kiếp trước nữa...
thật là ghê gớm quá! Như vậy, nghiệp không
phải do từ bên ngoài mà do tự bên trong tâm
của ta phải không Anh?

A: Đúng vậy! Thực tế cho thấy các trẻ em
cùng cha mẹ, cùng trong một điều kiện về vật
chất, hoàn cảnh... giống nhau nhưng tính tình
có khi rất khác nhau; thậm chí anh em song
sinh cũng không giống nhau hoàn toàn về tâm
tính; vì vậy giáo dục phải lấy căn bản là con
người (đứa trẻ) chứ không thể theo một khuôn
mẫu nào cố định được.

Anh tặng các em mấy câu thơ của thi hào
Nguyễn Du nói về nghiệp nha:

...Đã mang lấy nghiệp vào thân
Cũng đừng trách lẫn trời gần trời xa
Thiên căn ở tại lòng ta
Chỉ tâm kia mới bằng ba chữ tài

B: Cụ Nguyễn Du cũng giỏi Phật pháp quá
Anh hử? Cụ nói "mang lấy nghiệp" vào thân
nghĩa là cụ hiểu rằng "nghiệp" chính là những
chủng tử đã được xông ướp vào A-lại-da đó
mà!

A: Đúng rồi, nhưng em đã "khen phò mã
tốt áo" rồi đó B à!

C: Là sao hử anh ?

A: Là mình khen một thi sĩ tài hoa và trí
tuệ thì cũng như khen một vị phò mã có áo
đẹp vậy thôi, có gì lạ đâu, ai mà không biết !!
Thôi nha, bữa nay tạm đủ, tạm biệt các
em!

B&C: Tạm biệt! Tạm biệt!



Một Ngày

(...về Mẹ)

Có một lần Mẹ ra cửa gọi con
Như ngày con thơ con nô đùa ngoài ngõ
Chợt nhớ ra con đi xa từ dạo đó
Mẹ rưng rưng ngồi khóc ở bên thềm
Rồi một ngày, một ngày nữa, thật dài thêm...
Mẹ đợi con vô vàng như chiếc lá
Nổi nhớ mong sao mà da diết quá !
Mẹ gọi con trong tiềm thức vỡ òa
Đã bao ngày cứ lặng lẽ trôi qua
Mẹ ra ngoài hiền ngồi như bất động
Đôi mắt chờ con trong niềm vô vọng
Không khóc được nữa rồi sao mắt vẫn còn cay
Và một ngày, con sợ lắm! Ngày mai...
Khi con về thêm xưa không còn thấy Mẹ
Là lúc con biết mình không còn trẻ
Vắng Mẹ trong đời trẻ nhỏ cũng già nua.

Viết Cho Giòng Sông Tuổi Thơ

Chảy trong tim tôi một dòng sông
Không xanh, không mộng
Không đùa nghiêng xoắn tóc
Giòng sông của những mảnh đời khó nhọc
Nước đục bốn mùa,
Chan chất nắng mưa

Tuổi thơ tôi là những buổi trưa
Xếp thuyền giấy thả vào dòng nước
Và mong thuyền chở đi bao mộng ước
Đến bờ bến tươi hồng.

Tuổi thơ tôi - những ngày đông
Co ro trong gian nhà vách thưa, gió lùa tới tả
Nghe tim mình buốt giá
Thương một con cò còn lặn lội bờ sông.

Tuổi thơ tôi canh cánh mãi bên lòng
Nổi lo toan: cơm - áo
Cánh diều ước mơ chao đảo
Chẳng bao giờ với được tới trời xanh.

Không có cổ tích với ông Bụt hiền lành
Tuổi thơ tôi: một mình - lặng lẽ
Chỉ có sông mang lời ru khe khẽ
Vỗ về, xoa dịu nỗi đau.

...Giòng sông,
nơi tuổi thơ tôi đi qua mãi nặng ơn sâu
Lạc lững giữa đất người tôi bỗng quay quắt muốn
Một lần thôi - được ngược chảy về nguồn.

DIÊU LINH



Từ khi thầy dạy phải tu tập sao để có được tâm Bồ Đề, từ đó về sau cứ hễ trước thời pháp, thầy lại nhắc là nên khởi một động năng tu tập để mau thành Phật quả cứu độ chúng sanh, vì lý do đó, nên chúng ta cần phải có Bồ Đề Tâm.

Chị lên chùa, từ thầy xuống tới bà vải, các bạn đạo v.v.. Người nào cũng nhắc tới Bồ Đề Tâm. "**Phải tu tập Bồ Đề Tâm**". Nhưng tu sao thì không thấy nói tới, hoặc có nói tới thì chị cũng không hiểu. Nghe thiên hạ nói riết chị đâm sốt ruột, chị có cảm tưởng ai cũng *thông thái* quá chừng, chị còn ngờ rằng, chắc mấy chú muỗi, chú ruồi, con sâu, cái kiến v.v.. trên chùa, nếu chúng có nói được tiếng người chắc hẳn chúng cũng nhắc tới Bồ Đề Tâm rồi. Riêng chị thì không. Vậy chứ không sốt ruột sao đặng?

Mô Phật. Nói ra thiệt là xấu hổ, nên chị chỉ *nói nhỏ* rồi len lén bỏ trên *nét* cho thiên hạ (người mà không biết chị là ai) coi xong thì có cười cũng chẳng sao. Nói thiệt nheng. Mô Phật! Chị nghe có chừng cả hơn triệu lần về cái vụ Bồ Đề Tâm chị chi đó rồi, nhưng cho tới giờ chị cũng không biết cái Tâm Bồ Đề là...cái gì? Thì dĩ nhiên rồi, để chị *trả bài* cho nghe nè nha: "*Tâm Bồ Đề là tâm đại từ, đại bi cứu độ chúng sanh*". Mô Phật! Nghe nguyên một tràng từ rỗng rỗng hoa mỹ đó chị cũng vẫn...hông hiểu nổi. Thực tế nha, vậy thì làm sao để có nó nè? Mà hình tướng ra sao hông biết, chắc là đẹp lắm vì ai cũng nói về nó. Thiệt chớ, chắc là mua cũng khó nha, hông biết nó ở nơi đâu và giá bao nhiêu mới mua được chớ? Loay hoay quá chừng mà chẳng làm nên tích sự gì, cuối cùng chị cũng xin hẹn được gặp riêng thầy.

Đó là một buổi chiều tàn. Thầy đang ngồi trước sân sau khi tưới xong mấy bụi hồng. Chị tới lễ thầy, hỏi thăm, rồi rụt rề thưa:

- Mô Phật! Thưa thầy, con có một điều muốn hỏi, xin thầy tỏ ngộ cho con. Vì tâm con mù mịt, đặc cứng còn hơn đá cuội, nên xin thầy dạy con *cách nào để nhất để có thể có được tâm Bồ Đề cứu độ chúng sanh*.

Thầy nhìn chị. Cái nhìn bao dung từ ái. Chị bỗng cảm động tới chảy nước mắt khi chợt nhận thấy tất cả sự kiên nhẫn của thầy đối với mình. Chị hiểu đầu óc chị chậm lụt, nói nhiều, hiểu ít, vậy mà thầy vẫn không nản chí, không giận gắt. Thầy thiệt là một vị thầy tốt bụng hết sức.

Thầy nhìn chị rất lâu, như hiểu được ý người đệ tử đang băn khoăn trên con đường tu tập, rồi thông thả bảo rằng:

- Ta có một câu chuyện kể con nghe. Ngày xưa hồi còn đức Phật. Có một vị đệ tử của ngài Xá Lợi Phất căn cơ chậm lụt, dạy hoài dạy huy người đệ tử này cũng không lĩnh hội được bao nhiêu. Dạy câu sau thì quên mất câu đầu. Cuối cùng ngài Xá Lợi Phất không còn có thể kiên nhẫn được nữa bèn khuyên người đệ tử nên hoàn tục và trở về nhà. Người đệ tử buồn rầu, đứng trước cổng chùa mà khóc. Phật biết được đi ngang qua hỏi thăm thì người đệ tử trình bày tự sự. Đức Phật bèn dạy cho người này chỉ làm một chuyện duy nhất là quét lá sân chùa. Vừa quét vừa niệm rằng, tôi đang quét tất cả những ác nghiệp của mình. Do thần lực của Phật, ông ta quét xong nửa sân này thì nửa sân bên kia lại đầy bụi đất. Vì cứ làm vậy mà cuối cùng ông ta đắc quả A La Hán. Nay con, ta cũng có một phương pháp đơn giản cho con. Con không cần phải bận tâm mấy đống về Bồ Đề tâm chi chi đó. Nay, ta chỉ

cần hỏi con một câu đơn giản và hãy trả lời thành thật:

- Con đã được thọ quy y tam bảo chưa?
Câu hỏi của thầy làm chị ngỡ rằng có lẽ thầy... lớn tuổi rồi nên quên chẳng, làm gì mà một Phật tử "*thuần thành*" như chị mà chưa quy y chớ? Nhưng tuy câu hỏi thiệt đơn giản, chị cũng rất nghiêm túc trả lời:

- Dạ thưa thầy con đã thọ giới quy y tam bảo lâu rồi.

- Vậy con đã thọ ngũ giới cho một Phật tử tại gia chưa?

- Dạ thưa rồi...

- Con có còn nhớ năm giới đó là gì không?

Chị im lặng một lúc rồi mới ngập ngừng thưa:

- Dạ thưa thầy, con nhớ chớ, nhưng xin thầy tha lỗi cho con, bị đầu óc con nhiều thứ ngổn ngang quá, nên có thể con không nhớ theo thứ tự được.

- Không sao. Vậy năm giới cấm đó là gì, con đọc ta nghe thử.

- Dạ... Đó là Không Sát sanh. Không trộm cắp. Không tà dâm. Không nói dối và Không uống rượu.

- Giỏi lắm! Nhưng con có giữ được đủ năm giới cấm đó mỗi ngày không?

- Dạ... con..., dạ...con... (Chị lắp bắp một hồi, bởi tuy chỉ có năm giới đơn giản quá chừng mà nhiều khi chị cũng phạm lung tung. Phạm xong rồi mới nhớ. Nay thầy hỏi một cách nghiêm túc, chị sợ tới độ chị chỉ nói cà lăm được hai chữ "dạ.. con.." rồi ngồi chù ụ dưới chân thầy, nín thinh...)

Thầy cúi xuống nhìn chị, lấy tay xoa khẽ lên đầu chị và nói một cách ân cần:

- Con ạ, tất cả nó chỉ nằm ở cái điểm bé xíu nhưng rất **quan trọng** đó thôi. Ta chỉ cần con làm một chuyện thật đơn giản, lúc nào cũng tưởng nhớ đến năm giới cấm và cố gắng không phạm giới trong suốt ngày. Nếu có lỡ phạm giới nào thì lập tức phải sám hối ngay! Lại nữa, mỗi sáng thức dậy, hãy tưởng nhớ tới chư Phật, cảm nhận sâu xa đến lòng đại từ, đại bi của các Ngài nên niệm quy y và nếu có thể thì nên lễ lạy đủ 21 lần, quán tưởng rằng mình đang phân thân lễ bái hàng hà sa chư Phật ở mười phương. Sau đó, ngồi xếp bằng, *để tâm thật thanh thản, không vướng bận lăng xăng*, rồi ngồi *chỉ việc đếm hơi thở. Năm giữ lấy nó. Đếm từ một đến mười rồi lại đếm trở lại*. Ban đầu chỉ ngồi khoảng năm phút, sau tăng dần lên. Thầy chỉ cần con làm như thế thôi. Khi nào thuần thục rồi thầy sẽ chỉ con thêm bước nữa. Con có làm được những điều đó không?

Chị ngước lên nhìn thầy, ngập ngừng:

- Thưa thầy con sẽ cố...

Mới nghe qua, chị cho đó là một phương pháp dễ quá chừng chừng. Chị vui mừng khôn siết. Chị lễ thầy rồi vội vã ra về.

Trên đường về. Chị lại khởi tâm *vọng niệm*. Lại thắc mắc! Lại nghi tình! Ủa, hông lẽ lẽ Phật mười phương mỗi ngày và ngồi đếm hơi thở chút xíu mà sao không thấy thầy nhắc tới cái Tâm Bồ Đề chớ? Mô Phật! (Chị lấy tay đập tía lia lên trán...) Thôi... thôi... Hông có thắc mắc lời thôi nữa. Thầy dạy sao, làm y thinh vậy. Chừng tới khi thuần thục ba cái vụ này thì thầy sẽ chỉ mình cái khác, nhiều khi *những cái-khác* đó nó là con đường cho mình có được Bồ Đề Tâm không chừng. Chị khởi tâm rất vui mừng và nhoèn miệng cười:

- Mô Phật! Người xưa nói quả không sai: *Không thầy đố mày làm nên á...*

Đi, có khi, chỉ vì một điều rất giản dị, rằng, mình không thể ở lại. Đi như thế, ngay từ bước chân đầu tiên, đã phiêu bồng!

... Đi, có khi, chỉ vì không thể đứng ngậy, nhìn. Nhìn cuộc đời vẫn cứ trôi lững đặng, như mây, như mưa. Những hạt mưa nặng, nhẹ, tấp dạt trên đôi bờ cuộc sống lờ, bời. Niềm vui hao hụt, nỗi buồn tích lũy, lớn mau.

... Đi, có khi, vì muốn quay về một nơi nào đã hẹn, trong tiềm thức nhỏ nhoi của những giấc mơ chắp, rời, huyền hoặc những bàn tay người tình, vuột mất, mà lòng thì vẫn muốn giữ lại, những điều không bao giờ thật.

... Đi, có khi, chỉ là ảo giác của một gã điên bước loanh quanh trên hè phố. Nhìn thiên hạ cũng đảo điên bằng nụ cười thay cho nước mắt, và tiếng khóc là niềm hạnh phúc mong manh, dấu kín giữa lòng ngực thoi thóp.

... Đi, có khi, chỉ là ảo giác, bởi đôi chân đã khuyụ, lòng đã chùng từ rất lâu. Đi như thế, là phiêu hốt bênh bồng...

Hôm nay ngồi nghe ngao hát, có bao giờ nghĩ là mình vừa đến đây, bằng đôi chân đã mỏi, và lòng thôi hết những tâm toan...

Đi như thế, là mong bước ra khỏi cuộc chơi tàn bạo khốc liệt, người vẫn làm khổ nhau, trong tình yêu!

Và như thế, ta cũng đang đau em ạ, cơn đau giết ta lùi về với từng kỷ niệm, không ở at nhưng đủ xiết dần mỗi sát na teo tóp lại...

Cuối đường, ta chợt thấy bóng đêm sừng sừng...

Mặc cốc 06/08/2010

CÂY VÀ LÁ

*Lá có nghe cành cây phơ phất vậy?
Gọi lá vàng về lại với cành tro?
Lá có hay lạnh buốt nỗi mong chờ?
Lá có biết cây đang ôm niềm nhớ?*

*Cây có thấu một nỗi niềm muôn thuở?
Bởi vì đâu chiếc lá vội xa cành?
Cây có hiểu cho phận lá mong manh?
Phải sống kiếp vô thường đầy lệ lụy?*

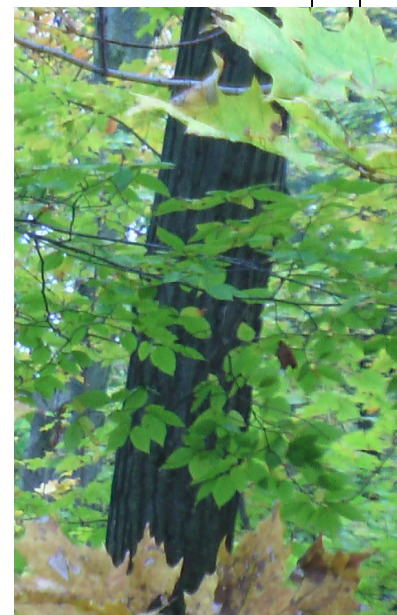
*Cây và lá đẹp duyên từ vô thi
Và muôn đời muôn kiếp thuở vô chung
Lại bên nhau trong duyên khởi trùng trùng
Cùng soi bóng dưới khuôn trăng bất biệt.*

CÓ?

*Có hạt tuyết nào không tan?
Trên đôi bàn tay thật ấm
Có những hạt mầm tình yêu
Trổ hoa hạnh phúc quanh năm*

*Có một mùa Xuân bất tuyệt
Có một hạnh phúc vô biên
Có một tình yêu vĩnh cửu
Giữa cõi đời phù du?*

Mỹ Huyền



Lịch Trình Triển Lãm Phật Ngọc năm 2010 & 2011

2010

25 June - 18 July 2010

Tu Viên Tuồng Vạn

2101 James Madison Hwy
Haymarket, Virginia, USA
Contact: Sister Thanh Lieu +1 571 261 2408

24 July - 1 August 2010

Truc Lam Monastery

11328 - 97 Street
Edmonton, Alberta, Canada
Contact: Reverend Thich Phap Hoa
+1 780 471 1093

6 - 15 August 2010

Hoa Nghiem Pagoda

8708 Royal Oak Avenue
Burnaby, British Columbia, Canada
Contact: Ven. Thich Nguyen Thao, +
1 604 435 8486

21 - 29 August 2010

Co Lam Temple

3503 S. Graham St
Seattle, Washington, USA
Contact: Most Ven. Thich Nguyen An
+1 206 723 4741

02 - 12 September 2010

Ngoc Son Tinh Xa Buddhist Association

8318 SE Harry Street
Portland, Oregon, USA
Contact: Tony Hua

17 - 29 September 2010

Vietnamese Bhikkhuni Buddhist Congregation

TINH XA NGOC HOA
766 S. Second Street
San Jose, California, USA
Contact: 408 295 2436
(Vietnamese), 408 507 2363
(English)

22 - 31 October 2010

Bat Nha Buddhist Temple

803 S. Sullivan St.
Santa Ana, California, USA
Contact: Most Ven. Thich Nguyen Tri
+1 714 571 0473

05 - 15 November 2010

Mắt Thương Nhìn Đời, Compassionate Eyes Inc.

7641 Talbert Ave
Huntington Beach, California, USA
Contact: Kathy Chon Tinh Dieu +1
714 600 8854

27 November - 5 December 2010

Chan Khong Monastery

1105 Hind Iuka Drive Honolulu, Hawaii, USA
Contact: Ven. Abbot Thich Thong Hai + 1 808 373-4608

23 December 2010 - 2 January 2011

Phat To Temple (Gotama Temple)

905 Orange Avenue, Long Beach, California, USA
Contact: Ven. Thich Thien Long +1 562 599-5100

2011

04 - 09 January 2011

LA Convention Centre

14 - 23 Jan 2011

Minh Dang Quang

3010 W. Harvard Street
Santa Ana, CA 92704, USA

12-22 February 2011

Phat Da Temple

715 Vista Ave
Escondido, CA 92026. USA
Tel: 1. 619 283 7655 ; 760 739 8063
Contact: Senior Venerable Thich
Nguyên Siêu

19-28 February 2011

An Lac Mission

901 S. Saticoy Avenue, Ventura, California, USA
Contact: Ven. Abbot Thich Thong Hai

5-13 March 2011

Nhu Lai Meditation

2421 West Glenrosa Ave, Phoenix, Arizona, USA
Contact: Ven. Abbot Thich Minh Hoi

19-27 March 2011

Kim Cang pagoda

4771 Browns Mill Rd, Lithonia Georgia, USA
Contact: Ven. Abbot Thich Hanh Dat

2-10 April 2011

Vietnamese Buddhist Association of Savannah / Cat-Tuong Temple

2619 US Highway 80, Garden City, Georgia, USA

12 - 19 April 2011

Phap Hoa Temple

4706 N. Arkansas Avenue, Wichita, KS 67204, USA

20-30 April 2011

Truc Lam Buddhist Temple

1521 W. Wilson Avenue, Chicago, Illinois, USA
Contact: Ven. Abbot Thich Hanh Tuan

2 - 8 May 2011

Minh Dang Quang Meditation

208 S. Allentown Rd, Telford, PA 18969, USA

04-12 June 2011

Phật Huệ Temple

Hanauer Landstrasse 443 - 60314, Frankfurt am Main, Germany
Contact: Ven Thich Thien Son +49 694 844 980

18-26 June 2011

Vien Giac Temple

Karlsruher Strasse 6, Hannover, Germany
Contact: Most Ven. Thich Nhu Dien & Ven Thich Hanh Gioi, +49 051 187 9630

02-10 July 2011

Linh Thuu Nun Temple

Heidereuter Str. 30
13597 Berlin, Germany
Tel: 0049-303-6711287; 0049-303-6711287

16-24 July 2011

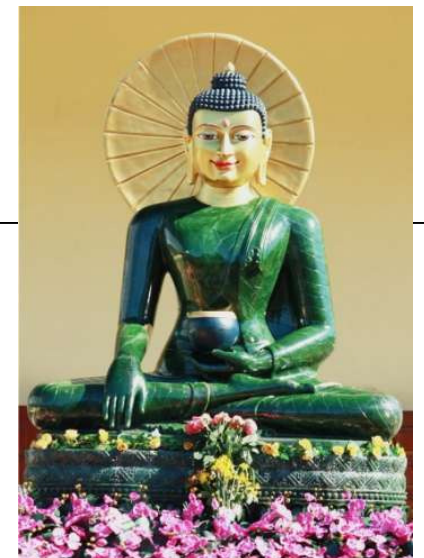
Lien Tri Nun Temple

Kamenzer Str. 1
04347 Leipzig
Munich, Germany
Tel: 0049-3412-346230 0049-3412-346230

30 July - 7 August 2011

Tu Dam Temple, Midland Buddhist Association

34 Holyhead Rd. Handsworth, Birmingham, United Kingdom
Contact: Senior Ven. Thich Phuoc Hue +44 12 1551 8614



Thơ

BẠCH XUÂN PHÉ

Tuyết Núi Tan (Nụ Sen Âm Thầm)

*như buông xả
hay bỏ đi sự kiểm soát
mình không còn đông lạnh trong thời gian
niềm vui được sẽ trở lại
như trầm lắng của thiên nhiên
tuyết núi tan
hồi sinh
mùa xuân trong dòng chảy
vĩnh cửu
không đến và đi
ở đó chỉ là tình yêu muôn thuở
và trong im lặng
hiện hữu sự bắt đầu*



Melting Mountain Snow (Silent Lotus)

*as you let go of control
and are no longer
frozen in time
the joy of being
will return like the serenity of nature
melting mountain snow
to be once again
in the spring
of the eternal
flow
for
forever
frets not
to and from
as it is only love it knows
and in your silence
it is there
where you will
go*

(Source: unknown)

Các câu chuyện ám hại Đức Phật

Hoang Phong

Văn hóa, phong tục, tập quán, thể chế xã hội..., tất cả đều biến đổi với thời gian. Theo dòng biến động và đổi thay của lịch sử, nhiều tôn giáo trở nên lỗi thời và một số quan niệm về đạo đức cũng thay đổi hoặc không còn giữ được giá trị như trước nữa. Tuy nhiên dường như vẫn có một thứ gì đó còn dai dẳng và không biến đổi, phải chăng đây là cái "bản năng" của con người?

Bài viết dưới đây tóm lược lại hai câu chuyện được ghi chép trong kinh sách, tả lại những cảnh ganh tị, hận thù, tham vọng,... đã xảy ra khi Đức Phật còn tại thế. Câu chuyện thứ nhất thuật lại một người phụ nữ tên là Cinca đã vu khống những điều nhơ nhớp cho Đức Phật. Câu chuyện thứ hai liên quan đến một người trong Tăng đoàn, là người em họ của Đức Phật tên là Đề-bà Đạt-đa, đã nhiều lần mưu toan ám hại Đức Phật. Mặc dầu các câu chuyện trên đây đã xảy ra cách nay hơn 25 thế kỷ nhưng ngày nay những cảnh tương tự vẫn có thể tiếp tục xảy ra để làm phương hại cho Đạo Pháp, vì cái "bản năng" sâu kín của con người và cái "bản chất" căn bản của tập thể xã hội từ nghìn xưa đến nay dường như vẫn không thấy biến đổi nhiều.

Câu chuyện thứ nhất

Một hôm Đức Phật đang tịnh dưỡng tại hang Kỳ Thọ (Jetavana) nơi vườn Cấp Cô Độc gần thành Xá Vệ (Sravasti) thì được sáu vị thầy của các tín ngưỡng khác mời tham gia vào một cuộc tranh luận công khai trước công chúng. Sáu vị thầy này đại diện cho các tín ngưỡng kinh chống với Phật giáo thời bấy giờ. Các vị ấy đều là những "vị lớn tuổi, thông thái và đáng kính". Nhà vua Ba-tư-nặc (Prasenajit) của xứ Kiêu-tát-la (Kosala) đích thân đứng ra làm trọng tài. Cuộc tranh luận được tổ chức tại một địa điểm trung lập nằm trên một trục lộ nổi liền một tịnh xá (arama) của các tỷ kheo và kinh đô Xá Vệ, địa điểm này không trực thuộc vào địa giới của một tín ngưỡng nào cả.

Cũng xin được giải thích thêm là vấn đề tranh luận vào thời bấy giờ là một việc rất tự nhiên và phổ biến. Sự tranh luận được xem như một hình thức "dân chủ" của thời bấy giờ. Trong tăng đoàn cũng như ngoài thế tục, mọi quyết định quan trọng đều được mang ra bàn thảo. Không có việc bỏ phiếu hay đưa tay để lấy quyết định dựa trên đa số như ngày nay mà tất cả đều được căn cứ trên sự thuyết phục. Sự tranh biện tiếp tục kéo dài cho đến khi nào không còn ai thắc mắc và đưa tay lên hỏi thì mới thôi, có lẽ là vì ngày xưa con người có nhiều thì giờ để sống hơn chăng? Nhiều cuộc tranh biện về giáo lý kéo dài hàng nhiều năm đã từng xảy ra ở đại học Na-lan-đà. Các tỷ kheo trong tăng đoàn đều ngang hàng với nhau không phân biệt cấp

bậc và tuổi tác, tất cả đều ngồi xuống với nhau để thảo luận mà không ai được xem là thuộc thành phần "lãnh đạo" để áp đặt quan điểm của mình. Trên phương diện chính trị cũng thế, hoàng triều và đại diện các thành phần dân chúng cũng đều tranh luận với nhau để lấy quyết định chung. Vì lý do đó mà các học giả Tây phương thường gọi các vương quốc trong thung lũng sông Hằng thời bấy giờ là các nước theo thể chế "cộng hòa".

Xin trở lại câu chuyện trên đây. Trong buổi tranh luận giữa Đức Phật và sáu vị thầy khác, có rất nhiều dân chúng trong vùng và từ kinh đô Xá Vệ kéo đến tham dự. Đức Phật và sáu vị thầy thay nhau thuyết giảng, tuy nhiên chỉ có Đức Phật là nổi bật nhất và chinh phục được tất cả mọi người. Các vị thầy của sáu tín ngưỡng kia hầu như không thuyết phục được một ai cả. Dân chúng đến nghe đều hân hoan và nhận thấy Đức Phật thật Siêu việt và Sáng suốt, còn sáu vị thầy kia thì chẳng có gì xứng đáng để có thể sánh với Đức Phật.

Những ngày sau đó khi sáu vị thầy kia đi khắp thực thì dân chúng thành Xá Vệ không cúng dường cho vị nào cả. Sáu vị thầy bực tức lắm và biện minh với dân chúng rằng: "Không phải chỉ có Sa môn Cồ-đàm là người duy nhất "Sáng suốt" mà họ cũng là những người "Sáng suốt", cúng dường cho họ thì cũng sẽ gặp hái được những điều xứng đáng". Họ ganh tị trước "sự thành công và vinh dự" của Đức Phật và không còn nghĩ đến việc sử dụng các "khí giới bằng đầu lưỡi" nữa mà chỉ muốn ám hại Đấng Thế Tôn. Họ nghĩ kế trả thù và nhờ một phụ nữ tên là Cinca tìm cách phao vu Đức Phật.

Trong khi Đức Phật ngụ tại động Kỳ Thọ nơi vườn Cấp Cô Độc thì mỗi ngày người thế tục đều rủ nhau rất đông từ kinh đô Xá-Vệ đến viếng, chiều tối thì họ lại quay về. Một hôm trên đường họ gặp một người phụ nữ đẹp tuyệt trần, trang điểm thật lộng lẫy, với tất cả sự "khéo léo của một người đàn bà". Người phụ nữ này lại mặc một chiếc áo màu đỏ rực đập vào mắt mọi người. Các vị ưu-bà-tắc (cư sĩ tại gia) đều lấy làm lạ khi thấy nàng ta đi về hướng tịnh xá của Đức Phật...

Mỗi sáng khi trời vừa hừng đông thì dân chúng từ thành phố kéo nhau đến động Kỳ Thọ để viếng Đấng Thế Tôn, và sáng nào họ cũng thấy người phụ nữ xinh đẹp ấy đi ngược với họ để trở về thành Xá Vệ... Thế rồi những người hành hương cũng quen dần với hình ảnh cô ta đi ngược chiều với họ trên con đường dẫn đến tịnh xá của Đức Phật, và họ còn biết thêm là tên của người phụ nữ này là Cinca... Vài người tò mò gọi thẳng người phụ nữ và hỏi xem tại sao lại cứ lảng vảng nơi Đức Phật tịnh dưỡng, và cứ mỗi lần có ai hỏi như thế thì người phụ nữ chỉ cười tủm tỉm mà trả lời rằng: "Tôi ở lại hang Kỳ Thọ ngủ với Sa môn Cồ-đàm".

Khoảng tám đến chín tháng sau, trong một buổi thuyết giảng của Đức Phật nơi vườn Cấp Cô Độc người ta để ý thấy người phụ nữ ấy đến tham dự. Trong lúc Đức Phật đang thuyết giảng thì người phụ nữ này ngắt lời và nói to lên cho mọi người nghe là mình đang mang thai với Đức Phật và bị Đức Phật bỏ rơi khi ngày sinh nở đã gần kề. Đấng Thế Tôn vẫn thản nhiên và thanh thản. Một sự im lặng nặng nề bao trùm, và thật lạ lùng hình như có một phép lạ xảy ra làm cho sự gian trá bị lộ tẩy. Có một người đứng gần người phụ nữ Cinca bỗng hét to lên rằng: "Trông kia, Cinca dấu trong áo nơi bụng một cái thỏ (tỏ) bằng gỗ thật to và cái thỏ vừa rơi xuống đất!". Bị lộ tẩy, cô nàng hổ thẹn bỏ chạy, và mọi người nhỏ nước bọt khinh bỉ nhìn theo.

Câu chuyện thứ hai

Kinh sách còn ghi chép một vài câu chuyện vu khống khác nữa, tuy nhiên tất cả đều mang khá nhiều thêm thắt, và chính câu chuyện vừa kể trên đây cũng đã được loại bớt nhiều chi tiết mang tính cách huyền thoại. Trái lại câu chuyện dưới đây mang nhiều tính cách lịch sử hơn. Câu chuyện liên hệ đến một vị tỷ kheo rất cực đoan và tham vọng tên là Đề-bà Đạt-đa.

Theo một số tư liệu thì Đề-bà Đạt-đa là con của một người cậu của Đức Phật, tức là em trai của mẹ Đức Phật tên là Bandaka Suppabuddha và người vợ thì tên là Amita. Một tư liệu khác lại cho rằng Đề-bà Đạt-đa là con một người chú thuộc bên họ cha của Đức Phật tên là Amitodana và Đề-bà Đạt-đa là anh em khác mẹ với A-nan-đà (Ananda). Dầu sao thì Đức Phật và Đề-bà Đạt-đa trên phương diện họ hàng cũng rất gần nhau.

Sau gần bốn mươi năm đi thuyết giảng khắp nơi, dân chúng trong thung lũng sông Hằng đều nghe danh và biết đến uy tín của Đức Phật và tất cả đều một mực kính nể Ngài. Tăng đoàn đông đảo và được thành lập khắp nơi. Tuy nhiên và cũng thật đáng tiếc là sự tranh dành quyền lực đã bắt đầu xuất hiện bên cạnh Đức Phật ngay trong vòng Tăng đoàn. Kinh sách cho biết lúc ấy Đấng Thế Tôn đã bày mười hai tuổi, một số kinh sách khác thì cho rằng Ngài đã bày mười lăm và đã bắt đầu già yếu nhiều. Thật ra thì Đề-bà Đạt-đa đã không chờ đến lúc Tăng đoàn lớn mạnh và Giáo lý được

quảng bá khắp nơi mới biểu lộ tham vọng của mình, vì ngay từ lúc thiếu thời Đề-bà Đạt-đa lúc nào cũng ganh tị và hiềm khích với Đấng Thế Tôn. Đấng Thế Tôn bước vào tuổi già yếu là dịp mà Đề-bà Đạt-đa kiên nhẫn chờ đợi từ lâu. Đó là cơ hội để Đề-bà Đạt-đa dựa vào vị thế họ hàng để nhay ra nắm lấy Tăng đoàn và kế vị Đấng Thế Tôn.

Trước hết Đề-bà Đạt-đa tìm cách kết thân với hoàng tử kế nghiệp của xứ Ma-kiệt-đà là A-xà-thế (Ajatasatru), tức là con trai của vua Tần-bà-sa-la. Kinh sách ghi chép rằng lúc Tần-bà-sa-la còn trẻ và dốc lòng kính trọng Đức Phật thì "Kẻ thù (tức là A-xà-thế) chưa sinh ra đời". Đề-bà Đạt-đa đã xúi dục A-xà-thế cướp ngôi báu mà không cần phải chờ đến khi vua cha qua đời. A-xà-thế nghe lời bèn bắt cha nhốt vào ngục và chiếm lấy ngôi vua. A-xà-thế cố tình để cho cha chết đói trong ngục, nhưng đồng thời lại rất hào phóng với Đề-bà Đạt-đa và cả nhóm tỷ kheo ủng hộ. Quần thần lúc bấy giờ thì chỉ biết nhìn xem gió thổi chiều nào thì ngã theo chiều đó...

Sau khi loại được Tần-bà-sa-la tức là người bảo hộ thật nhiệt tình của Đấng Thế Tôn thì Đề-bà Đạt-đa tìm cách thống lãnh Tăng đoàn. Lợi dụng một buổi đại hội, Đề-bà Đạt-đa bắt thần tuyên bố trước Tăng đoàn là Đức Phật đã già yếu và mình sẵn sàng đứng ra thay thế Đấng Thế Tôn trong việc hướng dẫn Tăng đoàn. Đức Phật khẳng định là đề nghị của Đề-bà Đạt-đa không thể chấp nhận được và tất cả Tăng đoàn cũng nhất loạt tán đồng quan điểm ấy. Đề-bà Đạt-đa bèn lên cúi đầu lảng lạng rời bỏ phòng họp. Kinh sách cho biết là Đề-bà Đạt-đa "cảm thấy bị bẻ mặt và tức giận lắm".

Đề-bà Đạt-đa vẫn không từ bỏ tham vọng và nghĩ rằng nếu muốn nắm lấy quyền hành thì chỉ còn cách là giết Đức Phật mà thôi. Hắn ta liền thuyết phục vị vua trẻ tuổi A-xà-thế giao cho mình một đội xạ thủ thiện nghệ để phục kích mà giết Đức Phật. A-xà-thế nghe theo, nhưng đứng vào lúc các xạ thủ phải dương cung để nhắm tên thì tay chân họ bủn rủn và không kéo dây cung được... Trước hiện tượng kỳ lạ đó, tất cả đội xạ thủ bỗng nhiên cảm thấy kính phục Đức Phật vô cùng và tất cả đều xin theo về với Ngài.



Sau thất bại đó, Đề-bà Đạt-đa nghĩ rằng phải tự mình ra tay hành động mới được. Một hôm Đức Phật đang ngồi thiền định trên đỉnh Linh Thú thì Đề-bà Đạt-đa nấp trên một triền dốc cao rồi bắt thần xô một tảng đá lớn xuống chỗ Đức Phật đang ngồi. Tảng đá nhảy chồm và lần theo triền dốc nhưng khi gần đến Đức Phật thì lại lẩn tránh sang một bên và chỉ làm cho Đức Phật bị thương ở chân. Tối hôm đó tại tịnh xá trong khi Anan-đa sẵn sóc và băng bó vết thương cho Đức Phật thì các đệ tử khác vô cùng lo lắng, họ nối đuôi vừa đi chung quanh nơi Đức Phật đang nằm vừa tụng niệm. Thấy thế Đức Thế Tôn bèn khuyên họ rằng:

- "Này các tỳ kheo, không có ai có thể dùng bạo lực để cướp đoạt sự sống của Như Lai được. Khi chư Phật vĩnh viễn nhập vào niết bàn thì nhất định đây không phải là do bạo lực của bất cứ một người nào cả. Này các tỳ kheo, hãy trở về nơi nghỉ ngơi của mình, Như Lai không cần đến sự che chở của ai cả" (Kinh Cullavaga, 7).

Sau đó Đề-bà Đạt-đa lại nghĩ ra một mưu kế khác. Vào một buổi sáng tinh sương khi Đức Phật đang đi khất thực thì Đề-bà Đạt-đa âm mưu với các người quản tượng làm sống chuông thả cho con voi điên tên là Nalagiri chạy ra phố vào đúng lúc Đức Phật sắp đi đến. Tất cả mọi người trông thấy con voi đều hoảng sợ, kêu rú lên và tháo chạy tán loạn, họ tìm chỗ ẩn nấp trong nhà để nhìn ra. Con voi điên thoáng thấy có bóng người thì xông lên, nhưng khi đến gần và trông thấy Đức Phật trước mặt thì voi bỗng nhiên trở nên hiền lành một cách lạ thường. Con voi quý hai chân trước xuống dùng đầu và vòi vãi lạy Đức Phật, "sau đó lại lấy vòi hút hết bụi đất dưới chân Đức Phật và thổi ngược lên đầu của mình. Một lúc sau thì voi đứng lên và đi giật lùi cho đến lúc hình bóng Đức Phật mất hút từ xa" (Kinh Cullavaga, 7), và sau đó mới quay đầu về chuông. Dân chúng thành Vương Xá ai cũng biết đây là âm mưu của Đề-bà Đạt-đa và khi thấy Đề-bà Đạt-đa đi khất thực thì không ai cúng dường nữa.

Mặc dầu bị thất bại liên tiếp nhưng Đề-bà Đạt-đa chưa chịu thua vì trong Tăng đoàn vẫn còn một số tỳ kheo trung thành và ủng hộ Đề-bà Đạt-đa. Dựa vào số tỳ kheo này Đề-bà Đạt-đa đứng ra thành lập một chi phái riêng chủ trương một số nguyên tắc thật cực đoan và bảo thủ, đi ngược lại với đường lối nhu hòa của Đức Phật. Chi phái do Đề-bà Đạt-đa thiết lập đưa ra năm quy luật như sau : phải sống trong rừng (không được trú ngụ nơi tịnh xá), nếu có người thể tục mời ăn thì không được nhận lời (chỉ ăn thực phẩm khất thực), không được mặc quần áo cúng dường (phải ăn mặc bằng giẻ rách nhặt được), không được nằm ngủ dưới một mái hiên (chỉ được phép ngủ dưới gốc cây), phải ăn toàn chay (tuyệt đối không được ăn thịt, cá). Chủ đích của Đề-bà Đạt-đa là ép buộc các tỳ kheo phải quay về với lối sống khổ hạnh của thời bấy giờ. Thật sự ra thì trong tâm tâm Đề-bà Đạt-đa khi chủ trương các quy luật thật khắt khe này là cố tình để Đấng Thế Tôn bác bỏ và nhân đây sẽ đổ lỗi cho

Đấng Thế Tôn để lấy lý do thành lập một Tăng đoàn ly khai. Quả đúng như thế, khi Đề-bà Đạt-đa nêu lên thỉnh cầu trên đây thì Đức Phật không chấp nhận, viện dẫn rằng các quy luật ấy không thích hợp với sự sinh hoạt của Tăng đoàn.

Đề-bà Đạt-đa vin vào lời tuyên bố đó để phao truyền khắp nơi là "vị khổ hạnh Cồ-đàm là người quá đỗi khoan hòa, nhu nhược...", và Đề-bà Đạt-đa không còn xem "vị khổ hạnh Cồ-đàm" là Thầy của mình nữa. Mặt khác thì Đề-bà Đạt-đa khuyến dụ và lôi kéo được năm trăm tỳ kheo trẻ vừa mới xuất gia tại thành Xá Vệ theo về với mình. Theo một số truyền thuyết thì trong số năm trăm vị tỳ kheo trên đây có một số là các tỳ kheo ni. Đề-bà Đạt-đa và các đệ tử trẻ kéo về trú ngụ tại Tượng đầu sơn (Gayasisa) gần thành Vương Xá. **Biến cố này đánh dấu lần đầu tiên hiện trạng chia rẽ trong Tăng đoàn và sự thành lập một chi phái mới ngay trong thời kỳ Đức Phật còn tại thế.** Cũng xin nhắc thêm là trong tập nhật ký ("*Đại Đường Tây vực ký*") ghi chép lại những sự kiện tai nghe mắt thấy trên đường thỉnh kinh và tu học vào thế kỷ thứ VII, ngài Huyền Trang cho biết đã từng gặp một số nhà sư môn đồ của Đề-bà Đạt-đa tại ít nhất ba ngôi chùa thuộc vùng tây bắc Ấn (tiểu bang Bengale ngày nay). Điều đó là một bằng chứng cho thấy chi phái của Đề-bà Đạt-đa vẫn còn tồn tại ít nhất cho đến thế kỷ thứ VII, tức tổng cộng hơn một ngàn hai trăm năm. Nói chung thì các học giả Tây phương xem quyển nhật ký của ngài Huyền Trang là một sử liệu vô cùng quý giá giúp thêm vào việc tìm hiểu về các vấn đề xã hội, văn hóa và sự phát triển của Phật giáo nói riêng trong toàn vùng cận đông và bán lục địa Ấn độ vào thời bấy giờ. Họ rất nể phục khía cạnh tỉ mỉ, chính xác và khoa học qua những lời ghi chép và mô tả của ngài Huyền Trang.

Sau khi Đề-bà Đạt-đa dẫn đoàn tùy tùng rời bỏ Tăng đoàn và trú ngụ ở Tượng đầu sơn thì hai đệ tử thân cận của Đức Phật là Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên xin phép Đức Phật đến gặp Đề-bà Đạt-đa. Khi Đề-bà Đạt-đa thấy hai đệ tử lớn của Đức Phật đến thì cứ ngỡ là họ theo về với mình nên rất hể hả và không quan tâm gì. Về phía hai vị đệ tử thì sau khi trông thấy thái độ của Đề-bà Đạt-đa liền hiểu ngay là không thể nào khuyến bảo hay giải thích gì được nữa. Đêm hôm đó sau khi Đề-bà Đạt-đa rút lui để nghỉ ngơi thì Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên bèn lợi dụng lúc đó để giải thích mọi sự cho năm trăm tỳ kheo trẻ khiến họ tỉnh ngộ và ngay trong đêm hôm đó tất cả cùng đi theo Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên trở về bên cạnh Đấng Thế Tôn.

Lời kết

Hai câu chuyện trên đây tương trưng cho hai sức mạnh phá hoại Đạo Pháp, một bắt nguồn từ vô minh của các đạo giáo và thế tục bên ngoài và một phát sinh từ những tham vọng của Tăng đoàn bên trong. Sáu vị thầy thuộc sáu tín ngưỡng khác nhau không đủ sức đương đầu với Đấng Thế Tôn trên phương diện giáo lý đã phải nhờ tay một người phụ nữ để vu khống. Đề-bà Đạt-đa dựa vào vị thế họ hàng

để tranh dành quyền lực từ bên trong Tăng đoàn.

Nếu so sánh xã hội ngày nay với xã hội cổ đại khi Đức Phật còn tại thế thì nhất định ngày nay tiến bộ hơn nhiều, ít nhất là trên phương diện vật chất, tuy nhiên bản năng sâu kín nơi mỗi cá thể và bản chất của các tập thể con người thì vẫn còn nguyên, và vô minh vẫn tác động cùng khắp. Tham vọng, hận thù, bám víu, chiến tranh, tranh dành, mưu mô, hung dữ, xảo quyệt, lường gạt... thì cũng vẫn thế, hoặc giả còn có phần gia tăng hơn.

Nếu như ngày nay chúng ta có lật lại một vài trang kinh sách, ấy là để suy tư và nhất định không phải để kết án một ai cả, vì từ hơn 25 thế kỷ nay người phụ nữ Sinca và Đề-bà Đạt-đa đã từng bị Phật tử lên án không biết bao nhiêu lần. Thật vậy, người ta vẫn thường có thói quen phóng tâm ra bên ngoài để phân tích và tìm lỗi lầm của người khác, vì thế nếu chúng ta tiếp tục lên án người phụ nữ Sinca và Đề-bà Đạt-đa thì đây chỉ là một việc thừa. Đọc lại chuyện xưa là để tự nhìn lại chính mình và để tìm xem hình ảnh của người phụ nữ Sinca có tàng ẩn thâm sâu trong tâm thức của mình hay không ? Đề-bà Đạt-đa có đang ẩn nấp trong tâm thức để kích động và xúi dục mình hay không ?

Tu tập là phân tích từng hành động, ngôn từ và tư duy để kiểm soát xung động của bản năng sẵn sàng tác động và điều khiển chúng ta. Tu tập cũng có nghĩa là phải tự hỏi xem mình đang phục vụ cho chúng sinh hay là cho quyền lợi của cá nhân mình hay là cho tham vọng của một tập thể xã hội ? Dù là một tập thể nào cũng thế.

Để chấm dứt bài viết xin được ghép thêm dưới hình thức phụ lục một đoạn kinh ngắn trích từ *Luật Tạng*, mô tả lại cảnh Đức Phật thuần hóa con voi điên.

Phụ lục

"Vào lúc bấy giờ ở thành Vương Xá có một con voi rất hung dữ tên là Nalagiri đã từng giết hại nhiều người. Đề-bà Đạt-đa tìm đến khu nhốt con voi và nói với các người quản tượng rằng : "Ta là người quen biết với nhà vua và có nhiều thế lực, có thể cất nhắc cho những ai thuộc cấp bậc thấp. Ta sẽ nói với nhà vua cung cấp thực phẩm dồi dào hơn và tăng lương cho các người. Ta chỉ cần các người giúp cho ta một việc là khi nào thấy tỳ kheo Cồ-đàm đi khất thực ngang đây thì cứ thả con voi Nalagiri ra". Các người quản tượng đáp rằng : "Chúng tôi sẽ làm như thế".

Vào một buổi sáng tinh sương, như thường lệ Đấng Thế Tôn mặc áo cà-sa, khoác thêm áo ấm rồi ôm bình bát đi vào thành Vương Xá khất thực, theo sau là đoàn đệ tử. Khi Đức Phật đến gần khu chuồng voi thì các người quản tượng trông thấy và thả ngay con voi Nalagiri ra. Con voi trông thấy Đức Phật từ xa đang đi đến. Nó lồng lên, chạy thẳng đến chỗ Đức Phật, đưa vòi lên cao, hai tai và đuôi dựng đứng rồi xông vào Đấng Thế Tôn.

Trước đó khi vừa trông thấy con voi các tỳ kheo đã bảo với Đức Phật rằng : "Thưa Thế Tôn, con voi hung dữ Nalagira từng giết hai nhiều người đang sống ra trên đường cái. Xin Đấng Thế Tôn hãy quay lại !" Đấng Thế Tôn đáp lại như sau:

"Này các tỳ kheo, cứ đến gần đây với

Ta và chớ có sợ hãi, bạo lực không thể nào cướp đoạt được sự sống của một vị Phật hoàn hảo. Khi một vị Phật hoàn hảo vĩnh viễn nhập vào niết bàn, thì nhất định không phải bằng bạo lực của bất cứ ai.[...]"

Trong khi đó thì tất cả mọi người chung quanh đều lo sợ, họ nấp trong các dinh thự, trong nhà hay trong các túp lều để nhìn ra. Những người thiếu tự tin, những kẻ điên rồ và khinh thường thì đều nghĩ rằng : "Một bậc Ví Nhân oai nghi như thế lại sắp bị hại đến nơi !". Về phần những người có lòng tin tưởng vững chắc và thận trọng thì lại nghĩ : "Xem kia, một con vật mang ngà sẽ phải đối đầu với một bậc Ví Nhân mang ngà [tức là Đức Phật]!"

Thế rồi khi con voi xông đến, Đức Phật vụt tỏa rộng tấm lòng nhân từ và khoan dung của mình để ôm lấy nó. Con voi liền hạ vòi xuống tiến đến gần nơi Đức Phật đang đứng rồi dừng lại. Đức Phật bèn lấy tay vỗ nhẹ lên đầu con voi và nói với nó như sau:

"Này voi ạ, chớ có hành hung một Người mang ngà nhé,

bởi vì hành hung một Người mang ngà là một hành vi không tốt !

Sẽ chẳng có một nơi nào hạnh phúc đón chờ

bất cứ ai giết một Người mang ngà !

Vì kiên cố và liêu lĩnh những ai ngạo mạn sẽ chẳng bao giờ tìm thấy một chốn an vui.

Trái lại, con nên hành động như thế nào

để cho con tìm được một nơi hạnh phúc sau này".

Con voi Nalagiri liền lấy vòi hút bụi bặm dưới chân của Đức Phật và thổi ngược lên đầu mình, sau đó thì đi giật lùi cho đến lúc hình bóng Đức Phật mất hút từ xa. Lúc đó voi mới quay đầu đi về chuồng của mình. Như thế đó con voi được thuần hóa".

(Trích từ *Luật Tạng*, Kinh *Khandhaka*, *Cullavaga*, VII, dựa theo bản dịch tiếng Pháp của Philippe Cornu) Bures-Sur-Yvette, 06.06.10 **Hoang Phong**



Đi tìm nguồn thơ

Võ Quỳnh Uyển

(mến tặng cô Hải Lan)

Tôi nay về nhà mẹ, tôi bắt gặp phong bì thư để gửi từ tu viện Lộc Uyển. Gần hai năm trước đối địa chỉ mới, tôi mượn địa chỉ của mẹ vì không muốn mất những món quà tinh thần này. Bên trong phong bì là lá thư màu tím với dòng chữ lớn đập vào mắt " Mừng em mười tuổi", như một lá thư tình. Mỗi tình của tôi và Lộc Uyển âm thầm và chung thủy để đã mười năm trời.

Nhớ ngày ấy tôi là kẻ cùng tử lang thang đi tìm ...thơ. Phật pháp đối với tôi vừa huyền vi, thâm diệu, vừa xa vời, khó hiểu, vừa hấp dẫn tôi, lại vừa làm tôi e ngại. Tôi như một kẻ đi ngang qua Phật pháp, biết rằng nếu mình ghé lại nơi đó thì có thể tâm tư có nhiều bình yên hơn, nhất là kẻ đó lại có nhiều mảnh vụn trong trái tim. Tiếng gọi của thú đau thương tuy đầy cam đắng, gai góc nhưng nó mạnh mẽ lắm, lôi kéo không cho tôi đi về phía mặt trời. May mắn thay, tôi lại là kẻ yêu thơ. Nguồn cảm hứng thơ đó đã hướng dẫn những bước chân tôi đi vào thiền môn.

Đó là ngày mừng hai Tết năm Canh Thìn 2000, năm mở đầu của thiên niên kỷ mới. Ngôi chùa Vạn Hạnh khá yên tĩnh có tôn tượng Đức Quan Thế Âm lộ thiên quay ra đường chính lúc đó vẫn còn sớm nên chưa có ai đến lễ lạy. Tôi nhanh chân tranh thủ đến đó thấp hươu cầu nguyện. Trong khi chấp tay nhắm mắt, tôi cảm thấy có ai đó đang chạm vào người tôi. Lúc đó tôi cho rằng mình đang ảo giác nên cứ đứng yên nhắm mắt. Rồi có ai đó níu cánh tay tôi. Tôi quay phắt lại, và có lẽ lúc ấy ánh mắt nhìn của tôi không được dịu dàng cho lắm. Đó là một bà cụ đầu tóc bạc phơ, được dắt tay bởi một người phụ nữ. Chị nhìn tôi cười hiền từ xin lỗi. Nét mặt bà cụ ngây thơ như một đứa bé. Nhìn hai gương mặt ấy lòng tôi dịu lại ngay tức khắc.

- Xin lỗi em, bà cụ bị bệnh Alzheimer nên cụ không còn nhớ gì cả và cũng không ý thức được bà đang làm gì. Ngày trước bà cụ thờ Đức Quan Âm nên chị thường đưa bà đến chùa lễ Ngài, trông thấy hình tượng của Ngài với hi vọng mong bà sẽ nhớ lại.

Chị tự giới thiệu mình tên Hải Lan. Chúng tôi nói chuyện một hồi lâu, rồi chị hỏi tôi có thường đi chùa không, tôi trả lời rằng tôi chỉ đi chùa vào ngày Tết để tìm ý thơ thôi. Đột nhiên chị nói:

- Tháng tám năm nay, ở trường đại học UCSD có một khóa tu. Khóa tu này do Thiền sư Thích Nhất Hạnh và tăng đoàn của Thầy tổ chức giảng dạy, Uyển tới đó tham dự cho vui. Chúng mình ở chung cho có bạn.

Nghe nói đến đó tôi hơi phân vân chưa biết trả lời sao. Hình như đoán được suy nghĩ của tôi, chị nói thêm:

- Cứ dự thử khóa tu đi, Uyển sẽ học được cách làm cho cuộc sống của mình được an lạc, vui vẻ.

Rồi nhìn tôi một chặp, chị nói như đánh trúng tim đen của tôi:

- Thầy Nhất Hạnh viết văn làm thơ hay lắm đó...

Thế rồi mùa thu năm đó tôi tham dự khóa tu đầu tiên trong cuộc đời tại đại học UCSD do tăng đoàn Làng Mai tổ chức. Dường như tôi nghe âm vang ngày xưa của lời mời gọi này rất giục giã, nhưng có cái gì cản trở bước chân của tôi. Tôi sợ mình thất vọng. Ông

thầy đó theo Cộng Sản đó. Chùa đó là của Cộng Sản đó... tôi trở thành nô lệ của những tin đồn. Rồi buổi gặp gỡ đầu năm ấy cứ làm tôi thao thức. Tôi nhất định phải đích thân tới, phải bằng đôi tay của mình, con mắt của mình, cái mũi cái lưỡi của mình cầm lấy bóc vỏ trái quýt, người lấy mùi thơm của nó, nếm phải hương vị của nó chứ không chịu ngồi đó nghe người khác mô tả, kể lại rằng thì là trái quýt có hình dạng, vị chua giống như trái cam. Làm sao để biết được như thế nào là trái quýt nếu như chính bản thân mình không đích thân thấy và xúc chạm? Nếu nghe người khác tả lại bằng ngôn ngữ của họ, dưới cái thấy của họ, thì mình chỉ có thể hình dung ra trái quýt, nhưng đó không phải là cái biết về trái quýt.

Đầu tiên là tôi nhìn thấy dáng dấp thanh tao, nhẹ nhàng của các vị tăng, ni của tăng đoàn. Nụ cười của họ biểu hiện nội tâm an lạc. Đa số họ là những người trẻ tuổi. Họ tụng kinh rất hay và rất mới, chứ nghe không buồn ngủ như nghe ...cải lương. Tóm lại họ làm thành một đoàn thể xuất gia trẻ trung, tươi mát, sinh động nhưng đầy chất liệu của sự thành thoi, thoát tục. Điều thứ hai tôi bắt gặp ở đây toàn thơ là thơ. Thơ là thiền ngữ nhắc nhở thiền sinh, mà cũng là thi ngữ, không phải là thơ đơn thuần để chuyên chờ đạo, chỉ cần cho có vần có điệu cho dễ nhớ thôi đâu. Những bài thơ tôi đọc được vừa là thi phẩm, vừa là bài kệ, chẳng hạn như bài:

*Bụt là vàng trắng mát
Đi ngang trời thái không
Hồ tâm chúng sanh lặng
Trăng hiện bóng trong ngàn
Bài kệ thiền hành:
Ý về muôn vạn nẻo
Thiền lộ tâm an nhiên
Từng bước gió mát dậy
Từng bước nở hoa sen*

Bài kệ nghe chuông:
Nghe chuông thiền nào tan mây khói

*Ý lặng, thân an, miệng mỉm cười
Hơi thở nương chuông về chánh niệm
Vườn Tâm hoa Tuệ nở xinh tươi.*

Rồi bài thơ Tim Nhau được chính tác giả thiền sư đọc cho mọi người nghe. Lời thơ tha thiết cảm động đã lấy của tôi không biết bao nhiêu nước mắt:

*Con đã đi tìm Thế Tôn
Từ hồi còn ấu thơ
Con đã nghe tiếng gọi của Thế Tôn
Từ khi mới bắt đầu biết thơ
Con đã ruối rong
Vạn nẻo đời hiểm trở
Đã từng đau khắc khoải
Với trăm thương ngàn nhớ
Trên bước đường hành hương
...Con đã nhìn thấy Thế Tôn
Thế Tôn ngồi đó
Vững như núi Tu Di
Bình an như hơi thở
Thế Tôn ngồi đó
Như chưa bao giờ từng vắng mặt*

*Như chưa bao giờ trên thế gian
Đã từng có cơn bão lửa
Thế Tôn ngồi đó
Yên lặng và thành thoi...*

*Thế Tôn là tình yêu đầu
Thế Tôn là tình yêu tinh khôi
Nghĩa là không bao giờ
Sẽ cần tình yêu cuối
Người là dòng sông tâm linh
Tuy đã từng chảy qua
Hàng triệu kiếp luân hồi
Nhưng luôn luôn còn mới.*

Bài pháp tôi được nghe trong khóa tu đó là bài pháp về đề tài "vô thường, vô ngã và niết bàn". Bằng những lời lẽ rất giản dị, dễ hiểu, bằng hình ảnh rất gần gũi với đời sống hàng ngày, bằng cách lý giải dùng phương pháp khoa học, vị thiền sư đã giảng giải các từ ngữ Phật giáo này một cách rõ ràng. Trước đây tôi đã hiểu những từ này một cách mơ hồ, phiến diện, chỉ có nghĩa tiêu cực và ...dường như chẳng ăn nhập gì đến cuộc sống của tôi. Tôi còn nhớ, nhớ một đoạn trong bài giảng đó: vô thường, vô ngã không phải là những khái niệm, mà là những chìa khóa để có tuệ giác, để mở cánh cửa thực tại. Như khi chúng ta đốt lên một que diêm, thì ngọn lửa sẽ làm lóe sáng lên các ý niệm về vô thường và vô ngã, và sau đó chính ngọn lửa đó đốt cháy tan các chìa khóa này. Còn niết bàn là một thực tại không có các khái niệm như có, không (phi hữu, phi vô), đến, đi (vô khứ vô lai), sanh, diệt (bất sanh bất diệt), và một, khác (phi nhất phi dị). Những lời Thầy giảng đã đập tan sự lệch lạc trong sự ngộ nhận của tôi về những từ ngữ cơ bản của Phật giáo. Với tình thương lớn, Thầy đã nhắc đi nhắc lại rằng đó là những phương tiện dùng để quán chiếu, chứ không phải là thực tại, lại càng không phải là những ngôn từ để bám víu vào, để tranh biện. Bài pháp thoại ngày hôm đó như tiếng triều âm làm tôi chao đảo, như ánh dương rực rỡ xua tan lớp sương dày ngăn cách giữa tôi và đạo Phật. Thành thật mà nói, trong khóa tu đó tôi không học hỏi được gì nhiều về thiền tọa, thiền hành bởi lẽ tâm tư tôi bị chấn động mạnh mẽ. Tôi tự hỏi chính mình có phải chính nét đẹp của thi ca được lồng vào sự thiền tập kia đã làm cho tôi nghiêng ngã hay không hay là tiếng sét tâm linh này đã thực sự chạm vào da thịt tôi? Tôi tự cho mình rất nhiều cơ hội để trả lời câu hỏi này.

Trong tờ chương trình của khóa tu có dành ngày cuối cùng để viếng thăm tu viện Lộc Uyển. Tu viện Lộc Uyển? Tôi chưa hề nghe đến tên chùa này ở San Diego bao giờ. Và rồi cuối cùng tôi cũng đến được chùa Lộc Uyển chung với đoàn thiền sinh tham dự khóa tu chia nhau ngồi trên hơn 10 chiếc xe bus lớn. Đây mà được gọi là chùa hay sao? Nó ở tận trên núi cách xa nơi ồn ào thị tứ. Chỉ có con đường đất nhỏ xíu đầy bụi ngoằn ngoèo oằn mình chịu trận năm im cho đoàn xe người đến thăm viếng. Không có một

mái che trên đầu, chúng tôi chia nhau đi xung quanh và ngồi trên những tảng đá hoặc gốc cây có bóng mát. Chỉ có những cái kho như bị bỏ hoang trông tiêu điều lắm. Tôi tự hỏi tại sao ở một xứ giàu có và tân tiến bậc nhất hàng đầu thế giới mà vẫn có những người bỏ lại sau lưng thế giới của cái vật chất mà biết bao nhiêu người mơ ước để chọn một đời sống thiếu thốn ở một nơi vắng vẻ tiêu điều như vậy? Và tôi bắt đầu yêu mến tu viện Lộc Uyển từ đó.

Có một lần, sau khóa tu đầu tiên đó không bao lâu, tôi có dịp trở lại Lộc Uyển vào một buổi chiều hoàng hôn. Số là khi tôi ra sân bay để đón em gái tôi từ San Jose về chơi San Diego, tôi bắt gặp nó đi cùng với một sư chú, sư chú này tình cờ đi cùng chuyến bay với nó. Sư chú muốn về Lộc Uyển chơi vài ngày nhưng không biết đường đi. Đường từ sân bay về tu viện có khoảng một giờ lái xe. Thế là tôi tình nguyện đưa sư chú đến tu viện mặc dù tôi không chắc là mình có còn nhớ con đường nhỏ hẹp ngoằn ngoèo lên núi hay không. Chúng tôi bị lạc đường đến hai tiếng đồng hồ, từ bốn giờ đến sáu giờ chiều chúng tôi mới vào được nhà khách. Tuy lạc đường, em gái tôi lái xe vòng vòng, nhưng tôi thấy buổi chiều rất đẹp. Cây cỏ lặng mình êm đềm trong ánh sáng hoàng hôn nhạt dần. Bỗng nhiên tôi nghe có tiếng chuông. Tôi biết chắc rằng tiếng chuông kia không phát ra từ núi Đại Ấn Sơn nơi tu viện Lộc Uyển đang giấu mình, vì Lộc Uyển còn hoang sơ lắm, không có đại hồng chung! Tiếng chuông kia vang vọng trong tâm tôi, ngân lên từ xóm Lá, làng Vĩnh Diêm quê tôi, nấp sau lưng ngọn đồi trên đó có chùa Hải Đức. Nhớ những buổi chiều rằm trăng lên vắng vạc sau những hàng dừa, bụi tre cao tít tắp trên không trung, tiếng chuông từ trên ngọn đồi xa xa đổ vào không gian xưa từng âm thanh trầm hùng vang dội làm ngân nga âm hưởng đến tận buổi chiều hôm nay. Đó là cảm hứng thơ khi tôi làm bốn câu đầu của bài "Đến Lộc Uyển, Lạc Đường, Nghe Hoa Kinh":

*Loanh quanh ở chốn bụi hồng
Lạc đường trời đất gọi lòng gió mây
Núi non giục thả thơ bay
Hoa kinh rớt nhẹ chuông lay chiều vàng
Bao giờ mức ánh trăng tan
Vỡ trên sóng biếc thấy chàng mai sau
Bao giờ kết lưới ĐỂ CHÂU
Hoa xưa lấp lánh chiếu màu-mười-phương
Bao giờ hơi thở bình an
Mắt thương nhìn cuộc trăng tàn biển dâu
Bao giờ ta lại tìm nhau
Giở trang bồi điệp hong màu mắt mờ
Bao giờ lá rụng chân đời
Nhặt lên thấy lại nụ cười chân phương
Bao giờ gom hết yêu thương
Tình hoa tĩnh tọa ngát hương gọi mời
Bao giờ hoa cũng là người
Cánh quỳnh vui nở những lời sa di
Đường về là bước đường đi
Quay đầu thấy bến. Biển mê cõi nào?*





Tuy sống trong cùng quận hạt San Diego với Lộc Uyển nhưng tôi không có dịp đến đó vào mỗi cuối tuần khi có ngày quán niệm. Tôi không có điều kiện để về đó chia sẻ từng giọt mưa, hạt nắng với tu viện, chia nhau từng chén cơm cọng rau với các thầy các sư cô, nhưng tôi về đó ít nhất mỗi tháng chín để tham dự khóa tu hàng năm hay mỗi khi có Sư Ông Nhất Hạnh qua tổ chức an cư. Đã mười năm trôi qua, biết bao điều thay đổi. Con đường ngoằn ngoèo lên dốc bắt đầu sau khi qua khỏi cổng tu viện bây giờ đã được tráng nhựa, không còn con đường bụi đất và những ổ gà như những năm trước. Những bảng hiệu **"you have arrived"** **"đây là tịnh độ"** màu nền sơn trắng đã ngả vàng và nét chữ màu đen không còn sắc nét nữa vì mưa nắng và gió bụi, như một chàng thanh niên phong sương dạn dày kinh nghiệm. Càng trông cũ kỹ thì càng có bề dày thời gian, Lộc Uyển dường như trông chừng chặc trên mảnh đất hoang sơ năm nào. Thiền đường Thái Bình Dương sừng sững như một chứng tích về sự màu nhiệm về ý của tổ tiên người Việt và người Mỹ muốn đạo Phật cắm rễ tại nơi này. Nhưng đó chỉ là mặt mũi của Lộc Uyển. Đã có biết bao nhiêu bước chân đã vào ra thiền hành trên con đường này, từ những bước chân ban đầu chập chững tập đi có ý thức, hơi thở có ý thức và sự kết hợp giữa bước chân và hơi thở cho thành thực để trở thành những bước chân an lạc? Đã có bao nhiêu đôi mắt, bao nhiêu trái tim vào ra những cánh cửa rộng mở của thiền đường kia để nghe pháp thoại, để thực tập chuyển hóa không phân biệt màu da, ngôn ngữ? Đã bao nhiêu hạnh phúc và khổ đau đã đến và đã ra đi nơi này, khi Lộc Uyển như ngày hội lớn tập nập vào ra, khi lặng lẽ tịch mặc âm thầm cùng nắng gió. Vì chứng kiến sự đổi thay và trưởng thành của Lộc Uyển từ ngày ấy đến bây giờ, lòng tôi cảm thấy biết ơn Phật, chư Tổ, biết ơn tăng thân, cùng bạn đạo khắp năm châu và cảm ơn hạt giống lành mà tôi đã gieo xuống mảnh đất Phật pháp từ vô lượng kiếp!

Một ngày nọ ra vườn đột nhiên tôi thấy có một bụi cây ngô xanh non mơn mớn đứng lồ lộ trước mắt. Tôi chẳng hề gieo hạt, cũng chẳng thấy nó chỉ cách vài hôm. Hôm nay nó bỗng hiện diện ở đó, tôi cắt một cành vào bếp nêm canh, mùi hương thơm

ngát tỏa khắp nhà. Tôi ngâm so sánh bụi ngô này có hạt giống như hạt giống Phật pháp đã gieo vào A-lại-Gia thức từ bao nhiêu kiếp trước. Bỗng một hôm duyên lành đến, hạt giống được tắm gội nắng mưa, chỉ cần một trận mưa pháp thì hạt giống sẽ nảy chồi đâm lộc. Nghe được và thực hành Phật pháp, một hành giả sẽ chuyển hóa thân tâm và đời sống của mình và hoàn cảnh xung quanh, dâng hiến bao nhiêu nét đẹp và mùi hương cho đời và cho đạo. Đó là nhân duyên tôi làm bài thơ Hạt Giống:

*O' hay,
bụi ngô
ai gieo mà mọc?
ai trồng mà lớn?
thì ra em đã ẩn tàng trong tôi
khi mưa không gội
khi nắng không về
em chẳng hiện hành làm chi
ngoan, chẳng cần tôi đổ ngũ*

*những phiến lá non xanh
xòe lớn từng ngày
tặng đời mùi thơm trong bát canh
tỏa khắp nhà*

*sáng nay tôi chợt nhận ra em
lớn khôn vững chãi
theo tôi đi về
trưa tối
mỗi ngày
mỗi niềm vui*

Bài này tôi không chọn thơ có vần để diễn đạt. Tôi muốn chọn thể tự do và một vài từ trong duy thức học để biểu hiện sự bộc phát bất ngờ của hạt giống niềm vui ẩn tàng.

Có phải rằng đầu xuân năm 2000 trước tôn tượng đức Quan Âm, Ngài đã soi thấy tâm tư và thấu rõ căn cơ của tôi. Ngài đã dùng thơ để độ cho tôi hay nói khác hơn Ngài đã dùng phương tiện Phổ môn để dẫn dắt tôi vào thiền môn. Trong kinh Pháp Hoa có nói rằng nếu một người cần thân gì để được độ thoát thì Ngài sẽ thị hiện làm thân đó để độ cho người ấy. Đã tự lúc nào tôi không còn đi tìm nguồn thơ nữa. Thơ tự đến với tôi, bằng từ những gì gần gũi và đơn giản nhất của cuộc sống hàng ngày. Nguồn thơ đến từ chính sự sống luôn luôn chảy. Chỉ cần nhìn và tiếp xúc cho thật sâu sắc những gì đang xảy ra thì thể tính của cuộc sống vốn là một nguồn cảm hứng thơ bất tận.

Võ Quỳnh Uyển
Mira Mesa, San Diego tháng 5.2010

Đại Lễ Phật Đản P.L. 2554 tại Chùa Phật Bảo, thành phố Philadelphia, tiểu bang Penn- sylvania

Chùa Phật Bảo, trước đây là ngôi thánh đường của người Do Thái sinh hoạt. Sau nhiều năm không hoạt động được, đã rao bán. Với sự khao khát của Phật tử địa phương muốn có một nơi để tu học nên chúng con đã cùng nhau chung sức đóng góp tài chánh và đi mượn để có đủ tiền mua lại ngôi thánh đường này. Cũng trong niềm khao khát đó, được sự quan tâm và thương tưởng của nhị vị là Hòa thượng Thích Thái Siêu và Thượng tọa Nguyên Siêu đã đáp lại lời thỉnh cầu của hàng Phật tử, về hướng dẫn chúng con.

Ngôi thánh đường giờ đây đã được đổi tên thành Chùa Phật Bảo. Sau nhiều tháng sửa chữa, với sự nhiệt tâm của quý Phật tử địa phương, người góp công, kẻ góp của, đã chỉnh trang lại một số hạng mục. Mặc dù ngày Phật Đản đến gần mà công trình vẫn chưa được hoàn tất, hai ngài Thái Siêu và Nguyên Siêu vẫn quyết định tổ chức đại lễ Phật Đản tại Chùa để Phật tử địa phương có duyên lành kính mừng ngày sinh của Đức Từ Phụ.

Sáng mờ sương chúng tôi đến Chùa đã thấy phấp phới những lá cờ Phật Giáo tung bay trước sân Chùa. Cỏ cây hoa lá cũng như trở nên tươi tắn chào đón sự ra đời của Thái Tử Tất Đạt Đa, con vua Tịnh Phạn và Hoàng Hậu Ma Gia ở xứ Ca Tì La Vệ cách nay 2634 năm. Chim muông cũng cất tiếng hót líu lo vui mừng như nhắc lại cho nhân loại nhớ lại cách đây hơn 25 thế kỷ có một bậc Thầy vĩ đại ra đời.

Đúng 11 giờ sáng ngày 06.6.2010, chương trình đại lễ Phật Đản bắt đầu. Ban Nghi Lễ đã ra sân cỏ trước Chùa để cung thỉnh chư tôn đức Tăng Già quang lâm chánh điện cử hành đại lễ. Chư tăng đi giữa hai hàng nam nữ Phật tử trang nghiêm chấp tay và niệm hồng danh Phật. Sau khi nghi thức chào quốc kỳ - Phật kỳ, phút nhập từ bi quán chấm dứt là phần giới thiệu thành phần tham dự. Về chúng minh và tham dự đại lễ, có:

- Hòa thượng Thích Nguyên Lai
- Đền từ California
- Hòa thượng Thích Nguyên Trí
- Trụ trì Chùa Bát Nhã California
- Hòa thượng Thích Thái Siêu
- Trụ trì Chùa Phật Bảo
- Thượng tọa Thích Nguyên Siêu
- Phó Trụ trì Chùa Phật Bảo
- Thượng tọa Thích Minh Dung
- Trụ trì Chùa Quang Thiện, Ontario - California



- Thượng tọa Thích Nhật Trí - trụ trì Chùa Pháp Vũ, Florida
- T.T. Thích Hải Thông - trụ trì Chùa Phước Điền, New Hampshire
- Đại Đức Thái Không - trụ trì Chùa Tường Vân, New Jersey, New Hampshire
- Đ.Đ. Thích Khánh Quang- trụ trì Chùa Huyền Quang, Massachusetts
- Đ.Đ. Đồng Lực và Đ.Đ. Minh Đạt
- Chùa Phật Đà, San Diego, California.

Và đông đảo quý vị Phật tử tại thành phố Philadelphia cũng như các tiểu bang lân cận.

Sau phần chào mừng quan khách và quý Phật tử của Hòa thượng trụ trì là phần đọc Thông Bạch Đại Lễ Phật Đản 2554 của Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNTN Hoa Kỳ. Kế đến là đạo từ của Hòa thượng Thích Nguyên Trí, và lễ chính thức thức bắt đầu.

Hòa âm trong tiếng pháp khí (tang, linh, chuông, mõ, khánh, ...), chư tôn đức Tăng già và Phật tử đang hòa tấu bản "đại hùng ca" nhắc nhở chúng ta hãy trải tâm lòng thương yêu với tất cả muôn loài, hãy sống một đời sống có đạo đức, hãy có cách sống cao thượng và tha thứ.

Sau đó là nghi thức "Tắm Phật". Trước hết, chư tôn đức Tăng già thực hiện nghi lễ tắm Phật với bài nguyện Mộc Dục, sau đó lần lượt quý Phật Tử đồng hương. Tắm Phật là nhắc chúng ta hãy rửa sạch lòng tham lam, ích kỷ, ganh tỵ, bòn xén, vu khống, sân hận, si mê. Cuối cùng là lời cảm tạ của ban tổ chức do T.T. Thích Minh Dung phụ trách. Nhiều tràng vỗ tay của Phật tử đến tán thán lời cảm tạ rất duyên dáng chân tình của thượng tọa.

Đúng 12 giờ trưa cùng ngày, lễ cúng dường trai tăng bắt đầu. Tiếp đến, hàng Phật tử được thưởng thức bữa cơm chay thân mật đầy tình đạo vị do quý Phật tử Ban Trai Soạn chùa Phật Bảo đảm trách.

Lễ Phật Đản hoàn mãn trong niềm hoan hỷ. Phật tử và quý đồng bào đồng hương ra về với nỗi niềm hân hoan vô hạn và hy vọng chùa Phật Bảo là nơi học Phật, tu Phật và đây cũng là nơi duy trì và phát triển văn hóa và thuần phong mỹ tục Việt Nam tại xứ này.

Philadelphia June, 06,2010
Phật tử Chùa Phật Bảo



VÀI GÓP Ý VỀ VIỆC TRANG NGHIÊM TĂNG ĐOÀN

Thích Viên Giáo

Những năm gần đây, do sự lúng túng trong nội bộ Phật giáo cũng như sự cố tình quấy phá của ngoại đạo, ác đảng, người Phật tử Việt tại hải ngoại, đặc biệt là chư vị Tăng Ni, thường nêu vấn đề củng cố nội lực giáo hội, trang nghiêm bản thể Tăng già.

Ý nguyện này thật cao cả, cấp thiết. Nhưng cũng đã nhiều năm trôi qua rồi, ý nguyện vẫn là ý nguyện, chưa bước được vào hành động cụ thể; dù nói một cách lạc quan đi nữa thì cũng chỉ là những bước khép khiêng, lúng khùng, chưa quyết liệt.

Hành động cụ thể thế nào để làm trang nghiêm Tăng đoàn? - Nhiều lắm. Không phải chỉ một vài hành hoạt, không phải chỉ vài tháng, vài năm; nên dù Tăng Ni chúng ta tổ chức bao nhiêu đại hội, bao nhiêu cuộc hội luận, cũng không thể nói hết. Nhưng một vài điều căn bản mà ai cũng biết, và chúng ta cũng đã có nhiều lần đề nghị trước đây, thì có thể vẫn tắt như sau:

1. Bồ tát - Thuyết giới:

Theo luật tạng, các tỳ-kheo cần có ngày bồ-tát (posadha) định kỳ nửa tháng một lần với cộng đồng Tăng. Truyền thống này được thiết lập từ khi đức Phật còn tại thế. Tăng đoàn và cá nhân tăng sĩ không thể bỏ sót trong sinh hoạt chung.

Những năm cuối thập niên 1970, tăng sĩ Việt Nam không nhiều, lại sống rải rác, việc bồ-tát thuyết giới không thể thực hiện. Nay tăng sĩ khá đông đảo, chùa chiền dựng nên khắp nơi; riêng tại Hoa Kỳ, tại tiểu bang California, có nhiều thành phố tập trung đến vài chục ngôi chùa và hàng trăm Tăng Ni, thì việc bồ-tát thuyết giới chung của cộng đồng Tăng không có lý do gì mà bỏ qua.

Trong khi cộng đồng Tăng Ni ở Bắc California tổ chức bồ-tát thuyết giới mỗi tháng một lần, đều đặn từ nhiều năm qua thì cộng đồng Tăng Ni ở Nam California, vào những năm giữa thập niên 1990 cũng có tổ chức, nhưng sau đó, lại vì lý do này, lý do khác, đã ngưng. Đến cuối năm 2008, Tăng Ni ở quận San Diego, California, đã nỗ lực gây dựng lại việc bồ-tát thuyết giới, với tinh thần hòa hợp, rất đáng trân trọng, nhưng rồi cuối cùng cũng bỏ ngang.

Bồ-tát thuyết giới là phận sự quan trọng của tỳ-kheo, không phải chỉ nhằm ôn lại giới pháp mình thọ trì, kiểm điểm và sám hối những lỗi lầm đã phạm, mà còn là phương thức để cộng đồng Tăng-già biểu hiện tinh thần hòa hợp thanh tịnh, chung sức duy trì thọ mạng của Phật Pháp; bởi vì "giới luật là thọ mạng của Phật Pháp." Về mặt tương giao, ngày bồ-tát thuyết giới cũng là dịp để những cá nhân Tăng Ni được gặp gỡ, giữ thân tình, trao đổi Phật sự, khuyến tấn và cảm thông nhau. Ngoài ra, đây còn là cơ hội để các tân tỳ-kheo, các sa-di, cho đến các cư sĩ tại gia được thân cận, tiếp xúc, học hỏi bằng ngôn thuyết hay bằng thân giáo từ các bậc đạo cao đức trọng và những vị đi trước.

Để trang nghiêm Tăng đoàn, củng cố nội lực của cộng đồng Phật giáo vốn bị phân rã, suy đồi trong nhiều năm qua, việc tái lập và duy trì truyền thống bồ-tát thuyết giới định kỳ phải là ưu tiên hàng đầu, kính mong chư tôn đức Tăng Ni trưởng thượng nêu

gương và thúc đẩy hàng hậu học mau chóng thực hiện sớm chừng nào hay chừng đó.

2. An cư - Tự tứ:

An cư ba tháng (hạ hay đông) mỗi năm là điều qui định phải có của hàng tỳ-kheo, tỳ-kheo ni. Sau ba tháng an cư, có ngày Tự tứ, trước ngày Tự tứ, cần sám hối.

An cư để có thời gian cấm túc, giảm bớt ngoại duyên, tự nguyện gia nhập và sinh hoạt cùng cộng đồng Tăng lữ để trước nhất biểu hiện tinh thần sẵn sàng hòa hợp thanh tịnh cùng các tỳ-kheo/tỳ-kheo ni từ các trụ xứ và tự viện khác; thứ nữa, nhưng rất quan trọng, là quyết tâm dành thời gian nghiêm cần hành trì giới luật, tu tập thiền định, sách tấn, truyền dạy hoặc học hỏi nhau để có được sự tiến triển tốt đẹp trong hành trình tu chứng.

Tự tứ là ngày công khai trình cầu các tỳ-kheo/tỳ-kheo ni khác vạch ra những tội lỗi hay khuyết điểm mình đã sai phạm để sám hối cho thanh tịnh. Tự tứ chỉ xảy ra một lần duy nhất trong năm, sau ba tháng an cư, và trong ngày Tự tứ, không có tụng/thuyết giới như ngày Bồ-tát.

Theo ý nghĩa từ luật tạng ở trên, an cư 10 ngày, 12 ngày, 15 ngày, cho đến một tháng đều không đúng truyền thống. Tôi từng nghe một bậc tăng trưởng có thẩm quyền về giới luật ở trong nước, phát biểu rằng "An cư ba tháng là ba tháng, không có an cư một tháng hay mười ngày!" Nhưng phải sống ở ngoài nước mới cảm thông được tại sao không thể áp dụng an cư ba tháng như luật định. Nhiều năm qua, Tăng Ni hải ngoại đã cố gắng rất nhiều để tổ chức an cư, ngắn nhất là mười ngày, dài nhất là một tháng, không thể nhiều hơn được. Ngắn quá thì trong lòng cảm thấy lộn xộn, không thông suốt; nhưng cũng có cái hay là vì ngắn nên sức tập trung, nỗ lực hành trì rất cao. Lâu dần, tâm lý lộn xộn bị xóa nhòa, và từ đó, an cư mười ngày cũng là an cư, khi giải hạ Tự tứ thì lòng cũng hoan hỷ như an cư ba tháng. Tuy vậy, chúng ta cũng nên vận dụng tổ chức một đại hội Tăng Ni Việt Nam hải ngoại để tác pháp yết ma, chế định lại một số truyền thống, qui tắc (không phải giới bổn) như an cư, bồ-tát, để áp dụng hợp pháp, hợp luật, cho sinh hoạt Tăng đoàn ở ngoài nước. Được như vậy, tâm lý của Tăng Ni sẽ ổn định, và an cư bao nhiêu ngày cũng là an cư, bồ-tát một tháng một lần hay ba tháng một lần cũng là bồ-tát.

3. Các góp ý để điều chỉnh một số sơ sót và khuyết điểm:

Với một số ý kiến lắng nghe từ các Tăng Ni, pháp lữ, xin được đề nghị như sau:

- Trong các khóa an cư ngắn hạn, nên tổ chức một ngày (hoặc vài giờ đồng hồ) cho việc bồ-tát tụng giới. Điều này rất nên, vì một năm chỉ có một lần an cư mà lại ngắn hạn, các sa-di và tân tỳ-kheo/tỳ-kheo ni, không có

cơ hội học giới và học các oai nghi tế hạnh cần thiết. Quanh năm suốt tháng không thấy ở đâu tổ chức bồ-tát tụng giới, vậy tại sao không tổ chức bồ-tát tụng giới trong mỗi khóa an cư, dù không đúng ngày rằm hay ba mươi âm lịch? Chương trình giảng dạy trong các khóa an cư cũng nên lưu tâm việc giảng dạy giới luật và hướng dẫn các qui tắc sinh hoạt trong tự viện hay Tăng đoàn, nhất là đối với những vị tân xuất gia sau này.

- Sau các khóa tu học Phật Pháp dành cho cư sĩ, cũng như các khóa an cư dành cho Tăng Ni, thường có tổ chức các buổi văn nghệ vào đêm cuối cùng trước khi hoàn mãn. Các buổi văn nghệ này chỉ có một vài tiết mục tạm cho là hay, còn đa phần thì rất kém về nội dung lẫn hình thức. Có những bài ca mượn nhạc của người để đưa lời của mình vào, vừa vi phạm tác quyền vừa gượng gạo, cứng ngắt. Có những màn hài kịch thô kệch, nhố nhúa, không mang ý đạo, cũng chẳng chuyên chở ý nghĩa tốt đẹp nào của nghệ thuật thế gian. Văn nghệ như thế phá hỏng cả tinh thần tu học trang nghiêm, thanh tịnh của khóa tu hoặc khóa an cư, dù rằng được tổ chức vào ngày cuối cùng. Đề nghị không tổ chức văn nghệ có tính cách đại chúng nữa mà thay vào đó là đêm thiền trà nhẹ nhàng, đạo vị, để thường thức các thi kệ, các bài thơ hay, những câu chuyện đạo, hoặc những bản nhạc thâm trầm và sâu lắng thiền ý, để người tham dự có thể mang theo dư hưởng thanh thoát, an lạc của khóa tu trở về với trụ xứ của riêng mình. Còn nếu như cần phải tổ chức văn nghệ để đáp ứng nhu cầu thư giãn của Phật tử, nên có những vị có thẩm quyền về văn hóa, về Phật Pháp, và về âm nhạc, duyệt xét nội dung trước khi tập dượt và trình diễn.

- Xin nghiêm cần trao truyền giới pháp. Giới luật không thể khinh truyền, nhất là đại giới. Một vài vị tăng trưởng, hoặc theo quan điểm riêng của hệ phái mình, hoặc cho rằng nên "tùy duyên" tạo cơ hội cho người được khoác mặc tăng y, đã không cần trọng trong việc nhận người xuất gia cũng như trao truyền giới pháp. Kết quả là có rất nhiều Tăng Ni bán thế xuất gia, hoặc "mãn thế" xuất gia, mà những vị này không có trình độ Phật Pháp, cũng không hiểu biết gì về giới pháp mà họ thọ nhận; có người xuất gia mới có hai tuần, đã thọ đại giới (mà không thuộc giới, chưa được nghe giới); có vị đã trở thành tỳ-kheo/tỳ-kheo ni mà thời gian ở chùa còn ít hơn thời gian sống với gia đình con/cháu vì gia duyên vẫn còn đa đoan chưa cắt đứt được; có "bà cư" tỳ-kheo ni nọ, tuổi gần 80, không biết cách đắp y, loay hoay mãi trễ giờ hành lễ mà vẫn không xong; có vị đã xuất gia, hoàn tục từ lâu, nay một sớm một chiều tự động xuất gia, cạo tóc, khoác y tỳ-kheo 25 điều, tự xưng thượng tọa, nghênh ngang dành chỗ đứng chỗ

ngồi trước và trên các vị Tăng trẻ tuổi nhưng có hạ lạc cao hơn mình; có nhiều vị đã là tỳ-kheo/tỳ-kheo ni từ lâu mà không phân biệt được thế nào là y ngũ, y thất, y cửu... chứ đừng nói là hiểu biết hay thực hành kinh, luật, luận...

- Giới phẩm cũng không thể coi thường. Giới phẩm Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức, Ni trưởng, Ni sư, Sư cô... không phải là chức vị của quân đội hay các tổ chức khác được xét theo "thâm niên công vụ", cũng không phải vì thấy già trên 60 tuổi mà suy tôn Hòa thượng, vì trên 40 tuổi mà tấn phong Thượng tọa. Giới phẩm của Phật giáo Việt Nam dựa trên đức hạnh, và chiếu theo hạ lạc kể từ khi thọ đại giới. Một người bán thế mới xuất gia, mới thọ đại giới vài năm, không nên vội vàng tấn phong. Các tân tỳ-kheo/tỳ-kheo ni phải biết tự lượng phẩm hạnh, hạ lạc và trình độ Phật Pháp của mình, không nên vì bồn sư hay tổ chức giáo hội nào đó tấn phong mà mừng vui nhận liền; phải biết khiêm cung từ chối. Các vị trưởng thượng cũng không nên quá dễ dãi lập danh sách tấn phong người này người kia mà không tìm hiểu giới đức, hành trạng tu tập, thời gian xuất gia, và thời gian thọ giới của họ.

Ở trên là vài góp ý thu thập được từ nhiều Tăng Ni và cư sĩ quan tâm đến uy đức và phẩm giá của Tăng già. Thiết nghĩ, đây là những điều cụ thể có thể thực hiện và điều chỉnh được; nếu không, Phật giáo hải ngoại càng lúc càng lún sâu vào tình trạng mà Tổ Quốc trong Văn Cảnh Sách gọi là "bà-la-môn tu hội vô thụ."

Giữa bối cảnh đổ nát, suy vi, phân tán, mất hướng và mất niềm tin trong Phật giáo hải ngoại ngày nay, muốn có một Tăng đoàn thanh tịnh, hòa hợp, không phải điều dễ. Chúng ta đã phung phí quá nhiều thời gian cho sự hưởng ngoại, và tâm lý xem nhẹ giới luật, coi thường các truyền thống sinh hoạt của thiên môn; nay muốn củng cố gây dựng lại, cũng phải cần thời gian khá dài; nhưng quan trọng là mỗi cá nhân Tăng sĩ phải có ý thức và tâm nguyện tha thiết đối với sự hưng thịnh của Phật Pháp.

Trang nghiêm Tăng đoàn phải bắt đầu bằng những qui tắc, những truyền thống cao đẹp mà lịch đại tổ sư và các tập thể Tăng già các nước, hơn hai ngàn năm trăm năm đã đi qua. Bồ-tát thuyết giới, An cư Tự tứ, tác pháp yết-ma, học tập và hành trì giới luật... những điều này đều rất cụ thể và gần gũi trong sinh hoạt của tất cả Tăng Ni chúng ta, không lẽ bây giờ lại trở nên những điều xa vời không thể thực hiện?

Xin thành kính dâng lễ chư hiện tiền Tăng Ni, cúi mong được chỉ giáo, trao đổi; và xin nhất tâm sám hối nếu những điều trình bày trên có phật ý tôn đức nào.

California, June 30, 2010



NGƯỜI VỀ TỪ PHƯƠNG XA

Huyền Nữ Dương Chi

Lúc nhỏ tôi không hề để ý. Nhưng từ vài năm qua, khi tôi đã vào học cấp 3, tôi cứ sống với những dấu hỏi nhức nhối trong đầu. Tôi đã theo hỏi mẹ nhiều lần, nhưng mẹ chỉ cười, một nụ cười rất thật không chút gượng ép, rồi trách yêu: "Con cứ thắc mắc vớ vẩn!" Vậy là những dấu hỏi trong tôi cứ chất chồng lên nhau theo ngày tháng, mỗi ngày là một thắc mắc, mỗi tháng thêm nỗi ngạc nhiên, và tôi biết nếu hỏi cha càng không được cha giải tỏa. Cha rất nghiêm, ít nói, sống lặng lẽ lẫm li, tôi sợ.

Mẹ tôi tật nguyên hai chân từ nhỏ. Ông bà ngoại tôi đã bị chiến tranh cướp mất đi, để lại hai người con gái ở tuổi trăng tròn. Dì Hai của tôi đã phải đi làm thuê giặt mướn giúp việc gia đình cho nhiều nhà giàu để kiếm tiền cứu mạng người em gái tàn tật. Chiến tranh khốc liệt một lần nữa gây cảnh chia ly cho mẹ tôi. Dì Hai và mẹ thất lạc nhau trong cuộc sơ tán hỗn loạn dưới mưa bom bão đạn. Mẹ tôi được một xe bộ đội cứu vớt, đem về thành phố giao cho một bệnh viện bảo bọc cứu chữa. Sau này, khi đất nước thanh bình, mẹ gặp một người bộ đội đem lòng thương yêu, vậy là người thương bình kết duyên với cô gái tật nguyên, sinh ra một đứa bé gái. Đó là tôi. Tôi nghe mẹ kể vậy. Cha thì chỉ cười nhẹ, gật gù xác nhận đúng.

Hàng xóm láng giềng chẳng ai biết rõ về cha mẹ tôi, vì gia đình tôi mới về ở thành phố này được mười năm. Ngay ở quê cũ, cũng không ai rõ về cha mẹ tôi, họ chỉ biết y như lời cha mẹ tôi kể cho tôi nghe. Tôi tin vào những câu chuyện ấy, và hạnh diện trước mỗi tình đẹp để và tuyệt vời của cha mẹ mình. Tôi thăm kính phục cha, một người đàn ông chung thủy, một người có "Tâm Đạo" vững chãi và sáng trưng, mang trong tim một môi tình chân thật để sống với người yêu bị liệt cả hai chân. Quá đẹp!

Nhưng, vài năm trở lại đây, tôi đã lo lắng, buồn sâu khi để ý thấy cha đã khác trước. Cha có những biểu hiện khác thường, không còn trọn vẹn là một thần tượng đẹp trước mắt tôi. Cha đi chùa lễ Phật nhiều hơn trước, tham gia những chuyện Phật sự, làm từ thiện rất hăng say. Nhưng, càng lưu tâm để ý, tôi càng thấy những điều giả dối trong quan hệ giữa cha và mẹ mình. Phải chăng cha tôi đang tạo một cái vỏ bọc đạo đức thơm tho để che giấu bụng bí những mưu toan và hành động xấu xa của mình? Không phải tự nhiên mà tôi nghĩ xấu về cha mình như vậy. Thật kỳ lạ, tôi biết được là đã từ lâu, tôi nhớ lại thật chính xác, cha không bao giờ nằm chung giường với mẹ. Không biết những lúc tôi vắng nhà thì cha mẹ tôi sẽ quan hệ đối xử nhau ra sao. Khi có mặt tôi, cha mẹ

tránh xa nhau, ngồi nói chuyện cũng cách nhau một cái bàn. Và, đã bao năm rồi, tôi vẫn ngủ với mẹ. Tôi từ khi hiểu biết khái niệm ly thân ly dị, mới nghi ngờ cha mẹ đã có chuyện gì bất đồng xích mích nhau, có thể đã quyết định ly thân từ khi tôi còn là một học sinh tiểu học. Có lần tôi liêu hồi mẹ: "Sao mẹ không cho con một đứa em?"

Mẹ tôi buồn bã:
- Mẹ mất khả năng ấy rồi. Bộ con không muốn làm...

Mấy năm qua, cha tôi bỗng có một nguồn thu nhập khó hiểu. Ông sửa nhà, mua sắm đủ thứ máy móc tiện nghi trong nhà. Tôi thấy ông giao tiền hết cho mẹ cất giữ. Mẹ tôi mua sắm cho tôi không thiếu một thứ gì. Mỗi lần đẩy xe lăn cho mẹ ra ngoài phố, vào chợ tôi đều hỏi dò, mẹ nói: "Cha con không tham những đâu mà sợ. Rồi có ngày con sẽ biết, bây giờ con chỉ việc học hành cho giỏi. Đừng hỏi!" Tôi mấy lần thấy cha tôi ngồi đọc thư có ảnh của ai đó gửi cho ông. Tôi hỏi mẹ: "Mẹ có được cha cho xem thư ảnh đó không?" "Có. Đó là thư riêng của cha con, một người bạn cũ gửi thăm vậy mà!" Mẹ không làm tôi hết thắc mắc, tôi vẫn thấy có điều gì đó không bình thường nơi cha. Và, tôi lén lục học tủ của ông, tìm thấy tấm ảnh của một người đàn bà lạ hoắc. Thư thì tôi không tìm ra được. Tôi không dám hỏi mẹ, sợ lộ cái tò mò tọc mạch lợi lộc học tủ riêng của cha. Tôi im lặng. Im lặng để theo dõi. Và im lặng để ngày càng gán thêm những câu hỏi ngọt ngào khó chịu trong đầu.

Mấy ngày qua, cha tôi vui vẻ hoạt bát hẳn lên. Ông và mẹ tôi thường ngồi xì xầm to nhỏ với nhau trước những tấm ảnh, thư mà tôi đoán là thư từ nước ngoài, của người đàn bà lạ trong ảnh. Khi thấy tôi, cả hai người đều im lặng, nói lảng qua những chuyện sấm sưa trong gia đình. Tôi có dò hỏi mẹ, bà tủm tỉm: "Cố ấy là bạn của mẹ và cha xưa kia, nay viết thư thăm hỏi, hứa giúp đỡ nhà mình. Con đừng để ý chi cho phân tâm lúc học hành!"

Sáng chủ nhật hôm ấy, tụi bạn cùng lớp rủ tôi đi chơi, làm một picnic bên bãi biển. Lúc đang ngồi vòng quanh ca hát với nhau dưới bóng mát hàng thụ dương, bất chợt tôi nhìn thấy bóng dáng quen thuộc của cha trước công ra của phi trường. Tôi ngạc nhiên, đứng dậy, rời khỏi vòng chơi đang vui nhộn, định băng qua đường chạy lại phía cha. Nhưng, tôi khựng lại, mắt trở lên kinh ngạc khi thấy cha đang đón một người đàn bà. Bà ta ôm ghì lấy ông, ông cũng ôm ghì lấy bà, hai người như nhập vào một, và họ hôn nhau thật đắm đuối giữa thanh thiên bạch nhật. Rồi, cha xách hành lý cho người đàn bà nọ, gọi xích lô chất

những chiếc túi lên. Còn ông thì chở bà nọ bằng chiếc xe Dream II của ông. Diễn biến thật nhanh, tôi không chớp mắt, đứng chôn chân một chỗ với nỗi sững sốt tức tưởi. Người đàn bà ngồi sau, ôm lấy lưng ông thật tình tứ như vợ với chồng. Họ mất hút sau ngõ quanh. Tôi vẫn còn đứng lại bên biển rì rào, gió lồng lộng đưa hương vị mặn phả vào mặt tôi. Tôi khô cả môi, đưa lưỡi liếm. Vị mặn của biển có pha trộn vị mặn của nước mắt tôi. Tôi chạy ù về nhà sau đó ngay lập tức. Vào phòng mình, tôi nằm úp mặt vào gối, khóc, mẹ tôi trên xe lăn lặng lẽ vào bên giường, giọng của bà thật hiền dịu:

- Có gì cứ nói mẹ nghe, sao lại khóc dữ vậy?

Ban đầu, tôi không có can đảm kể sự thật cho mẹ hay. Tôi sợ sự thật ghê gớm này sẽ quật ngã bà ngay tức khắc. Tôi chỉ hỏi mẹ:

- Cha có nói với mẹ sáng nay cha đi đâu không?

- Cha đi đón một người bạn. Bạn từ nước ngoài về thăm quê...

- Có phải bà trong ảnh không mẹ?

- Ừ. Thì đã sao nào?

- Bà ấy ở đâu?

- Ở một khách sạn sang nhất thành phố.

- Cha không giấu mẹ ư?

- Tại sao phải giấu? Bạn bè mà, có gì phải giấu diếm chứ!

- Con nhìn thấy... con nhìn thấy...

Tôi không tự chủ được, nói huỵch toẹt ra:

- Con thấy tận mắt cha chở bà ấy.

- Vậy à? Ừ... ừ... nhưng sao?

- Mẹ không ghen ư?

- Sao lại ghen? Mẹ chưa hề biết ghen là gì.

- Con... con thấy... tức quá. Con thương cho mẹ quá!

- Sao vậy?

- Cha và bà ta ôm hôn nhau... thăm thiết lắm.

- Chắc tại người ta... sống kiểu Tây đó mà...

- Không. Họ hôn nhau như vợ chồng. Khi cha chở bà ta, bà ta ôm cha con thật... tình tứ, và cả hai đều rưng rưng nước mắt...

Tôi gần trào nước mắt, nhưng thấy mẹ thật bình thản. Bà nghĩ ngợi một hồi, rồi thở dài thậm thụt. Tôi xót xa, nói:

- Dường như mẹ không buồn. Mẹ đã biết chuyện này rồi... nên mới không lấy làm ngạc nhiên. Phải vậy không mẹ?

- Đúng. Nếu con đã biết tất cả rồi, con đã biết suy nghĩ biết nhận ra điều hay lẽ phải, điều sai việc trái, thì mẹ cũng chẳng giấu con nữa. Người đàn bà ấy chính là vợ của... cha con!

Tôi sững sốt, không tin vào tai mình. Mẹ tôi gật gù, nhắc lại:

- Đó mới chính là vợ của cha con. Mẹ con có công nuôi nấng bảo bọc, còn bà ấy mới là người mang nặng đẻ đau ra con. Đó là sự thật!

- Không. Con không tin. Con không tin! - Tôi càng khóc.

- Con phải tin, vì đó là sự thật!

Giọng cha tôi vừa cất vang cả phòng. Mẹ tôi quay lại nhìn. Ông bước vào thân nhiên và vui tươi:

- Cha định dành bất ngờ cho con vào sáng ngày mốt, ngày sinh nhật của con. Nhưng con biết trước rồi,

đành phải nói hết sự thật cho con ngay bây giờ thôi. Người mẹ đẻ của con là người phụ nữ mà con đang thắc mắc. Chưa hết, mẹ đẻ của con chính là Dì Hai mà cha thường nhắc đến!

Mẹ tôi rơm rớm nước mắt, xoa đầu tôi, bảo:

- Đúng là Dì Hai, chị ruột của mẹ. Mẹ chỉ là dì ruột của con.

Hai chị em mồ côi cha mẹ. Người chị đi giúp việc cho nhà giàu nọ, được cậu chủ đem lòng yêu thương, và kết quả cuộc tình vụng trộm lén lút là một bào thai. Cha mẹ cũng như bà con trong dòng tộc của cậu chủ hay biết, đã buộc đôi tình nhân xa cách nhau, đuổi người giúp việc khỏi nhà, cấm ngăn cậu chủ rời khỏi biệt thự. Người chị mang bào thai về quê nhà, vừa phải đùm bọc người em gái tật nguyên, vừa phải nuôi mình và đứa con trong bụng. Cậu chủ sau thời gian bị cấm cố, đã tìm cách thoát khỏi gia đình, với hai bàn tay trắng đi tìm người yêu. Nhưng chiến tranh khốc liệt đã ngăn những bước chân của cậu chủ, phải mấy tháng sau mới tìm được vợ và đứa con mang dòng máu mình. Họ sống hoà thuận, dù trong cảnh nghèo hèn vẫn đùm bọc nuôi nấng người em gái bại liệt. Rồi cậu chủ tình nguyện vào bộ đội, lại chia ly nước mắt. Chị em ở với nhau trong hoạn nạn đói khổ, người chị không chịu nổi khi nhìn thấy em gái và con mình đói là, rách rưới giữa thời cuộc chiến tranh củi châu gạo quế, bèn phải nhận lời lấy một ông già nhà giàu tuổi đã lục tuần, với điều kiện không mang con theo. Hai chị em ngậm đắng nuốt cay, chịu chia lìa, người chị cung cấp tiền bạc dư dả để người em nuôi giùm con, với sự giúp đỡ của hàng xóm tốt bụng. Khi người chồng trở về, hay tin, anh thông cảm cho vợ, không trách nữa lời. Và, anh rể em vợ giao ước với nhau: giữ bí mật mọi chuyện. Người em gái nhận mình là mẹ. Sau, trước khi theo chồng vào Nam lập nghiệp, người chị đã trao cho chồng và em gái một số vàng thật lớn để làm vốn sinh nhai. Từ đó họ không còn gặp nhau nữa. Sau năm 1975, người chị theo chồng đi tàn ra nước ngoài. Người chồng sau một trận chiến quyết định đã trở thành anh thương binh trở về sống với con và người em gái của vợ dưới danh nghĩa vợ chồng. Thời gian trôi đi, trong một chuyến công tác về lại miền quê xưa, người chồng được tin: vợ cũ ở nước ngoài về nước tìm ông. Theo địa chỉ để lại, vợ chồng liên lạc được với nhau sau mười lăm năm chia cắt. Ông chồng già của người chị đã qua đời, để lại cho vợ và hai đứa con một gia sản kết xù. Người chị đã tự do, nghĩ ngay đến chuyện tìm lại chồng con, em gái để sum họp.

Tôi trào nước mắt, gục vào lòng cha mà sung sướng. Bỗng, một bàn tay mát ấm nắm lấy cánh tay tôi. Tôi ngược mắt nhìn lại. Đó là mẹ tôi, mẹ nuôi nấng tôi từ khi tôi phải xa vòng tay của người mẹ đẻ. Bà cười qua nước mắt, chỉ về cửa phòng:

- Con nhìn xem, ai kia?

Tôi nhìn. Người đàn bà trong ảnh đang đứng nơi ấy, bất động, duy ánh mắt thì rục rạc, rục lên một nỗi khát khao, một niềm hạnh phúc. Đó mới là mẹ đẻ của tôi sao? Tôi nhào đến sà vào lòng mẹ.

- Mẹ ơi!



SINH HOẠT AN CƯ

từ ngày 14 đến 24 tháng 06 năm 2010
Tại Phật Học Viện Quốc Tế
(thành phố North Hills, California, Hoa Kỳ)

CHƯƠNG TRÌNH SINH HOẠT

Đối với quý Tăng Ni Việt Nam đang hành hoạt tại hải ngoại, do hoàn cảnh xã hội, kinh tế và địa lý, do quốc độ mỗi nơi và mỗi thời sai khác nên lịch trình tu hành hằng ngày và việc tổ chức An Cư Kiết Hạ mỗi năm không đơn giản như ở trong nước trước năm 1975 và ngay cả hiện thời. Mặc dù các chùa, tự viện, cơ sở Phật giáo không trực thuộc chung trong một giáo hội nhưng việc tổ chức An Cư vẫn được nhiều thành phần Tăng Ni khác nhau tham dự mà đa số là giới trẻ. Giáo Hội đứng ra tổ chức cũng không phân biệt Tăng Ni thuộc thành phần nào. Đây là một ưu điểm trong việc tổ chức An Cư suốt nhiều năm qua tại Hoa Kỳ.

Việc Tăng Ni hằng năm đóng cửa chùa ba tháng để tham dự An Cư Kiết Hạ là một điều lý tưởng và khó khăn không thể nào có thể thực hiện được. Phần lớn mỗi Thầy trụ trì một chùa và các công tác Phật sự lo cho Phật tử của chùa đều tập trung vào một vị Tăng hoặc Ni mà thôi. Nếu là chùa "Hội" thì có thể tạm được vì trước khi có vị Thầy được mời đến trụ trì, Ban Quản Trị thường trực tiếp lo các công việc hằng ngày như nhang đèn, hướng đăng, tiếp khách, lo quan hôn, tang tế cho Phật tử hội viên nếu có. Tuy nhiên qua thời gian, họ đã quen với việc Tăng Ni hướng dẫn rồi, giờ đây trở lại việc người cư sĩ thay vai trò vị tu sĩ, ít ai chịu chấp nhận như vậy. Đó là lý do vị trụ trì đó khó có thể yên lòng rời chùa mà an cư một cách thanh tịnh trong ba tháng như giới luật đã ấn định.

Mùa An Cư là thời gian tu tập quan trọng nhất trong năm của hàng Tỷ kheo mà ý nghĩa tu học trong môi trường hoà hợp, thanh tịnh được nổi bật và trang nghiêm nhất. Đây cũng là thời gian thuận tiện cho giới cư sĩ tại gia có dịp gần gũi, thân cận chư Tăng Ni để học tập giáo lý, đồng thời là dịp tạo phước báo nhân thiên qua việc phát tâm hộ trì Tăng Ni trong suốt mùa An Cư Kiết Hạ. Mỗi mùa An Cư là một tuổi đạo trong cuộc đời của một vị Tỷ kheo. Đây là một Phật sự vô cùng quan trọng và cần thiết của Tăng Ni, trang nghiêm cho chính bản thân Tăng già, thể hiện lòng từ bi đối với muôn loài chúng sanh và làm nền tảng tâm linh, hướng dẫn cho sự tu học của hàng Phật tử tại gia.

Chương trình tu tập hằng ngày của các trường hạ không hoàn toàn giống nhau về thời gian nhưng tựu chung cũng không ngoài việc sám hối, thiền quán, kinh hành, tụng kinh sáng chiều, nghe giảng giáo lý, kinh điển và chấp tác những công việc thường nhật trong đạo tràng An Cư. Đây là mạch sống cho Tăng già trên con đường truyền bá chánh pháp và phục vụ chúng sanh.

THUYẾT TRÌNH THẢO LUẬN PHẬT PHÁP CHO CHƯ TĂNG NI

Thứ Ba, 15/6, 2010:

08:30am So Sánh sự khác biệt và tương đồng giữa giới Thinh Văn và Bồ Tát. HT. Thích Thái Siêu.

07:30pm Nhìn về tương lai Phật Giáo Việt Nam trên quê hương thứ 2. TT. Thích Thông Hải.

Thứ Tư, 16/6, 2010:

08:30am. Yết ma yếu chỉ. HT. Thích Thái Siêu.

07:30pm Nâng Lãng Nghiêm tháng 06. Thích Nữ Giới Hương.

Thứ Năm, 17/6, 2010:

08:30am Nghiên cứu lời Phật dạy qua kinh điển Đại thừa. Đ.Đ. Thích Quảng Định.

07:30pm Nghiên cứu lời Phật dạy qua kinh điển Đại thừa (tiếp theo) Đ.Đ. Thích Quảng Định.

Thứ Sáu, 18/6, 2010:

08:30am Nội Điển và Hoảng pháp. TT. Thích Phước Tịnh.

07:30pm Phân tích hiện tình Phật giáo Việt Nam ngày nay tại Hải ngoại. TT. Nhật Trí, TT. Nhật Huệ.

Thứ Bảy, 19/6, 2010:

08:30am. Ý nghĩa những bài thi kệ của các vị Thiền Sư. TT. Thích Đồng Trí. 07:30pm. Tăng Ni trước ngưỡng cửa Học đường Hoa Kỳ. TT. Thích Minh Hạnh.



Chủ Nhật, 20/6, 2010:

Sáng: Lễ Tưởng niệm Bồ Tát Thích Quảng Đức và Đại tướng Đức Tăng Thống HT. Thích Huyền Quang.

7:30pm Thích nghi hài hòa trong vấn đề Hoảng Pháp. Thích Nữ Nguyễn Hương

Thứ Hai, 21/6, 2010:

08:30am Đạo áp dụng trong đời sống. Sa Di Thích Quảng Hỷ

07:30pm. Sự Chuyển hóa Phật giáo Việt Nam nơi Hải Ngoại. TT. Thích Tuệ Uy

Thứ Ba, 22/6, 2010:

08:30am. Phát triển Phật giáo Việt Nam Hải ngoại trên nền tảng Hòa hợp Tăng. TT. Nhật Huệ, TT. Nhật Trí.

07:30pm Tổng kết những vấn đề Hội thảo trong sinh hoạt An Cư. TT. Thích Nguyên Siêu.

Thứ Tư, 23/6, 2010:

8:30am Hợp Tăng thành cử Tự tử nhưn. Chư Tôn Đức.

07:30pm. Tiền Hội nghị Đại hội thường niên Giáo Hội PGVNTN Hoa Kỳ. Thành viên Giáo Hội.

Thứ Tư, 23/6, 2010:

05:30am Lễ Tự tử.

08:30am Hội Đại hội thường niên Giáo Hội PGVNTN Hoa Kỳ (suốt ngày).

LUÂN PHIÊN THUYẾT GIẢNG CHO PHẬT TỬ MỖI ĐÊM

(lúc 7 giờ 30 pm)

- Thứ Ba, 15/6, 2010. Những gì còn lại. HT. Thích Phước Tịnh

- Thứ Tư, 16/6, 2010. Tinh yếu Kinh Pháp Hoa. Thích Nữ Viên Quang

- Thứ Năm, 17/6, 2010. Vườn tâm gieo hạt giống lành. Đ.Đ. Thích Chúc Hiền

- Thứ Sáu, 18/6, 2010. Bồ tát giới tại gia. HT. Thích Thái Siêu

- Thứ Bảy, 19/6, 2010. Lễ Truyền Bồ Tát giới. Chư tôn Đức Tăng

- Chủ Nhật, 20/6, 2010. Ứng dụng Phật Pháp vào đời sống. TT. Thích Đồng Trí

- Thứ Hai, 21/6, 2010. Tâm cảnh trang nghiêm. Đ.Đ. Thích Thiện Lợi.

- Thứ Ba, 22/6, 2010. Những đóa hoa sen trong biển đời sanh tử. TT. Thích Nguyên Siêu.

- Thứ Tư, 23/6, 2010. Tổng kết chương trình Tu học. HT. Thích Phước Tịnh

Phật giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ đang từng bước phát triển vững mạnh, to đẹp và hội nhập vào nền văn hóa đa dạng của quốc gia này và chắc chắn đã và đang tạo một chỗ đứng xứng đáng trong lòng người dân bản xứ. Sự phát triển này cũng là một ảnh hưởng quan trọng trong việc yểm trợ và xây dựng chùa chiền tại Việt Nam.

Xin chấp tay nguyện cầu cho 10 ngày An Cư Phật Lịch 2554 tại Phật Học Viện Quốc Tế được thành tựu thập phần viên mãn.

Huỳnh Tấn Lê



TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

Điều Âm lược dịch

BẮC TRIỀU TIÊN: Kiến trúc đôi xứng của Đền Kwangbop tại Bình Nhưỡng

Kwangbop ở vùng Taesong là một trong nhiều ngôi đền được xây tại khu vực Bình Nhưỡng vào thời Vua Kwang-gaetho (374 - 412).

Đền Kwangbop được xây lại vào năm 1727, và vào năm 1952 nó bị phá huỷ hoàn toàn trong cuộc chiến tranh Triều Tiên. Sau đó, đền được tái thiết vào năm 1990.

Đền Kwangbop bao gồm Cổng Haethal, Cổng Chonwang, chánh điện Taeung, hai tu viện Phật giáo ở phía đông và tây, một ngôi chùa hình bát giác có 5 tầng. Các công trình này có vị trí đối xứng nhau, với ngôi chùa là trục. Hệ thống của việc xây các toà viện bao quanh một ngôi chùa là một phương pháp phổ biến vào triều đại Koguryo (năm 277 trước Công nguyên đến 668 sau Công nguyên).

Chánh điện Taeung là một toà nhà nguy nga có mái hồi, bên trong có 3 pho tượng Phật và một tranh Phật treo tường.

Trên Cổng Haethal có hình ảnh những đứa bé cười vui và sư tử, còn trên Cổng Chonwang có các tác phẩm điêu khắc 4 vị Hộ Pháp của Phật giáo.

Đền Kwangbop là một di sản văn hoá quý giá, chứng minh cho nền kiến trúc phát triển của người Triều Tiên thời ấy. Nó là một tài liệu có giá trị cho việc nghiên cứu lịch sử và văn hoá Triều Tiên, bao gồm triều đại Koguryo. (UrbanDharma - June 4, 2010)



Đền Kwangbop ở Bình Nhưỡng, Bắc Triều Tiên - Photo: Naenera

TRUNG QUỐC: Chư tăng tổ chức cầu nguyện cho nạn nhân động đất Ngọc Thụ

Sáng ngày 02-6, chư tăng trên khắp Trung quốc đã tụng kinh cầu nguyện cho nạn nhân của trận động đất tại tỉnh Thanh Hải - xảy ra vào ngày 14-4 - đúng 49 ngày sau khi họ chết, mà theo tín ngưỡng Phật giáo là đánh dấu ngày khởi đầu của sự đầu thai.

Hội Phật giáo Trung quốc (BAC) cho biết tất cả các đền thờ quan trọng của 3 tông phái Phật giáo chính tại Trung quốc đã tổ chức lễ cầu nguyện cho khoảng 2.700 nạn nhân bị chết trong trận động đất tại huyện Ngọc Thụ.

Khoảng 1.000 tăng sĩ Phật giáo Đại Thừa đã tham dự lễ cầu nguyện tại đền Guangji ở Bắc Kinh do chủ tịch BAC là Chuanyin chủ trì. Cùng lúc đó, phó chủ tịch hội là Ban Thiên Lạt Ma thứ 11 chủ trì một lễ cầu nguyện khác tại Đền Lạt Ma - một ngôi đền Phật giáo Tây Tạng quan trọng tại Bắc Kinh.

Ở tỉnh Vân Nam, chư tăng Phật giáo Tiểu Thừa đã tập trung tại Đền Zongfo để cầu nguyện.

Các ngôi đền quan trọng khác tại Sơn Tây, Chiết Giang, Thượng Hải và Lhasa cũng đồng thời tổ chức lễ cầu nguyện.

Chư tăng cầu siêu cho các nạn nhân và cầu nguyện cho những người sống sót vượt qua những khó khăn do thảm họa gây ra.

Xuecheng, phó chủ tịch kiêm tổng thư ký BAC, đã chủ trì lễ cầu nguyện tại Tu viện chính Gyegu ở huyện Ngọc Thụ. Ông đã trao cho các nhà sư địa phương 2,3 triệu Nhân dân tệ do BAC quyên được vào ngày 16-4.

Theo Cục Tôn giáo Nhà nước, đến ngày 01-6 đã có được khoảng 94,52 triệu tệ từ các đợt quyên góp thuộc tôn giáo - trong đó có 70,45 triệu tệ do Phật tử đóng góp.

(Tân Hoa Xã - June 2, 2010)

MÔNG CỔ: Lễ phong thánh Núi Thiêng Burkhan Khaludun

Vào ngày 31-5-2010, lễ phong thánh của Nhà nước Mông Cổ đã diễn ra tại Núi Burkhan Khaludun, một ngọn núi thiêng tại Khentil Aimag. Từ nhiều thế kỷ nay, Núi Thiêng Burkhan Khaludun rất được nhân dân Mông Cổ tôn kính.

Núi có độ cao 2361,5 mét trên mực nước biển, là một nơi thờ phụng kể từ thời của Bodonchar, tổ phụ của bộ lạc Khiad Borjigon. Đến thời Thành Cát Tư Hãn, núi này được Nhà nước phong thánh. Về sau, nghi lễ này được phục hồi vào năm 1995, và theo sắc lệnh của tổng thống Mông Cổ, Lễ Tôn Kính núi Burkhan Khaludun diễn ra 4 năm một lần.

Năm nay, Tổng thống Elbegdorj và nhiều chính khách quan trọng, cùng các vị Lạt Ma Phật giáo của Tu viện Gandan (một trung tâm của Phật giáo Mông Cổ) và các tu viện tại Khentil aimag đã tham dự buổi lễ này.

Các luật lệ và nghi thức sùng bái ngọn núi thiêng theo truyền thống đã được cử hành long trọng. Tổng thống Elbegdorj kêu gọi công chúng tiếp tục bảo tồn giá trị thiên nhiên và văn hoá vô song này. Ông cho rằng điều quan trọng là cần chọn một nhóm chuyên gia và khoa học gia để theo đuổi việc đăng ký ngọn núi này vào kho tàng di sản thế giới.

(The UB post - June 4, 2010)

HOA KỲ: Lễ hội Obon 2010 trên đảo Kauai

Hawaii, Hoa Kỳ - Lễ hội Obon trên đảo Kauai bắt đầu vào đêm 04-6-2010. Đây là truyền thống tôn vinh tổ tiên của các Phật tử qua các điệu múa nghi lễ (bon) và nhịp trống.

Obon (lễ hội đèn lồng) là một trong những truyền thống quan trọng nhất của người Nhật, dựa theo tín ngưỡng Phật giáo cho rằng hồn của tổ tiên họ đoàn tụ với gia đình thông qua lời cầu nguyện, việc cúng dường thực phẩm và các điệu múa trong suốt mùa Obon.

Nguyên thủy tại Nhật Bản thì lễ Obon kéo dài một tuần. Nhưng tại Hawaii, lễ này trở thành một sự kiện của suốt mùa hè, do nó là di sản văn hoá Nhật Bản rất thịnh hành.

Hàng trăm đèn lồng màu hồng thấp sáng khuôn viên ngôi đền Nhật Bản Soto Zen Zenshuji tại Hanapepe. Ở giữa sân là một tháp yaguro dành cho chủ lễ và nhóm đạo ca, xung quanh họ là hoa và những người chơi trống taiko. Lễ cầu kinh mở đầu bằng tiếng Anh và tiếng Nhật hướng về tổ tiên trong một khoảnh khắc an bình trang trọng.

Đa số những người múa là cư dân đảo gốc Nhật, cùng các gia đình và du khách muốn tìm hiểu và học múa điệu múa dân gian (bon odori) này. Các phụ nữ mặc áo kimono và mang dép gỗ geta truyền thống, duyên dáng múa theo tiếng trống gỗ nhịp và tiếng sáo êm dịu.

Đến ngày 14-8 các điệu múa sẽ ngưng, và vào ngày 15-5 mọi người sẽ kết thúc lễ hội khi họ thả sáng các đèn lồng bằng giấy và thả trôi ra biển, tiễn đưa linh hồn tổ tiên đã ở với họ trong suốt lễ Obon.

(Hawaii Islands Travel Examiner - June 5, 2010)



Lễ Obon tại đảo Kauai, Hawaii - Photo: Hawaii Islands Travel Examiner

TÍCH LAN: Trường Nữ Phật tử tại Colombo kỷ niệm 56 năm Ngày của Người Sáng lập

Colombo, Tích Lan - Là một trong những trường hàng đầu được chính phủ công nhận, Trường Nữ Phật tử (BLC) kỷ niệm 56 năm đánh dấu Ngày của Người Sáng lập, đồng thời tập trung vào các nhu cầu giáo dục của thế hệ mới.

BLC đã được sáng lập bởi nhà giáo dục học và luật sư Mohandas De Mel nổi tiếng của Tích Lan. Ông đã cố gắng duy trì truyền thống gia đình của việc ghi nhớ triết lý Phật giáo thông qua giáo dục.

Tại Colombo thời đó, Phật tử người Sinhala có nhu cầu cho con gái của họ ăn học ở ký túc xá. Và ông Mohandas đã lập ra kế hoạch tương lai cho Trường Nữ Phật tử. Trường

này được khánh thành vào ngày 20-5-1954, là trường tư thục Phật giáo duy nhất thời ấy có hiệu trưởng là Phật tử.

Ban đầu trường có 300 học sinh và một đội ngũ giảng dạy với mục tiêu là xây dựng một quốc gia của những công dân có học thức, có nhận thức công dân. Trường đã thành công trong việc đào tạo các thế hệ học sinh để phục vụ cho mọi ngành trong xã hội.

Trường Nữ Phật tử đáp ứng được cho tất cả các cộng đồng. Hiện nay trường có 800 học sinh - từ mẫu giáo Montessori, tiểu học cho đến lớp 13, học theo giáo trình của Bộ Giáo dục Tích Lan.

(The Sunday Times - June 6, 2010)



Trường Nữ Phật tử tại Colombo, Tích Lan - Photo: The Sunday Times

TRUNG QUỐC: Công bố bảo vật Phật giáo

Nam Kinh, Trung quốc - Vào lúc 9 giờ sáng ngày 12-6-2010, tại đền Qixia ở Nam Kinh, Giang Tô, các nhà sư và khảo cổ học đã công bố một trong những xá lợi linh thiêng nhất của Đức Phật Thích Ca: Đây là xá lợi tương truyền là phần xương sọ của Đức Phật, được mang ra từ một hòm nhỏ bằng vàng nằm trong một hòm bằng bạc. Nghi lễ này được hàng triệu người theo dõi trực tiếp trên TV.

Ngoài xá lợi của Đức Phật Thích Ca, 10 xá lợi của các vị Phật khác cũng đã được tìm thấy trong một hòm nhỏ bằng vàng và bạc khác.

Các xá lợi sẽ được trưng bày cho công chúng chiêm bái trong một tháng.

Để bảo đảm an toàn cho các bảo vật này, nghi lễ đã được tổ chức với sự an ninh nghiêm ngặt; nhiệt độ trong nhà được duy trì ở 20 độ C và độ ẩm từ 55 đến 60%.

Tương truyền phần xương sọ của Đức Phật Thích Ca đã được thu hồi từ tro hoả táng, được lưu giữ trong một tiểu Phật tự gọi là Chùa của A Dục Vương. Cách đây 2 năm, nó đã được khai quật trong một cung điện dưới đất, được xây vào năm 1011 tại Đền Changgan xưa kia ở Nam Kinh.

Theo tài liệu về Phật giáo thời nhà Đường (618 - 907 sau Công nguyên) thì Trung Hoa có 19 chùa A Dục Vương có lưu giữ xá lợi của Đức Phật Thích Ca. Đến nay, đã có 7 trong số đó được tìm thấy tại đất nước này.

(China Daily - June 14, 2010)



NEPAL: Tái tạo di tích Phật giáo cổ nhất tại Nepal

Lần đầu tiên trong 90 năm và là lần thứ 15 trong gần 1.500 năm, Bảo tháp Swayambhunath (Vô Sư Già Thế Tôn) - di sản thế giới tại Thung lũng Kathmandu - đã được tái tạo xong vào tháng trước. Và đây không phải là một nhiệm vụ dễ dàng.

Đây là di tích Phật giáo cổ nhất của Nepal, đã được 70 nghệ nhân tay nghề cao của đất nước này tái tạo trong hai năm làm việc không biết mệt mỏi. Vì những người có liên quan đến lần phục hồi trước đây không ai còn sống, nên công việc thật khó khăn do cần phải chú ý kỹ từng chi tiết. Tuy vậy, khối lượng lớn của công trình dựa theo tư liệu từ những lần tu sửa trước đó đã giúp ích rất nhiều.

Giám đốc dự án là Tsering Palmo Gellek nói, "Không giống như việc xây một tượng đài mới, chúng tôi đã không tuý tiện sáng tạo. Mục đích của chúng tôi là khôi phục Swayambhunath trở lại với danh tiếng ban đầu của nó".

Giống như việc giải một trò chơi lắp hình lớn - trên 30.000 mảnh đã được lấy đi, sửa chữa, rửa sạch và đặt lại đúng vị trí cũ, với hơn 100.000 đinh được sử dụng. Tất cả các tấm kim loại đều được phủ một lớp vàng tinh khiết, tiêu tốn 20 ký vàng - là một trong những công trình phục hồi bằng vàng lớn nhất.

Dự án được tài trợ bởi Trung tâm Thiền định Nyingma Tây Tạng tại California, Hoa Kỳ, khởi động vào tháng 6-2008 và hoàn thành vào Lễ Phật Đản tháng trước.

(Hindustan Times - June 14, 2010)

ÚC ĐẠI LỢI: Trường đại học Phật giáo tại Unanderra

Khi trường đại học Phật giáo đầu tiên của Úc Đại Lợi mở cửa tại Unanderra, trí tuệ tâm linh sẽ được hợp nhất với các nghiên cứu về kế toán và thương mại.

Những người ủng hộ khu đại học tại Unanderra (ngoại ô thành phố Wollongong, bang New South Wales) do Chùa Nam Thiên đề xuất đã tiết lộ các chi tiết về chương trình học thuật độc đáo nói trên, khi họ cố gắng thu 30 triệu đô la cần thiết để xây dựng giai đoạn đầu của học viện đang khởi công này.

Hội đồng Thành phố Wollongong đã phê duyệt công trình ban đầu, gồm một chiếc cầu dài 200 mét cho người đi bộ - để nối khu đại học với ngôi chùa, cũng như một nhà bảo tàng, phòng triển lãm, quán ăn, tiệm bán quà tặng, các khu giảng dạy và các tòa nhà hành chính.

Công việc này dự kiến hoàn thành vào tháng 01 năm 2013.

Chương trình sau đại học của trường có thể bắt đầu sớm nhất là vào tháng 3 năm 2011 tại địa điểm hiện có, đào tạo Thạc sĩ về nghiên cứu Phật giáo ứng dụng.

Các môn học sẽ gồm có Phật giáo và phân tâm học, Phật giáo và xã hội hiện đại - với trọng tâm hướng về các vấn đề đương đại.

Học viện hy vọng sẽ thu hút được 3.000 sinh viên, và mở rộng các chương trình sau đại học về kinh doanh, nghiên cứu môi trường, giáo dục

trong đời sống và phục vụ cộng đồng.

Ni sư Miêu Tú của chùa Nam Thiên nói rằng sinh viên sẽ học tập để mang những khái niệm tâm linh huyền bí vào cuộc sống hàng ngày của họ. Bà nói, "Trường đại học này không chỉ dành cho Nam Thiên, mà là cho toàn nước Úc".

(UrbanDharma - June 17, 2010)

CAM BỐT: Tàu Mercy của Hoa Kỳ đảm nhận việc trao trả cổ vật cho Cam Bốt

Ngày 17-6, tàu bệnh viện Mercy đã trao trả 7 tác phẩm điêu khắc có từ thời Angkor vĩ đại, vốn bị lấy trộm khỏi Cam Bốt.

Trong buổi bàn giao tại cảng Sihanoukville, các nhà sư Phật giáo Cam Bốt đã làm lễ cúng các cổ vật này.

Đây là các tác phẩm điêu khắc bằng đá sa thạch, được các viên chức ngành Di trú và Hải quan Hoa Kỳ thu hồi trong một cuộc bố ráp tại Los Angeles vào năm 2008. Chúng được tàu Mercy chở đến Cam Bốt vào ngày 15-6, nhân dịp tàu thực hiện nhiệm vụ nhân đạo là chăm sóc y tế miễn phí cho người dân Cam Bốt trong 13 ngày.

Trong số các cổ vật này có 2 đầu Phật, 1 phù điêu thấp và 1 chân đế chạm khắc thuộc thời kỳ 1.000 đến 1.500 năm sau Công nguyên.

Cam Bốt và Hoa Kỳ đã ký thoả thuận bảo vệ di sản văn hoá Cam Bốt vào năm 2003.

Vào năm 2007, chính phủ Hoa Kỳ đã trao trả 1 tác phẩm điêu khắc apsara (vũ công tuyệt trần) bằng đá sa thạch, có từ thế kỷ thứ 12 cho Cam Bốt.

(The Associated Press - June 18, 2010)

TÍCH LAN: Tăng sĩ tại Colombo sẽ học tiếng Tamil

Colombo, Tích Lan - Tăng sĩ Tích Lan tại Colombo có kế hoạch học tiếng Tamil để tạo được sự hoà hợp lớn hơn, và hàn gắn oán thù cũ kéo dài nhiều thập niên giữa người Sihanla chiếm đa số và cộng đồng người Hindu thiểu số tại đất nước này.

Hội nghị Phật giáo Toàn Tích Lan (ACBC) đã tìm quỹ từ chính phủ Tích Lan để bắt đầu những lớp học cho các tăng sĩ, để tạo sự hoà hợp lớn hơn trong hai cộng đồng này.

ACBC sẽ khởi động chương trình để xây dựng sự hoà thuận giữa các nhóm sắc tộc và truyền bá Phật pháp cho người Hindu nói tiếng Tamil. Việc này cũng sẽ giúp phục hồi các tự viện Phật giáo bị bỏ hoang tại miền Bắc và Đông.

Khoá học đầu tiên bắt đầu tại Colombo vào tháng này.

Đồng thời, một phái đoàn gồm các nhà lãnh đạo tôn giáo đến từ Ấn Độ đã cùng Hội Đại Bồ đề Tích Lan tham gia một hội nghị trong 2 ngày về Hợp tác Liên tôn giáo.

Đối thoại tập trung vào việc tìm ra những phương cách để thúc đẩy hơn nữa sự tin tưởng lẫn nhau giữa các cộng đồng Sinhala đa số và Tamil thiểu số, khôi phục các đền thờ Hindu tại Tích Lan, tạo nên sự hoà thuận và thông hiểu giữa hai cộng đồng Phật giáo và Hindu.

(Express India - June 21, 2010)

NEPAL: Khánh thành một Nhà Nghỉ dành cho Người Hành hương (Dharmashala) mới

Ngày 20-6, tại thánh địa Muktinath ở huyện Mustang, Đại sứ Ấn Độ ở Nepal là Rakesh Sood đã khánh thành một nhà nghỉ mới xây dành cho người hành hương.

Đại sứ quán Ấn Độ thông báo với báo giới rằng nhà nghỉ này được xây với sự tài trợ 30 triệu Rupee của Ấn Độ. Muktinath là một địa điểm quan trọng đối với tín đồ của nhiều tôn giáo, kể cả đạo Hindu và đạo Phật, và hàng ngày thu hút rất đông du khách và người hành hương.

Thông báo nói rằng: Để cung cấp cho người hành hương và khách du lịch chỗ ở thích hợp, các nhà chức trách từ lâu đã nhận thấy cần phải có một nhà nghỉ dành cho người hành hương giá cả phải chăng.

Được quản lý bởi Ủy ban Phát triển Huyện, cơ sở hạ tầng này có 44 giường với không gian riêng biệt dành cho tiếp tân, phòng thiền định, nhà bếp, quán tự phục vụ, phòng ăn và một nhà của người trực gác.

(The Kathmandu Post - June 21, 2010)

TÍCH LAN: Liên hoan Phim Phật giáo 2011

Colombo, Tích Lan - Vào ngày 22-6-2010, lễ khai mạc Liên hoan Phim Phật giáo 2011 đã được chính thức tổ chức tại Phòng Hành chính Tổng thống, dưới sự bảo trợ của Tổng thống Mahinda Rajapaksa.

Tổng thống đã trao giải thưởng cho các nhà sản xuất phim đến từ Mã Lai, Hoa Kỳ, Đức, Bỉ, Ấn Độ, Gia Nã Đại, Iran, Úc, Nhật Bản, Thụy Sĩ và Pháp.

Phát ngôn viên Chanal Rajapaksa nói, "Mong muốn của chúng tôi là truyền bá Phật giáo đến cộng đồng thế giới qua các phương tiện truyền thông. Một trong những mục đích chính là nói với thế giới về đạo Phật thông qua các phương tiện truyền thông nghe nhìn".

Tiến sĩ khảo cổ học Bisntha Binari đến từ Nepal nói rằng: Kapilawasthu và Lâm Tì Ni là các địa điểm quan trọng nhất tại Nepal, được rất đông Phật tử hành hương từ Tích lan và các nước khác đến viếng hàng năm.

Cùng với lễ khai mạc Liên hoan Phim Phật giáo 2011, lễ trao các giải của Liên hoan Phim Phật giáo Quốc tế 2010 cũng đã được tổ chức.

(ISRIA - June 23, 2010)



Đức Đạt Lai Lạt Ma cùng với khoảng 500 tăng sĩ và tín đồ Hàn quốc tại Yokohama, Nhật Bản - Photo: Tenzin Choejor

ẤN ĐỘ: UNESCO không hài lòng về hiện trạng của ngôi đền Đại Bồ đề

Patna, Ấn Độ - Tám năm sau khi đền Đại Bồ đề được công bố là một Di tích Di sản Thế giới, tổ chức UNESCO không vui đối với sự quản lý ngôi đền do đã vi phạm các hướng dẫn về an toàn và bảo trì.

"UNESCO không hài lòng về việc các tín đồ tiếp tục đốt thắp nhang đèn gần cây Bồ đề và về công tác bảo tồn tại di tích này", một viên chức quản lý đền Bodhi Gaya nói. "UNESCO đã yêu cầu ban quản lý gửi báo cáo về sự an toàn của di tích, và cho biết các hướng dẫn của UNESCO về sự bảo quản có được chấp hành không".

Vài năm trước, UNESCO đã dọa thu hồi danh hiệu Di tích Di sản Thế giới của đền Đại Bồ đề do vi phạm các hướng dẫn về an toàn và bảo trì.

Nằm cách Patna khoảng 110km, ngôi đền 1.500 năm tuổi này là đền thờ Phật giáo linh thiêng nhất.

(IANS - June 26, 2010)

NHẬT BẢN: Đức Đạt Lai Lạt Ma gặp các Phật tử Nam Hàn tại Tokyo

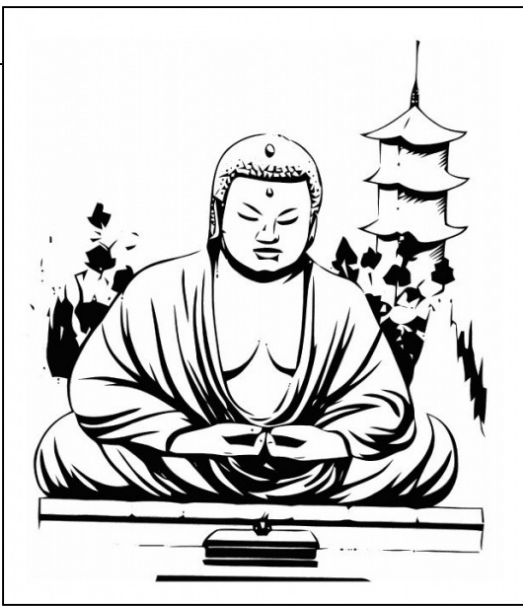
Yokohama, Nhật Bản - Vào chiều ngày 27-6, trên 500 Phật tử Nam Hàn đã được dự buổi nói chuyện của Đức Đạt Lai Lạt Ma tại hội trường của Đại Khách sạn Liên Lục địa ở Yokohama, Tokyo.

Đức Đạt Lai Lạt Ma nói rằng theo truyền thống thì Triều Tiên và Trung quốc là các nước Phật giáo, và Ngài bày tỏ sự cảm kích của mình về cách người Hàn quốc tham gia nghiêm túc trong việc học nhiều hơn về đạo Phật.

Trong buổi nói chuyện ngắn của Ngài, Đức Đạt Lai Lạt Ma kêu gọi người Hàn quốc hãy là những Phật tử của thế kỷ 21 bằng cách nắm vững về nền giáo dục khoa học hiện đại cũng như về Phật giáo. Ngài nói, "Giống như các bậc đại sư của trường Đại học Nalanda cổ xưa, các bạn phải học tập và tìm hiểu các văn bản Phật giáo và thực hành giáo lý trong cuộc sống thường nhật".

Đức Đạt Lai Lạt Ma khuyên thính giả hãy trở thành đệ tử của các bậc đại sư Nalanda, những vị đã chứng minh rằng các học viên Phật giáo có thể kết hợp tiếp cận khoa học trong việc nghiên cứu lời dạy của Đức Phật.

(tibetcustom.com - June 28, 2010)



YẾM TRỢ BÁO CHÁNH PHÁP

Nam mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch chư tôn đức,
Kính thưa quý Phật tử và bạn đọc gần xa,
Nhằm phổ biến giáo lý Giác ngộ của Đức Từ Phụ Thích Ca Mâu Ni và tạo mối dây liên hệ tinh thần giữa Phật giáo đồ khắp nơi, báo Chánh Pháp ra đời. Tuy mới có mặt trong một thời gian ngắn, báo Chánh Pháp đã nhanh chóng tạo được niềm tin cậy và yêu thích của bạn đọc, xuất gia hay tại gia.
Tuy vậy, để báo Chánh Pháp được duy trì và phát triển trên đường dài, Ban Chủ Trương chúng tôi mong mọi được sự yểm trợ sâu rộng của chư tôn đức và quý Phật-tử qua các phương thức sau:

- Chư tôn đức Tăng Ni và quý văn thi hữu xin đóng góp bài vở, gửi về tòa soạn (nội dung liên quan Phật giáo, Văn Hóa, Xã Hội, Từ Thiện...)
- Quý Phật-tử có thương vụ xin đăng quảng cáo để ủng hộ
- Quý Phật-tử đồng hương xin phát tâm ủng hộ mỗi vị \$3 một tháng (để trang trải cước phí gửi báo đi khắp nơi)
- Giới thiệu báo Chánh Pháp đến thân nhân, bằng hữu, bạn đạo khác.

Sự yểm trợ của chư tôn đức, văn thi hữu và bạn đọc sẽ giúp cho nội dung báo Chánh Pháp ngày càng phong phú, đặc sắc hơn, giúp chúng tôi vượt qua những trở ngại tài chánh để nuôi dưỡng tờ báo dài lâu, góp phần hoằng dương Phật đạo.

Thành thật tri ân chư liệt vị.
Tỳ kheo Thích Nguyên Trí

Tịnh tài xin gửi: CHÁNH PHÁP
803 S. Sullivan St.,
Santa Ana, CA 92704

Bài vở xin gửi:
baivochanhphap@gmail.com

THÔNG BÁO

KHÓA TU NIỆM PHẬT HẰNG THÁNG

TẠI CHÙA THIÊN TRÚC NĂM 2010 – CANH DẦN

Nam mô A Di Đà Phật

Kính gửi: - Quý Đạo hữu Phật tử!

Để đáp ứng nguyện vọng cho một số Phật tử có duyên với pháp môn niệm Phật, chùa Thiên Trúc sẽ tổ chức Khóa Tu Niệm Phật hằng tháng vào mỗi Chủ nhật cuối tháng, từ 8 giờ sáng đến 8 giờ tối, cụ thể các ngày như sau:

- Chủ nhật, ngày 27 tháng 6 năm 2010 (tức ngày 16 tháng 5 âm lịch)
- Chủ nhật, ngày 25 tháng 7 năm 2010 (tức ngày 14 tháng 6 âm lịch)
- Chủ nhật, ngày 22 tháng 8 năm 2010 (tức ngày 13 tháng 7 âm lịch)
- Chủ nhật, ngày 26 tháng 9 năm 2010 (tức ngày 19 tháng 8 âm lịch)
- Chủ nhật, ngày 31 tháng 10 năm 2010 (tức ngày 24 tháng 9 âm lịch)
- Chủ nhật, ngày 28 tháng 11 năm 2010 (tức ngày 23 tháng 10 âm lịch)
- Chủ nhật, ngày 26 tháng 12 năm 2010 (tức ngày 21 tháng 11 âm lịch)

Khóa Tu được sự chứng minh, thuyết giảng và hướng dẫn của chư tôn Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức Tăng, Ni đến từ các tiểu bang trên đất nước Hoa Kỳ.

Vì vậy, chúng tôi kính thông báo đến quý Đạo hữu Phật tử biết để sắp xếp thời gian về tại:

Chùa Thiên Trúc: 1083 S 7th St - San Jose, CA 95112

cùng tham dự Khóa Tu Niệm Phật.

Ngoài ra, cuối giờ mỗi khóa tu, chúng tôi có cúng Thí Thực Âm Linh Cô Hồn và niệm Phật cầu vãng sanh cho những oan hồn không nơi nương tựa, đồng thời tuyên bố cầu an cho những gia đình ghi danh.

Thay mặt Đạo tràng Thiên Trúc, chúng tôi kính mời quý Đạo hữu Phật tử xa gần về chùa tham dự Khóa Tu Niệm Phật theo chương trình đính kèm.

Sự tham dự Khóa Tu Niệm Phật của quý vị sẽ mang lại sự an lạc, giải thoát trong đời hiện tại; tương lai được vãng sanh về cảnh giới của đức Phật A Di Đà.

Cầu nguyện chư Phật gia hộ quý vị và gia đình vô lượng cát tường.

San Jose, ngày 6 tháng 6 năm 2010

Tỳ kheo Thích Thiện Long

CHƯƠNG TRÌNH KHÓA TU NIỆM PHẬT

- 08: 00 am Khai kinh
- 09: 00 am Kinh hành niệm Phật
- 09: 50 am Lễ lạy 48 lời nguyện của đức Phật A Di Đà
- 11: 00 am Trì Danh Niệm Phật
- 12: 00 pm Thọ trai chánh niệm
- 12: 45 pm Kinh hành niệm Phật
- 01: 30 pm Quán tưởng niệm Phật
- 02: 15 pm Lạy Sám Hối
- 03: 15 pm Thuyết Pháp

Tháng 6 năm 2010: Hòa thượng Thích Minh Đạt
Tháng 7 năm 2010: Thượng tọa Thích Giác Đồng
Tháng 8 năm 2010: Đại đức Thích Thiện Long
Tháng 9 năm 2010: Thượng tọa Thích Phước Hiền
Tháng 10 năm 2010: Thượng tọa Thích Nguyên Tâm
Tháng 11 năm 2010: Thượng tọa Thích Thiện Quang
Tháng 12 năm 2010: Đại đức Thích Nhuận Dung

- 04: 00 pm Tụng kinh Di Đà
- 05: 00 pm Kinh hành niệm Phật
- 05: 30 pm Cúng Âm Linh Cô Hồn, tuyên bố Cầu An
- 06: 30 pm Dược thực
- 07: 00 pm Pháp đàm
- 07: 45 pm Hoàn kinh
- 08: 00 pm Bế mạc

Ghi chú:

- Quý vị chỉ mang theo áo tràng; thức ăn đã có người hỷ cúng.
- Quý vị vui lòng đậu xe ở Park & Ride Lot của Spartan Stadium San Jose 1057 S. 7th Street. San Jose, CA 95112 (trả tiền ở Pay Station).
- Chương trình có thể uyển chuyển thay đổi cho thích hợp.
- Mọi chi tiết xin liên lạc về chùa Thiên Trúc ở số điện thoại: 408 217 9602.





CẢM TẠ

Thành thật cảm tạ sự ủng hộ quý báu bằng tinh thần hay tịnh tài của chư tôn đức Tăng Ni và đồng bào Phật tử đối với báo Chánh Pháp. Đây là niềm khích lệ to lớn cho chúng tôi trong công tác truyền thông, hoằng pháp.

Ngoài sự bảo trợ ân phí của chư tôn đức và các tự viện, chúng tôi còn nhận được sự ủng hộ của chư tôn đức Tăng Ni và quý Phật-tử cũng như của quý thân chủ quảng cáo.

Sau đây là danh sách ủng hộ báo Chánh Pháp trong tháng qua:

Phật Học Viện Quốc Tế (CA) \$1,000, TT. Thích Định Quang (CA) \$100, TT. Thích Minh Hạnh (IL) \$300, ĐĐ. Thích Thiện Long (CA) \$100, Sư chú Tâm Định \$50, Diệu Anh (NC) \$50, Lê Như Thường (CA) \$300, Tổng Hội Cư Sĩ (CA) \$980, Văn Bach Hang \$50, Lâm Hữu Hồ \$30, BZ Auto Collision \$60, Lữ Thiên Phong \$100, Trần D. Lương \$100, Lê Thu Hà \$50

Ngưỡng nguyện Tam Bảo thù từ gia hộ chư liệt vị thân tâm an lạc, vạn sự cát tường.

Ban Biên Tập Chánh Pháp

Giới thiệu CD "Phật Ngọc Hòa Bình"

"Phật Ngọc sẽ thắp sáng toàn cõi thế gian này, Phật Ngọc sẽ mang niềm an lạc, hạnh phúc không thể nghĩ bàn đến cho chúng sanh, sự ảnh hưởng của Phật Ngọc sẽ góp phần ngăn chặn những cuộc chiến tranh, những hủy hoại tàn phá đang xảy ra khắp nơi trên thế giới". Đó như là bức thông điệp của Lạt Ma Zopa Rinpoche gửi đến cho toàn thế giới. Nhạc sĩ Thiên ca Lê Minh Hiền thì biểu lộ lòng kính ngưỡng của mình đối với bảo tượng Phật Ngọc đức Thế Tôn bằng cách riêng của mình, đó là anh đã dùng những nốt nhạc sâu lắng, những ca từ thanh thoát để chuyển tấu thành những khúc ca đầy đạo vị dâng lên cúng dường đức Phật và dành tặng cho tất cả mọi người trên khắp năm châu bốn biển này.

CD " World Peace Jade Buddha", (Phật Ngọc Hòa Bình), với những ca khúc như: *Phật Ngọc Hòa Bình, Thập Nền, Ánh Sáng Từ Bi, World Peace Jade Buddha...* do anh sáng tác được thể hiện qua hai giọng ca nổi tiếng Thu Nga và Thanh Thúy cũng như Nhóm Nhạc Tuệ Đăng của vùng "Thung Lũng Hoa Vàng" là một tâm nguyện chân thành thi thiết nhất của người con Phật đối với đấng cha lành của muôn loại.

Những bản Thiên ca của Lê Minh Hiền kết hợp với sự hòa âm điều luyện của Nhạc sĩ Bảo Chấn, cách design CD đẹp thi vị của Nguyễn Chính Hữu chắc chắn sẽ mang lại cho tất cả chúng ta một món quà âm nhạc tâm linh vô giá, làm vơi đi những lo toan khắc khoải của đời thường, sống thành thơi, an lạc.

Xin trân trọng giới thiệu đến quý vị CD "Phật Ngọc Hòa Bình" của Nhạc sĩ Lê Minh Hiền.

Câu nguyện ánh sáng từ bi trí tuệ của Ngài soi sáng cho tất cả chúng ta.

Thiện Long

Liên lạc:

Lê Minh Hiền Tel: (408) 914 0360 | (408) 509 4480 / (408) 360 9620

Email: leminhhien65@yahoo.com

Website: www.leminhhienmusic.com

HỆ THỐNG NHÀ HÀNG



HƯƠNG-GIANG Restaurant

14564 Brookhurst St.,
Westminster, CA 92683

Tel.: (714) 531-4930

www.huonggiangfoodtogo.com

Open 7 days: 8:00 AM - 8:00 PM



HƯƠNG-GIANG Food To Go

14282 Brookhurst St.,
Garden Grove, CA 92843

Tel.: (714) 531-1798

www.huonggiangfoodtogo.com

Open 7 days: 7:00 AM - 7:00 PM



HƯƠNG-VỸ Restaurant

9372 Westminster Blvd.,
Westminster, CA 92683

Tel.: (714) 379-0900

Open 6 days: 9:00 AM - 10:00 PM

Closed Tuesday

ỦNG HỘ CÔNG TÁC
TÌNH THƯƠNG CỦA
NHÓM PHƯỢNG VỸ
Mrs. Nguyễn Bích Nga
(Cựu nữ sinh Đồng Khánh)

NHẬN ĐẶT TIỆC





DONGNAI PHARMACY

CÔNG TY CUNG CẤP DƯỢC PHẨM VÀ DỤNG CỤ Y KHOA

9081 Bolsa Ave., Suite # 108, Westminster, California

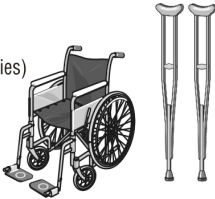
(gần tiệm Hòa Bình Food To Go trong khu Guaranty Bank of America)

Tel: (714) 379-5072 * Fax: (714) 379-5074

DƯỢC SĨ TRẦN ĐỨC HIẾU & DƯỢC SĨ TRẦN THỊ LƯU ÁI

BÁN VÀ CHO THUÊ CÁC DỤNG CỤ Y KHOA:

- XE LĂN - NANG CHỐNG - NANG TẬP ĐI (Walker)
- GIƯỜNG BỆNH VIỆN và CÁC ĐỒ DÙNG PHỤ THUỘC (Hospital Bed và accessories)
- DỤNG CỤ AN TOÀN TRONG PHÒNG TẮM (Bathroom Safety Products)
- CÁC LOẠI MÁY ĐO ĐƯỜNG TRONG MÁU (Blood Glucose Monitor)
- MÁY ĐO HUYẾT ÁP (Blood Pressure Monitor)



CUNG CẤP ĐẦY ĐỦ:

- CÁC LOẠI DƯỢC PHẨM BÁN THEO TOA (Prescription Drugs) HAY BÁN TỰ DO (OTC Drugs)
- CÁC LOẠI SẢN PHẨM NUÔI DƯỠNG BỆNH NHÂN QUÁ ỚNG CHUYỂN VÀO RUỘT HAY CHUYỂN VÀO MÁU (Enteral và parental Nutrition products)
- CÁC VẬT DỤNG DÀNH CHO BỆNH NHÂN TIỂU TIỆN BẤT THƯỜNG (Incontinence products)
- CÁC VẬT DỤNG DÀNH RIÊNG CHO BỆNH NHÂN GIẢI PHẪU LỖ THÔNG QUA THÀNH BỤNG (Ostomy products) TÚI DẪN LỖ THÔNG ĐẠI TRÀNG (Colostomy products)

SẢN PHẨM TỐT - AN CẢN - TẬN TÂM - NHANH CHÓNG

NHẬN MEDICAL, MEDICARE, CÁC LOẠI BẢO HIỂM AETNA, ALTARX, BLUE CROSS, BLUE SHIELD, CARE MARK, CIGNA, COMPLETE, DIVERSIFIED, EXPRESS SCRIPTS, FOUNDATION, GEHA, HEALTHNET, MET LIFE, PACIFICARE, PAID, PCS, PCN, PERFORM, PERCARE, RESTAT, RX NET, SCRIPCARD, TRAVELER, VALUE RX

Giờ mở cửa:

Thứ Hai - Thứ Sáu: 10:00 AM - 6:00 PM

Thứ Bảy: 10:00 AM - 3:00 PM



PIANO LESSONS

& GUITAR, VIOLIN, VOICE... Etc. LESSONS
TẠI SAO NÊN CHỌN HỌC Ở ĐÂY?

- Dạy từng nhóm hay từng cá nhân
- Đủ lứa tuổi, đủ trình độ
- Điều hành bởi
Giáo sư Dr. BOB RIOS, Ph.D.
Tốt nghiệp USC, Cựu Hội trưởng MTAC, Giám khảo và Trưởng ban điều hành các kỳ thi tiểu bang. Đã từng phục vụ tại Little Saigon trên 30 năm với nhiều học viên từng thắng giải tiểu bang & toàn quốc.
- Dạy Lý thuyết, Sáng tác và Trình diễn cho các kỳ thi.

Đặc biệt
Mùa Hè
(for new student only)

\$99/ 6 weekly lessons

Free học liệu
Free lệ phí ghi danh
Có giá trị từ 6/28/09 đến 8/28/09
Register now & save

THE PIANO PLACE

Xin gọi cô Thủy **(714) 899-4823**

14441 Beach Blvd., #100, Westminster, CA 92683 (gần góc Hazard)

Bồ Đề Tịnh Tâm Chay 1 & 2

Vegetarian Restaurant

Open 7 days:

Mon - Thur: 09am to 09pm

Fri - Sun: 09am to 10pm

* 15131 Moran St., # 417, Westminster, CA 92683

(trong khu thương xá Phước Lộc Thọ)

* 15352 Beach Blvd., Westminster, CA 92683

(góc đường McFadden và Beach)

Điện thoại: **(714) 891-4455 / (714) 891-5809**

Food to go.
Tinh khiết,
bổ dưỡng,
thơm ngon

Có giá đặc biệt cho

Hội Đoàn, Nhà Thờ, Chùa

120 Món ăn Chay
ngon hơn ăn Mặn

Parking rộng, đậu xe thoải mái



Voted #1 Vegetarian Restaurant in OC 2006-2009

Bồ
Đề
Tịnh
Tâm
Chay

Vietnamese Vegetarian Restaurant

AUTHENTIC VEGETARIAN
VEGAN ENTREES

We use all FRESH ingredients!

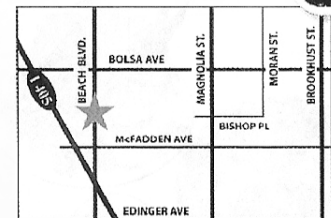
CATERING & PRIVATE PARTIES
(Call for Details)



15352 Beach Blvd
Westminster, CA 92683

714.891.4455

Mon-Thurs 9am-9pm • Fri-Sun 9am-10pm

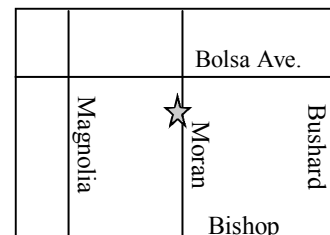


For comments about our restaurant go to www.happycow.net or www.yelp.com

15131 Moran St. # 417
Westminster, CA 92683

714.891.5809

Mon-Thurs 9am-9pm * Fri-Sun 9am-10pm



Brodard Chateau

9100 Trask Ave.

Garden Grove, CA 92844

Tel: **714.899.8273**

Open: 11am—10pm . 7 Days / Week

Brodard Restaurant

9892 Westminster Ave., Unit R

Garden Grove, CA 92844

Tel: **714.530.1744**

Open: 8am—9pm . Closed Tuesday

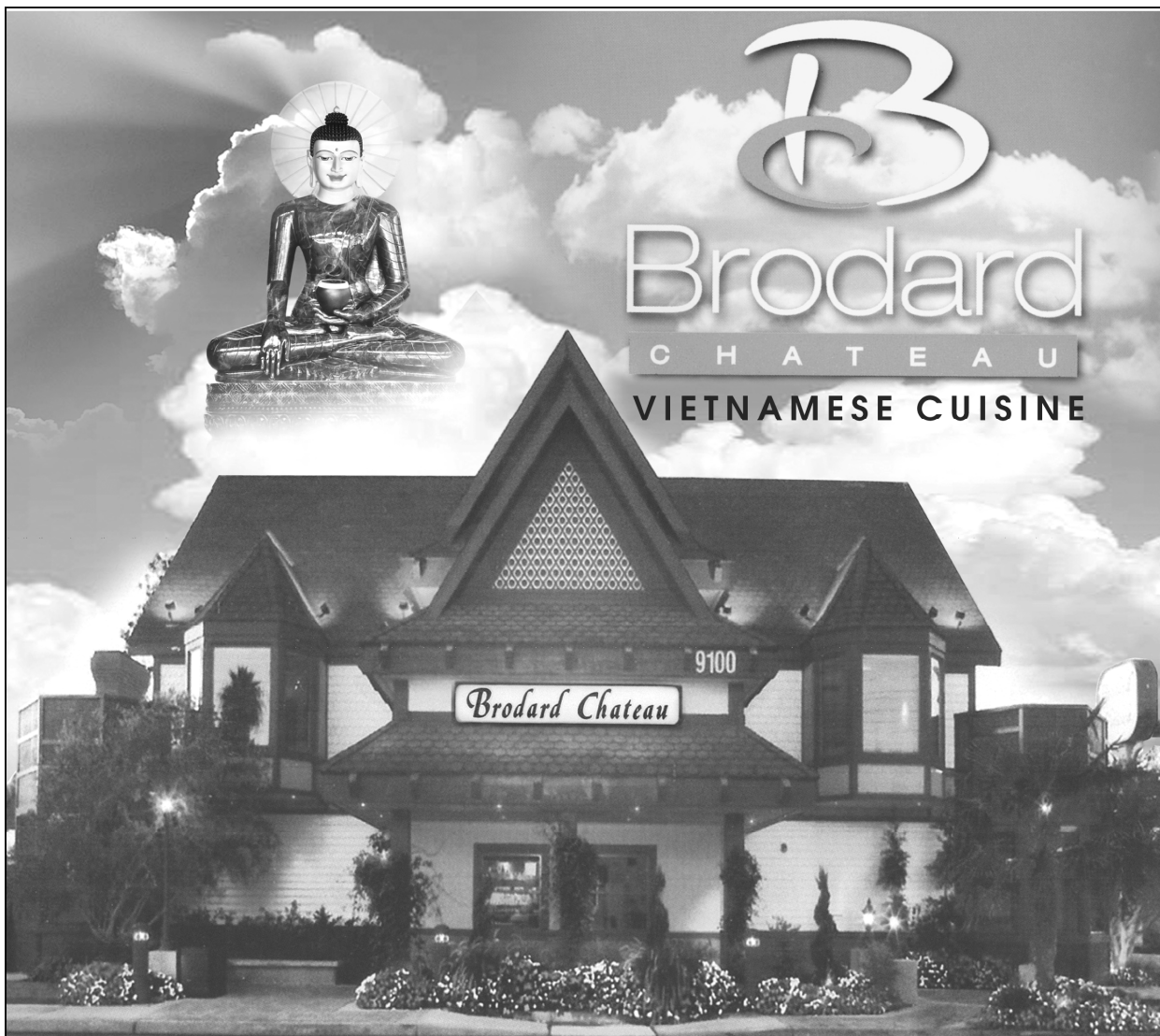
Bamboo Bistro

2600 E. Pacific Coast Hwy, Unit 160

Corona Del Mar, CA 92625

Tel: **949.720.1289**

Open: 11am—9pm . 7 Days / Week



- ★ MỘT NHÀ HÀNG VỚI KIẾN TRÚC TÂN KỲ, RỘNG LỚN, HOÀNH TRÁNG, SANG TRỌNG BẠC NHẤT VÙNG LITTLE SAIGON
- ★ MỘT THỰC ĐƠN XUẤT SẮC TIÊU BIỂU VIỆT NAM
- ★ MỘT CÁI TIẾN THÍCH HỢP CHO MỌI KHẨU VỊ SÀNH ĐIỀU
- ★ MỘT CUNG CÁCH PHỤC VỤ HÒA NHÃ, AN CẦN, THÂN MẬT, CHU ĐÁO
- ★ MỘT ĐỊA ĐIỂM THUẬN TIỆN VỚI PARKING RIÊNG RẼ, RỘNG RÃI
- ★ MỘT CHỖ NGỒI ẤM CÚNG, THƠ MỘNG, HỮU TÌNH



Kevin Le
Realtor/Loan Specialist

ERA Superior Real Estate

9134 Edinger Ave.
Fountain Valley, CA 9208

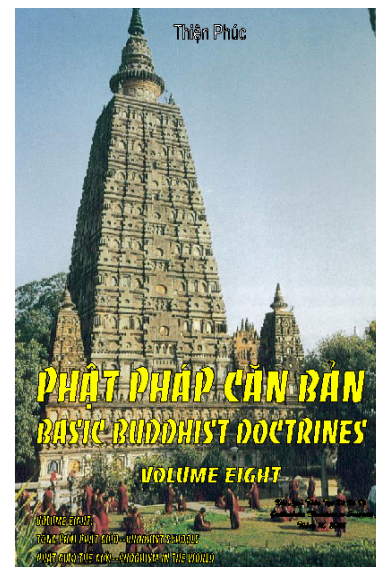
Cell: (714) 254-5092
Office: (714) 375-3000
Fax: (714) 375-3001
E-mail: kle77@yahoo.com



Each ERA (R) Office is Independently Owned and Operated



Quý vị nào muốn
thỉnh bộ **Phật
Pháp Căn Bản**
của Thiện Phúc,
xin liên lạc **Chùa
Liên Hoa (714)
636-7725**, hoặc
**Chùa Bát Nhã
(714) 571-0473**





Bác Sĩ

ĐỖ CẢNH MINH, M.D.

14441 Brookhurst St., # 6, Garden Grove, CA 92843
(Góc Brookhurst & Hazard)

Điện thoại: **(714) 418-0488**



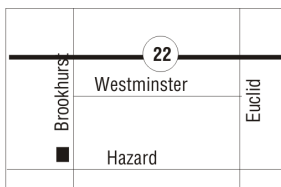
CHUYÊN TRỊ TẤT CẢ CÁC LOẠI BỆNH THẬN, CAO HUYẾT ÁP VÀ NỘI THƯƠNG TỔNG QUÁT

- Bệnh Nội Khoa Người Lớn và Trẻ Em
- Bệnh tiểu đường, bấu cổ và các bệnh đau nhức
- Bệnh tim, cao máu, cao mỡ và phổi
- Bệnh tiêu hóa, gan, túi mật, bao tử, ruột trĩ
- Bệnh thần kinh, nhức đầu kinh niên
- Bệnh dị ứng, sổ mũi, mê đay, suyễn
- Bệnh ngoài da, mụn trứng cá, mực cóc, lở ngứa
- Nhận làm bác sĩ gia đình
- Chích ngừa cho trẻ em và người lớn

ĐẢM TRÁCH LỘC MÁU TẠI CÁC TRUNG TÂM LỌC THẬN "DIALYSIS CENTER"

Nhận Medical / Caloptima Medicare và bảo hiểm

Giờ làm việc:
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:30 am - 6 pm
Thứ Bảy: 9:30 am - 3:00 pm
Đóng cửa Thứ Năm và Chủ Nhật



KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP HÀNG TUẦN TẠI CHÙA BÁT NHÃ, SANTA ANA, CALIFORNIA

CHÙA BÁT NHÃ mỗi tuần vào ngày **THỨ BẢY, từ 8:00 sáng đến 5 giờ chiều** đều có khóa **Tu Học dành riêng cho quý Phật Tử**. Chương trình gồm có: tham cứu về Tịnh Độ tông, Thiền tông, Mật tông, tìm hiểu những giáo lý căn bản của người Phật Tử, nhất là hành trì thực nghiệm trong ngày Tu Học, để đem lại lợi ích thiết thực cho đời sống tâm linh của mỗi người.

Các Khóa Tu này do Chùa bát Nhã cúng dường tất cả vật thực và Chư Tăng Ni sẽ lo cơm nước và vật dụng cần thiết, Phật Tử chỉ lo Tu Học.

Mọi chi tiết cần thiết xin liên lạc **(714) 571-0473** hay **(714) 548-4148**

Cầu Phật Tử gia hộ cho quý vị thân tâm thường thanh tịnh đạo tâm kiên cố.

Địa chỉ Chùa Bát Nhã:

803 S. Sullivan St., Santa Ana, CA 92704



NEWLAND Pharmacy

8401 Westminister Blvd., Westminister, CA 92683

Dược sĩ **PHẠM KIỀU LIỄU**

- Bán thuốc theo toa Bác sĩ
- Nhận Medicare, Medi-cal, Caloptima, MSI và các loại Bảo hiểm sức khỏe

Pharmacy Hours:

Mon - Fri: 10:00 am - 6:00 pm
Sat: 10:00 am - 4:00 pm

Tel: **(714) 892-5372**
Fax: **(714) 893-1359**

T.SIGNS

15151 MORAN ST., WESTMINSTER, CA 92683

Tel. **(714) 890-0932**

Fax: **(714) 891-5602**

LÀM BẢNG HIỆU

Lic. C45 # 735992

HỒ ANH TUẤN

Cựu Từ Nhân Chính Trị Z.30C

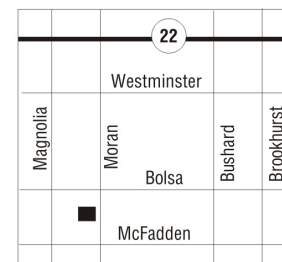
LÀM BẢNG HIỆU VỚI GIÁ WHOLESALE BANNER, CẮT CHỮ ĐỢI LẤY LIỀN

CHUYÊN LÀM CÁC LOẠI BẢNG HIỆU:

- Thùng đèn, chữ hộp đèn
- Neon Window • Chữ Plastic Nổi, Foam
- Menu Box • Magnetic Sign
- Dùng hệ thống Computer Signmaker để Design, Layout cắt Logo và Chữ
- Window Lettering
- Real Estate Sign.

BẢO ĐẢM PHẨM CHẤT TỐT ĐÚNG HẸN • GIÁ PHẢI CHĂNG

Mở cửa 7 ngày trong tuần
9:00 AM - 6:00 PM





CHÁNH PHÁP

Chủ nhiệm: HT. Thích Nguyên Trí
Thủ quỹ: Ni sư Thích Diệu Tánh
Trị sự: ĐĐ. Thích Đồng Trực
Thư ký: ĐĐ. Thích Đồng Châu

Chủ biên: Vĩnh Hào

Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

LIÊN LẠC:

- **Bài vở:** baivochanhphap@gmail.com
- **Quảng cáo/Phát hành:** (714) 638-0989
- **Chi phiếu ủng hộ,** xin ghi "CHANH PHÁP" và gửi về địa chỉ:

11502 Daniel Ave.

Garden Grove, CA 92840 – U.S.A.

Tel.: **(714) 638-0989**

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai hữu duyên trong cả thế giới của trời và người. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: *"Thế hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình sẽ trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."*

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp mầu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

www.chanhphap.net

số **15**
7.2010



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE BUDDHIST COMMUNITY - A NONPROFIT ORGANIZATION

CHÙA CỔ LÂM

3503 S. Graham St. Seattle, WA 98118. Tel: (206) 723-4741. Fax: (206) 723-0506
Email Address: colamtemple@hotmail.com



Phật Lịch 2554

Ngày 28/4/2010

THÔNG BÁO

Đại Lễ Cung Nghinh và Chiêm Bái Phật Ngọc Hòa Bình Thế Giới

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật:

Kính Thua Quý Đồng Hương Đồng Bào Phật Tử

Chúng ta sanh nhầm vào thời cách Phật lâu xa, ít có non duyên thù thắng để diện kiến, đánh lễ hình tượng chư Phật trang nghiêm, tôn quý đã hiện hữu trên thế gian này hầu có được niềm tin bất hoại và phước lạc lâu dài nơi Phật Bảo.

Chúng tôi, Cộng Đồng Phật Giáo Việt Nam Chùa Cổ Lâm, thành tâm cung thỉnh Phật Phật Ngọc Vì Hoà Bình Thế Giới là mộ kỳ quan, bảo tàng quý giá của nhân loại trong thiên niên kỷ này. Bảo tượng Phật Ngọc này là hình ảnh được lấy ra từ một pho tượng Phật lâu đời tôn trí tại Bồ Đề Đạo Tràng, nơi đức Phật thành đạo để mọi người khi đến chiêm bái Phật tích, đánh lễ. Đó chính là tâm nguyện của chùa mà cũng là ước mong chung của quý Đồng Hương, Đồng Bào Phật Tử. Do vậy, thay mặt ban tổ chức, chúng tôi kính thông báo đến toàn thể quý Đồng Hương Phật tử, chương trình Đại Lễ Cung Nghinh, Chiêm Bái Phật Ngọc và Lễ Trai Đàn Chấn Tế Kỳ Siêu Bạt Độ Cô Hồn được diễn ra:

- Trong khuôn viên chùa Cổ Lâm
- **Lễ khai mạc:** 1:00 chiều, thứ Bảy ngày 21 tháng 8 năm 2010 (nhằm ngày 12 tháng 7 năm Canh Dần)
- **Lễ Trai Đàn Chấn Tế:** 4:00 chiều, thứ Bảy ngày 28 tháng 8 năm 2010
- **Lễ bế mạc:** 4:00 chiều, chủ Nhật ngày 29 tháng 8 năm 2010

Chúng tôi trang trọng kính mời toàn thể quý Đồng Hương, Đồng Bào Phật Tử, và tất cả mọi người thuộc nhiều quốc gia hoan hỷ về tham dự Đại Lễ Khai Mạc Chiêm Bái Phật Ngọc và cầu nguyện cho thế giới hòa bình, chúng sanh an lạc vào ngày giờ và địa điểm nêu trên.

Sự hiện diện chân thành của quý vị là niềm khích lệ lớn lao cho ban tổ chức, đồng thời nói lên lòng quý kính của mọi người đối với bậc giác ngộ.

Kính lay Hồng Ân Tam Bảo gia hộ cho toàn thể quý vị cùng bửu quyến vô lượng an Khang, cát tường như ý.

Nam Mô Hoan Hỷ Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát.



Seattle, ngày 28 tháng 4 năm 2010
T/M: Ban Tổ Chức
Viện Chủ

Nichnuffenar

H.T. Thích Nguyên An

Địa chỉ tòa soạn:

CHÁNH PHÁP

803 S. Sullivan Street
Santa Ana, CA 92704

TO: _____

Báo Chánh Pháp số 15, tháng 7 năm 2010, do Tổ Đình Từ Đàm Hải Ngoại (Texas) ủng hộ ấn phí. Tòa soạn xin thành tâm cảm tạ. Kính nguyện quý bốn tự và chư Phật-tử được hưng long, an lạc để hồng truyền và hộ trì Phật Pháp.